

Số: 531/BC-CDKTCN

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2025

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG

1. Thông tin chung về Trường

Tên Trường : Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

Tên tiếng Anh : Nha Trang College of Technology.

Cơ quan chủ quản : Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Trụ sở Trường:

(1) Cơ sở 1 (Cơ sở chính):

- Đường N1, khu Trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- 298 đường Thống Nhất, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

(2) Cơ sở 2: Trung tâm Đào tạo Lái xe Ô tô - Cơ giới:

- Thôn Phước Lộc, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- 184 đường Dã Tượng, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

(3) Cơ sở 3: Khu thực hành Khoa Du lịch - Môi Trường, xã Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa.

(4) Cơ sở cũ: 32 Trần Phú, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.(hiện không sử dụng, đang chờ bàn giao)

Số điện thoại: 0258.3881139

Số fax: 0258.3882333

Email: cdktcn@khanhhoa.gov.vn

Website: <http://www.cdktcnnt.edu.vn>

Năm thành lập Trường:

Năm thành lập đầu tiên: 1962, Năm nâng cấp thành Trường cao đẳng : 31/01/2007

Năm đổi tên Trường: 15/9/2017

Loại hình Trường: Công lập ☒ ; Tư thực ☐

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

2.1. Lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang được đổi tên theo Quyết định số 1469/QĐ-BLĐTBXH ngày 15/9/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTB - XH từ Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang được thành lập theo Quyết định số 192/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/01/2007 của Bộ trưởng Bộ LĐTB - XH. Tiền thân là Trường Trung học Kỹ thuật Nha Trang được thành lập từ năm 1962. Quá trình hình thành và phát triển Nhà trường đã qua nhiều lần đổi tên là: Công nhân kỹ thuật Khánh Hòa, Trung học Kỹ thuật và Nghiệp vụ Khánh Hòa, Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang và hiện nay là Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang. Nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp phục vụ cho sự phát triển kinh tế của tỉnh Khánh Hòa và khu vực Nam Trung bộ.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là một trong 45 Trường được đầu tư thành Trường chất lượng cao đến 2020 theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, Trường có 7 nghề trọng điểm: 4 cấp độ quốc tế, 2 cấp độ khu vực ASEAN và 1 cấp độ quốc gia theo Quyết định số 1769/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ LĐTB - XH về việc phê duyệt ngành, nghề trọng điểm, Trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến 2025.

Qua hơn 63 năm cùng với sự biến động thăng trầm của lịch sử, nhà trường luôn giữ vững và phát huy vai trò tiên phong trong sự nghiệp đào tạo nguồn lao động kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất và dịch vụ cho sự phát triển kinh tế của tỉnh Khánh Hòa và khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

Đào tạo theo 3 cấp trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp theo quy định. Bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật - công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật. Thực hiện liên kết với các trường, các cơ sở nghiên cứu để đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ Đại học và trên Đại học theo quy định của nhà nước.

Nhà trường còn là nơi đào tạo đội ngũ nhà giáo GDNN cho các cơ sở GDNN (GDNN) trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

2.2. Một số thành tích nổi bật

Trong hơn 63 năm hình thành và phát triển, Nhà trường phấn đấu để trở thành Trường cao đẳng chất lượng cao của cả nước theo quyết định 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ, đạt được nhiều thành tích trong những năm qua và nổi bật trong những năm gần đây. Ghi nhận những thành tích đó, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng cho Trường nhiều hình thức khen thưởng cao quý góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, cụ thể như sau:

Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước 2015;

Huân chương Lao động hạng Nhất của Chủ tịch nước 2020;

Bằng khen của Thủ tướng chính phủ: 04 tập thể;

Bằng khen của Thủ tướng chính phủ: 02 cá nhân;

Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước: 03 cá nhân;

03 Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ cho đơn vị đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác giáo dục và đào tạo, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm học 2015-2016, 2016-2017 và 2021-2022;

Cờ thi đua của Bộ trưởng Bộ LĐTB-XH về dẫn đầu công tác tuyển sinh khu vực Nam trung bộ và Tây Nguyên từ năm 2010-2014; Cờ thi đua xuất sắc của Bộ trưởng Bộ LĐTB-XH về dẫn đầu phong trào thi đua trong công tác GDNN năm học 2014-2015;

Cờ thi đua của UBND tỉnh về đã có thành tích trong 55 năm xây dựng và phát triển Trường CĐN Nha Trang; Cờ thi đua của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về thành tích phong trào thi đua yêu nước 5 năm; 03 Cờ thi đua của UBND tỉnh Khánh Hòa về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Khối các Trường Đại học, Cao đẳng tỉnh Khánh Hòa các năm học 2016 - 2017, 2017-2018 và 2022-2023;

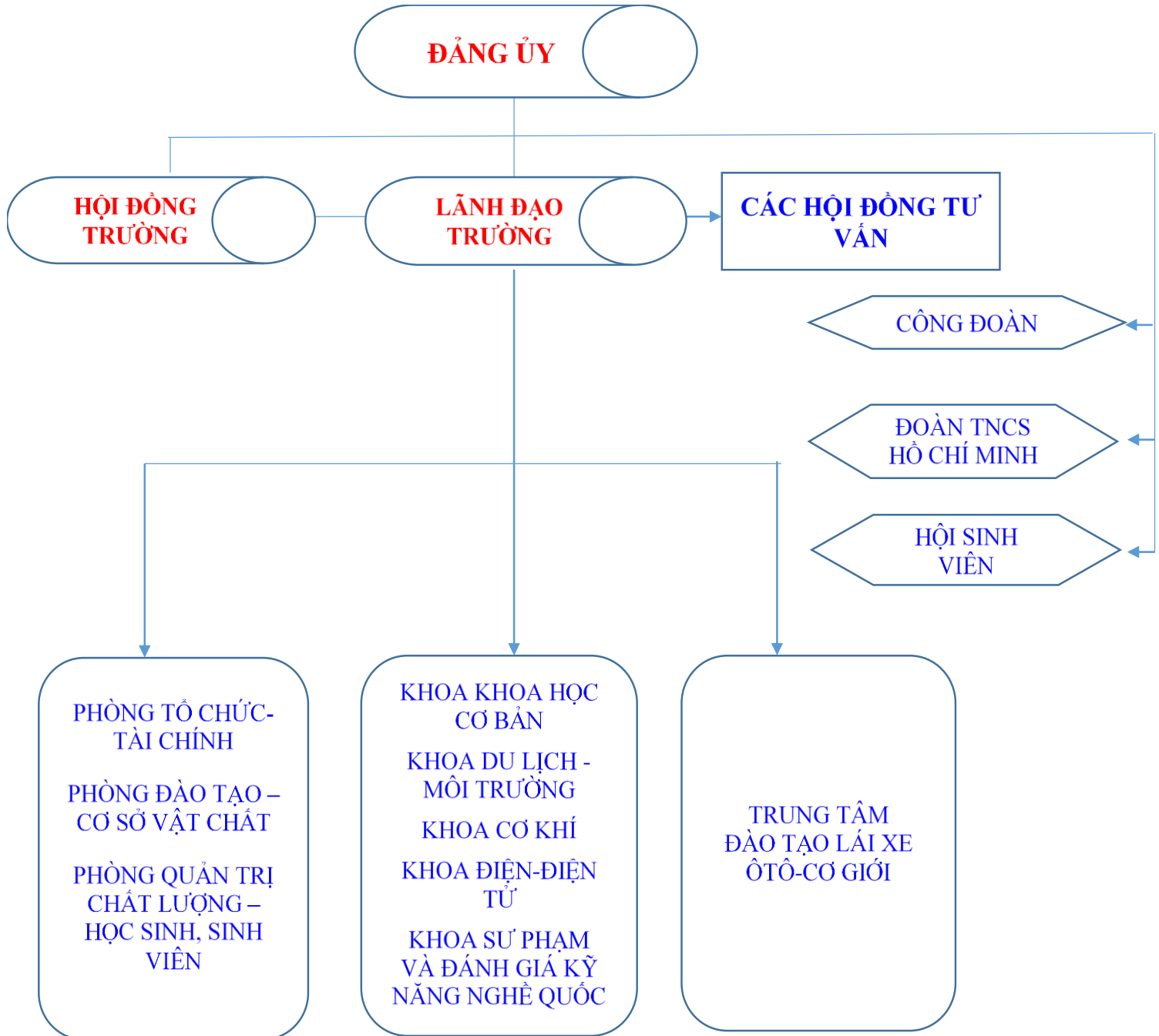
Tập thể Trường được Khối thi đua bình bầu là 01 trong 04 đơn vị xuất sắc của Khối thi đua các trường ĐH, CĐ năm học 2023-2024 và được Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa tặng Bằng khen cho tập thể Trường đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm học 2023-2024.

Hàng năm được Chủ tịch UBND tỉnh tặng nhiều Bằng khen cho các cá nhân, tập thể đạt được thành tích trong hoạt động chuyên môn, hoạt động phong trào.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường

3.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự:

Sơ đồ bộ máy tổ chức:



Tình hình nhân sự:

Tổng số viên chức, người lao động: 161 người (trong đó viên chức là 124 người, HDLD là 37 người).

Trình độ chuyên môn: 03 tiến sĩ, 84 thạc sĩ, 55 đại học, 12 cao đẳng, 6 trung cấp, 01 khác. Đối với đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy là 162, trong đó: Nam: 92, Nữ: 70; nhà giáo cơ hữu là 108, nhà giáo thỉnh giảng là 54.

Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Ban Giám hiệu	Nguyễn Văn Lực	1966	Thạc sĩ	Hiệu trưởng
	Nguyễn Mạnh Hùng	1967	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Phan Mai Phương Duyên	1971	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Văn Đình Thanh	1977	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
Đảng Bộ	Nguyễn Văn Lực	1966	Thạc sĩ	Bí thư Đảng bộ
Chi bộ 1	Võ Thành Hoàng Hiếu	1980	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 2	Lê Thị Minh Hiếu	1988	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 3	Đặng Bửu Tùng Thiện	1977	Tiến sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 4	Lương Thị Thúy Hằng	1977	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 5	Trần Đình Ngọc Anh	1980	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 6	Nguyễn Mạnh Hùng	1967	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 7	Phạm Minh Hoàng	1970	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Công Đoàn Trường	Văn Đình Thanh	1977	Thạc sĩ	Chủ tịch Công đoàn
Đoàn TNCSHCM	Nguyễn Tuấn Huy	1994	Thạc sĩ	Bí thư Đoàn Trường
Hội sinh viên	Nguyễn Tuấn Huy	1994	Thạc sĩ	Chủ tịch Hội SV
Phòng ĐT - CSVC	Võ Thành Hoàng Hiếu	1980	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng QTCL - HSSV	Hồ Thị Châu	1979	Tiến sĩ	Trưởng phòng
Phòng TC - TC	Lê Thị Minh Hiếu	1988	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Khoa Khoa học cơ bản	Bùi Thị Thúy Vinh	1976	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa DL - MT	Trần Thị Thanh Phượng	1976	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Cơ khí	Cao Văn Tài	1974	Tiến sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Điện - Điện tử	Phạm Minh Hoàng	1970	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa SP&ĐGKNNQG	Lương Thị Thúy Hằng	1977	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
TTĐTLXOTO-CG	Hồ Phước Hoàng	1964	Thạc sĩ	Giám đốc

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của Trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Cắt gọt kim loại	6520121	25	Cao đẳng
			20	Cao đẳng liên thông
		5520121	25	Trung cấp
2	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	60	Cao đẳng
			35	Cao đẳng liên thông
			35	Cao đẳng CLC
		5480202	100	Trung cấp
3	Công nghệ ô tô	6510216	100	Cao đẳng
			35	Cao đẳng liên thông
			35	Cao đẳng CLC
		5510216	120	Trung cấp
4	Điện công nghiệp	6520227	70	Cao đẳng
			35	Cao đẳng liên thông
			35	Cao đẳng CLC
		5520227	70	Trung cấp
5	Kỹ thuật Máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	70	Cao đẳng
			35	Cao đẳng liên thông
			35	Cao đẳng CLC
		5520205	70	Trung cấp
6	Kỹ thuật Chế biến món ăn	6810207	70	Cao đẳng
			35	Cao đẳng liên thông
		5810207	140	Trung cấp
7	Quản trị khách sạn	6810201	70	Cao đẳng
			35	Cao đẳng liên thông
		5810201	70	Trung cấp
8	Hàn	5520123	25	Trung cấp
9	Máy thời trang	6540205	25	Cao đẳng

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
			25	Cao đẳng liên thông
		5540205	25	Trung cấp
10	Kỹ thuật xây dựng	6580201	25	Cao đẳng
			20	Cao đẳng liên thông
		5580201	25	Trung cấp
11	Cơ điện tử	6520263	25	Cao đẳng
		5520263	25	Trung cấp
12	Điện tử công nghiệp	6520225	30	Cao đẳng
		5520225	25	Trung cấp
13	Điện dân dụng	6520226	30	Cao đẳng
		5520226	30	Trung cấp
14	Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính	6480102	30	Cao đẳng
		5480102	30	Trung cấp
15	Hướng dẫn du lịch	6810103	30	Cao đẳng
			20	Cao đẳng liên thông
		5810103	30	Trung cấp
16	Quản trị nhà hàng	6810206	30	Cao đẳng
			20	Cao đẳng liên thông
17	Nghệ vụ nhà hàng	5810206	30	Trung cấp
18	Kế toán Doanh nghiệp	6340302	25	Cao đẳng
			20	Cao đẳng liên thông
		5340302	25	Trung cấp
19	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	6510303	35	Cao đẳng
			35	Cao đẳng liên thông
		5510303	30	Trung cấp
20	Chế biến thực phẩm	6540104	25	Cao đẳng
			20	Cao đẳng liên thông
		5540104	30	Trung cấp
21	Công nghệ sinh học	6420202	25	Cao đẳng

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
22	Hàn công nghệ cao		50	Sơ cấp
23	Tiện công nghệ cao		50	Sơ cấp
24	Hàn điện		50	Sơ cấp
25	Kỹ thuật xây dựng		50	Sơ cấp
26	Sửa chữa điện công nghiệp		50	Sơ cấp
27	Thiết kế và lắp ráp mạch đèn quảng cáo		50	Sơ cấp
28	Lắp đặt điện nội thất		50	Sơ cấp
29	Lắp đặt điện, nước		50	Sơ cấp
30	Kỹ thuật điện lạnh		50	Sơ cấp
31	Kỹ thuật chế biến món Á		50	Sơ cấp
32	Kỹ thuật làm bánh		50	Sơ cấp
33	Nghiệp vụ pha chế thức uống		50	Sơ cấp
34	Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa		50	Sơ cấp
35	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn		50	Sơ cấp
36	Nghiệp vụ Buồng		50	Sơ cấp
37	Quản lý bán hàng và tiếp thị trong khách sạn		50	Sơ cấp
38	Quản lý công tác an toàn - an ninh trong khách sạn		50	Sơ cấp
39	Quản lý Bếp		50	Sơ cấp
40	Công tác xã hội		50	Sơ cấp
41	Kế toán Doanh nghiệp		50	Sơ cấp
42	Quản trị mạng máy tính		50	Sơ cấp
43	Nghiệp vụ nhà hàng		50	Sơ cấp
44	Hướng dẫn du lịch		50	Sơ cấp
45	Chế biến thực phẩm		50	Sơ cấp

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
46	Điện dân dụng		50	Sơ cấp
47	CNC (Tiện, phay)		50	Sơ cấp
48	Bảo dưỡng, sửa chữa động cơ xăng		50	Sơ cấp
49	Bảo dưỡng, sửa chữa động cơ Diesel		50	Sơ cấp
50	Bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện ô tô		50	Sơ cấp
51	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử		50	Sơ cấp
52	Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính		50	Sơ cấp
53	Thiết kế, đồ họa trên máy tính		50	Sơ cấp
54	Cắt, tĩa củ quả		50	Sơ cấp
55	Cắm hoa nghệ thuật		50	Sơ cấp
56	Kế toán thực hành khai báo thuế		50	Sơ cấp
57	May		50	Sơ cấp
58	Lái xe ô tô hạng B2		780	Sơ cấp
59	Lái xe ô tô hạng C		160	Sơ cấp

4.2. Số lượng HSSV (năm học 2024 - 2025 và đến 10/2025)

TT	Trình độ đào tạo	Năm	
		2024-2025	10/2025
I.	Trình độ cao đẳng		
	Chế biến thực phẩm	20	
	Cắt gọt kim loại	42	
	Kỹ thuật xây dựng	15	

TT	Trình độ đào tạo	Năm	
		2024-2025	10/2025
	Công nghệ ô tô	287	
	Hướng dẫn du lịch		
	Kỹ thuật chế biến món ăn	36	
	Kế toán doanh nghiệp	12	
	Quản trị khách sạn	31	
	Quản trị nhà hàng		
	Công nghệ thông tin	104	
	Điện công nghiệp	123	
	Điện dân dụng		
	Điện tử công nghiệp		
	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	118	
	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	65	
	Cơ điện tử		
II.	Trình độ trung cấp		
	Bảo vệ môi Trường biển		
	Chế biến thực phẩm	25	
	Cắt gọt kim loại	13	
	Hàn		
	Kỹ thuật xây dựng		
	May thời trang		
	Thiết kế thời trang		
	Cơ điện tử		
	Công nghệ sinh học		
	Công tác xã hội		
	Công nghệ ô tô	199	
	KT Sửa chữa máy tính		
	Hướng dẫn du lịch	73	
	Nghiep vụ nhà hàng	48	
	Kỹ thuật chế biến món ăn	195	

TT	Trình độ đào tạo	Năm	
		2024-2025	10/2025
	Kế toán doanh nghiệp	7	
	Quản trị khách sạn	97	
	Công nghệ thông tin	94	
	Điện công nghiệp	49	
	Điện dân dụng		
	Điện tử công nghiệp		
	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	65	
	Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính		
	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	27	
III.	Liên thông		
	Bảo vệ môi Trường biển		
	May thời trang		
	Cắt gọt kim loại	5	
	Công nghệ ô tô	51	
	Quản trị nhà hàng		
	Quản trị khách sạn	24	
	Điện công nghiệp	28	
	Điện dân dụng		
	Điện tử công nghiệp		
	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		
	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	16	
	Hướng dẫn du lịch	12	
	Chế biến thực phẩm	9	
	Công nghệ thông tin	30	
	Kỹ thuật chế biến món ăn	21	
	Kỹ thuật xây dựng	2	
	Kế toán Doanh nghiệp	2	
IV.	Trình độ sơ cấp và ngắn hạn	1.800	
	Kỹ thuật Điện lạnh	32	

TT	Trình độ đào tạo	Năm	
		2024-2025	10/2025
	Kỹ thuật chế biến món ăn Á	11	
	Nghiệp vụ pha chế thức uống	8	
	Kỹ thuật điện dân dụng	8	
	Kỹ thuật hàn	3	
	Kỹ thuật sơn ô tô	9	
	Sửa chữa thân xe ô tô	9	
	Nghiệp vụ sư phạm GDNN	926	
	Bồi dưỡng GVGDNN	82	
	Đào tạo lái xe ô tô hạng B11 (số tự động)	208	
	Đào tạo lái xe ô tô hạng B2 (số sàn)	440	
	Đào tạo lái xe ô tô hạng C	64	

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Diện tích đất

Nhà trường hiện có 03 Cơ sở đang sử dụng với tổng diện tích đất là: 249.201,1 m² trong đó:

Diện tích xây dựng: 70.673,5 m²

Diện tích cây xanh, lưu không: 178.527,6 m²

5.2. Diện tích hạng mục và công trình

5.2.1. Cơ sở chính (Cơ sở 1)

Đường N1, Khu Trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;

Trong đó:

Tại đường N1, khu Trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, phường Nam Nha Trang:

Diện tích đất: 74.350m² (Theo Biên bản bàn giao công trình ngày 29/5/2018) trong đó:

Diện tích đất xây dựng: 23.291,7 m²

Diện tích đất cây xanh, lưu không: 51.058,3 m²

Các hạng mục và công trình

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng	Ghi chú
1	Khu hiệu bộ (khu làm việc)	4.789,7445 m ²	Tầng 1, 2 & 3
2	Khu phòng học lý thuyết	6.141 m ²	Tầng 4 & 5 nhà học 1
3	Xưởng thực hành	20.846 m ²	Xây mới 1.500 m ²
4	Khu phục vụ		
4.1	Phòng Hội thảo	168,5 m ²	
4.2	Hội Trường	340,2 m ²	
4.3	Thư viện	224,64 m ²	
4.4	Kho Trường	112 m ²	
4.5	KTX	4.441,4 m ²	
4.6	Căn tin	216 m ²	
4.7	Trạm y tế	35,1 m ²	
4.8	Khu thể thao	2.334,96 m ²	
5	Khác		
5.1	Trạm điện	60,32 m ²	
5.2	Trạm bơm và Hồ nước	192 m ²	
5.2	Nhà bảo vệ 1	17,64 m ²	
5.4	Nhà bảo vệ 2	17,64 m ²	
5.5	Nhà bảo vệ 3	17,64 m ²	
5.6	Nhà để xe P1	200 m ²	
5.7	Nhà để xe P2	200 m ²	
5.8	Nhà để xe P5	500 m ²	
5.9	Nhà để xe P6	1000 m ²	
5.10	Nhà để xe KTX	165 m ²	
5.11	Đường giao thông	11.186 m ²	
5.12	Hè đi bộ	3.566 m ²	

Tại số 298, Thống Nhất, phường Tây Nha Trang:

Diện tích đất: 155,7 m²;

Diện tích đất xây dựng: 155,7 m²;

Diện tích sàn làm việc (03 tầng) 467 m².

5.2.2. Trung tâm đào tạo lái xe ô tô - cơ giới (Cơ sở 2)

Tại thôn Phước Điền, phường Nam Nha Trang:

Tổng diện tích đất: 44.396 m²
 Diện tích đất xây dựng: 15.561 m²;
 Diện tích đất cây xanh, lưu không: 28.835 m²

Tại số 184 Dã Tượng, phường Nha Trang:

Diện tích đất: 134,7 m²;
 Diện tích đất xây dựng: 134,7 m²;
 Diện tích sàn làm việc (02 tầng) 210 m².

Trong đó tại thôn Phước Điền, phường Nam Nha Trang có các diện tích hạng mục công trình như sau:

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng	Đang xây dựng
1	Khu hiệu bộ		
2	Phòng học lý thuyết	178 m ²	
3	Xưởng thực hành	1.434 m ²	
4	Khu phục vụ làm việc	178 m ²	
5	Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác)		
5.1	Nhà vệ sinh	22 m ²	
5.2	Bể chứa nước	48 m ³	
5.3	Nhà bảo vệ	9 m ²	
5.4	Nhà xe	150 m ²	
5.5	Sa hình (Sân tập lái)	13.750 m ²	

5.2.3. Cơ sở 3: Tại xã Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa

Tổng diện tích đất: 130.164,7 m²; trong đó:
 Diện tích đất xây dựng: 31.240 m²;
 Diện tích đất cây xanh, lưu không: 98.924,7 m²
 Diện tích hạng mục công trình:

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng	Đang xây dựng
1	Phòng học lý thuyết	169 m ²	
2	Xưởng thực hành	900 m ²	
3	Khu phục vụ	m ²	

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng	Đang xây dựng
3.1	Khu làm việc giáo viên	84 m ²	
3.2	KTX	363 m ²	
3.3	Nhà ăn	140 m ²	
4	Khác (các hạng mục công trình khác)		
4.1	Ao hồ chứa và thực nghiệm	2.445 m ²	
4.2	Khu vườn ươm ghép	15.880 m ²	
4.3	Nhà xe HSSV	120 m ²	
4.4	Nhà xe GV	24 m ²	
4.5	Bể chứa nước	50 m ³	
4.6	Trại chăn nuôi	95 m ²	
4.7	Các nhà vệ sinh	43 m ²	
4.8	Sân đường nội bộ	10.884 m ²	
4.9	Các nhà bảo vệ	43 m ²	

5.2.4. Cơ sở cũ: 32 Trần Phú, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (hiện không sử dụng, đang chờ bàn giao)

Tổng diện tích đất: 27.533,9 m²; trong đó:

Diện tích đất xây dựng: 10.786,77 m²

Diện tích đất cây xanh, lưu không: 16.747,13 m²

Diện tích hạng mục công trình:

TT	Hạng mục, công trình	
1	Khu hiệu bộ (Hiệu bộ và các phòng, Khoa, trung tâm...)	402 m ²
2	Khu Phòng học lý thuyết (tầng 4 và tầng 5 nhà học 1)	2.630 m ²
3	Khu học thực hành máy vi tính (tầng 2 nhà học 1)	8.420 m ²
4	Khu xưởng/phòng học thực hành (tầng 1, 3 nhà học 1)	
5	Xưởng/Phòng thực hành (xưởng thực hành 1; 2 và 3).	
6	Khu phục vụ	
6.1	Thư viện	140 m ²
6.2	KTX	1.177,5 m ²

TT	Hạng mục, công trình	
6.3	Nhà ăn	314 m ²
6.4	Phòng y tế	25 m ²
7	Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác nếu có)	
7.1	+ 02 Phòng bảo vệ	23,3 m ²
7.2	+ Kho Trường	162 m ²
7.3	+ Kho các Bộ môn	286 m ²
7.4	+ Khu Phòng Khoa - Hội Trường	1.081 m ²
7.5	+ Khu Khoa cơ bản, dự án, phòng QTCL-HSSV	130,7 m ²
7.6	+ Phòng Hội Thảo	99,6 m ²
7.7	+ Hội Trường	194 m ²
7.8	+ Nhà xe khách	60 m ²
7.9	+ Nhà xe giáo viên	202 m ²
7.10	+ Nhà xe học sinh	312 m ²
7.11	+ Sân đỗ xe học sinh	320 m ²
7.12	+ Nhà đặt máy bơm, PCCC	5 m ²
7.13	+ Nhà WC khu A	39 m ²
7.14	+ Bể chứa nước	60 m ³
7.15	+ Nhà bảo vệ KTX	9 m ²
7.16	+ Nhà xe KTX	111 m ²

5.3. Tổng số máy tính của Trường: 906 bộ

Dùng cho văn phòng: 95 bộ

Dùng cho HSSV học tập: 811 bộ

5.4. Tổng số đầu sách trong thư viện của Trường: 37.570 đầu sách, gồm:

Số lượng bản in: 5.561 đầu sách

Số lượng file: 32.009 đầu sách

Tổng đầu sách thuộc nghề đào tạo của Trường: 31.570 đầu sách

5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 04 năm trở lại đây:

Năm 2022: 17.139.000.000đ

Năm 2023:	10.107.000.000đ
-----------	-----------------

Năm 2024:	33.354.000.000đ
-----------	-----------------

5.6. Tổng thu học phí trong 04 năm trở lại đây:

Năm 2022:	7.872.000.000đ
-----------	----------------

Năm 2023:	6.717.000.000đ
-----------	----------------

Năm 2024:	10.511.000.000đ
-----------	-----------------

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Đặt vấn đề

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay đòi hỏi các cơ sở GDNN nói chung và Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang nói riêng phải đẩy mạnh hoạt động bảo đảm chất lượng GDNN bởi vì kết quả này là minh chứng quan trọng để Nhà trường khẳng định chất lượng đào tạo của Trường đối với xã hội.

Hoạt động tự đánh giá chất lượng hàng năm của Nhà trường nhằm đánh giá mức độ hiệu quả của chương trình học, hoạt động giảng dạy và học tập; đánh giá đúng thực lực của đơn vị; đánh giá đúng thực trạng điểm mạnh, điểm tồn tại, đề xuất giải pháp khắc phục tồn tại và đề ra mục tiêu, phương hướng phát triển; chủ động hơn trong việc quản lý chất lượng; tăng cường sự minh bạch và trung thực trong việc cung cấp thông tin về chất lượng GDNN; tăng tính tự chủ và trách nhiệm của cơ sở GDNN.

Đánh giá đúng yêu cầu tiêu chí tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN là đánh giá đúng thực trạng toàn bộ các hoạt động chung của Trường về công tác tổ chức bộ máy, nhân sự và hiệu quả quản lý; về hoạt động đào tạo; về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế; về cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như các điều kiện bảo đảm chất lượng cho các hoạt động chung của Trường trong từng năm sẽ giúp Nhà trường tăng cường công tác tự chủ, thực hiện mạnh mẽ chuyển đổi số, công tác quản trị Nhà trường, tăng cường nghiên cứu khoa học ứng dụng, tăng cường cơ hội hợp tác trong nước cũng như nước ngoài, tiếp cận các tiến bộ Khoa học kỹ thuật. Kết quả kiểm định chất lượng giúp Nhà trường nâng cao thương hiệu, có uy tín đối với Doanh nghiệp, đáp ứng thị Trường lao động, thu hút người học góp phần phát triển GDNN ngày càng đạt hiệu quả.

1.2. Vai trò hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN có vai trò rất quan trọng trong công tác đào tạo. Các cơ sở GDNN được Nhà nước kiểm định chất lượng GDNN sẽ có giá trị pháp lý quan trọng tạo thuận lợi trong hoạt động liên kết đào tạo, hợp tác quốc tế về đào tạo và thu hút đầu tư tài chính; có điều kiện xây dựng thành Trường đào tạo nghề trọng điểm quốc gia, từng bước tiếp cận với trình độ đào tạo nghề trong khu vực và thế giới.

Với ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, cơ quan cấp trên đã có kế hoạch xây dựng và áp dụng hệ thống bảo đảm chất lượng GDNN và thành lập các trung tâm kiểm định chất lượng độc lập, thực hiện kiểm định chất lượng

tất cả các cơ sở GDNN trong cả nước nhằm mục đích đánh giá thực trạng năng lực đào tạo hiện nay, trên cơ sở đó củng cố, sắp xếp, quy hoạch lại mạng lưới GDNN; xây dựng hệ thống GDNN quy chuẩn theo mô hình tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đáp ứng nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Trường tiếp tục thực hiện tự đánh giá toàn diện các hoạt động của Trường theo quy định trong năm 2025.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ LĐTB-XH.

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTB-XH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Nâng cao nhận thức của CBVC-NLĐ và HSSV trong toàn Trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở GDNN theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Trường trung cấp, cao đẳng, huy động tất cả các đơn vị trong toàn Trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá.

Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của Nhà trường dựa trên tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN.

Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp Trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, xây dựng Trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu Nhà trường.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của cơ sở GDNN tại tất cả các đơn vị trực thuộc Trường.

Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của cơ sở GDNN.

Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN hiện hành và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ cơ sở GDNN, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý Nhà nước về GDNN và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Phương pháp nghiên cứu văn bản, hồ sơ:

Phương pháp nghiên cứu văn bản/hồ sơ là một trong những phương pháp thu thập thông tin thường được dùng trong tự đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trường.

Nghiên cứu các thông tin, minh chứng tự đánh giá chất lượng đã thu thập được, từ đó xử lý, phân tích thông tin, minh chứng tự đánh giá chất lượng GDNN.

Phương pháp quan sát:

Phương pháp quan sát là một trong những phương pháp thu thập thông tin thường được dùng trong việc nghiên cứu hiệu quả hoạt động của một đơn vị.

Phương pháp phỏng vấn:

Phương pháp phỏng vấn là một trong những phương pháp thu thập thông tin trong tự đánh giá và kiểm định chất lượng. Phương pháp này thường được dùng nhiều trong tự đánh giá chất lượng mức độ phù hợp, hiệu quả hoạt động của Trường.

Phương pháp điều tra khảo sát:

Phương pháp điều tra khảo sát là một trong những phương pháp thu thập thông tin thường được dùng nhiều trong tự đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trường.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Các bước tự đánh giá thực hiện đúng theo Điều 15. Quy trình tự đánh giá chất lượng, Thông tư số 28/2017/TT-BLDTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTB-XH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN.

Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

Thực hiện tự đánh giá chất lượng:

Phân công phòng QTCL-HSSV chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN;

Thực hiện các nội dung tự đánh giá chất lượng, bao gồm: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng trình Hiệu trưởng phê duyệt; thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN;

tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng theo mẫu quy định; lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc cơ sở GDNN, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng;

Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng;

Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GDNN

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt chuẩn kiểm định
	Tổng điểm	100	100
1	Tiêu chí 1: Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý	10	10
1.1	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược ngành/ chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai.	2	2
1.2	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo của trường.	2	2
1.3	<i>Tiêu chuẩn 3:</i> Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.	2	2
1.4	<i>Tiêu chuẩn 4:</i> Hằng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý.	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
1.5	Tiêu chuẩn 5: Hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường (đảng ủy, ban giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng , mục tiêu của trường.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	16	16
2.1	Tiêu chuẩn 1: Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra.	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.		
2.6	Tiêu chuẩn 6: Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có).	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.	2	2
2.8	Tiêu chuẩn 8: Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra.	2	2
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động.	14	14
3.1	Tiêu chuẩn 1: Quy trình tuyển dụng, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	lượng cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường.		
3.4	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo, giáo trình	14	14
4.1	Tiêu chuẩn 1: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.		
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ GDNN, phù hợp với mục tiêu của GDNN, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo.	16	16
5.1	Tiêu chuẩn 1: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học các hoạt động khác của trường		
5.2	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, đảm bảo các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Thiết bị dụng cụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.	2	2
5.7	Tiêu chuẩn 7: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.		
5.8	Tiêu chuẩn 8: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học.	2	2
6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Trường ban hành quy định và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	2	2
7	Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	10	10

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
7.1	Tiêu chuẩn 1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu người học và các bên liên quan .	2	2
8	Tiêu chí 8: Giám sát, đánh giá chất lượng.	12	12
8.1	Tiêu chuẩn 1: Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến.	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
8.2	Tiêu chuẩn 2: Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.	2	2
8.3	Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.	2	2
8.4	Tiêu chuẩn 4: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.	2	2
8.5	Tiêu chuẩn 5: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
8.6	Tiêu chuẩn 6: Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	2	2

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. TIÊU CHÍ 1: *Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý*

Bao gồm 5 tiêu chuẩn

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là cơ quan trực thuộc UBND tỉnh Khánh Hòa. Mục tiêu, sứ mạng, công tác tổ chức và quản lý của Nhà trường được xác định rõ ràng, cụ thể, thể hiện qua các văn bản được các cấp phê duyệt như Quyết định thành lập trường, Quy chế tổ chức và hoạt động. Mục tiêu, sứ mạng được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của trường. Mục tiêu rõ ràng nên giúp Nhà trường có những định hướng phát triển tốt trong dài hạn cũng như ngắn hạn.

Hàng năm, căn cứ vào những mục tiêu cụ thể, nhu cầu nhân lực của địa phương, xã hội để điều chỉnh quy chế tổ chức hoạt động trường cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Nhà trường cũng như xã hội.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, được giao quyền tự chủ theo Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 giai đoạn 2022-2025, thực hiện quản lý công tác kế toán theo thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 10/10/2017 về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản quy định hiện hành có liên quan.

Căn cứ kế hoạch ngân sách Nhà nước được giao, nguồn thu hợp pháp tại đơn vị, Nhà trường cân đối và phân bổ kinh phí phù hợp để phục vụ hiệu quả các hoạt động của toàn Trường, đảm bảo điều kiện tốt nhất nhu cầu của người học, CBVC - NLĐ.

Những điểm mạnh:

Mục tiêu của Trường từ khi thành lập đến nay được xác định rõ ràng, cụ thể, có mục tiêu chung của từng giai đoạn phát triển và mục tiêu cụ thể của từng năm học.

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang được xây dựng dựa trên các quy định pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế tại Trường, đảm bảo nguyên tắc dân chủ cơ sở và được cơ quan chủ quản phê duyệt.

Khi xây dựng Quy chế có sự tham gia của tập thể CBVC-NLĐ toàn Trường, vì vậy có được sự ủng hộ mạnh mẽ trong việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và triển khai rộng đến bản thân người học nghề và gia đình thông qua thế mạnh của các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các hoạt động thiết thực của Công Đoàn và Đoàn TNCSHCM.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Tổng cục GDNN, các sở ban ngành trong tỉnh, lãnh đạo Nhà trường có nhiều thuận lợi trong việc tiếp cận với các chủ trương, chính sách và chiến lược phát triển kinh xã hội của tỉnh và ngành LĐTĐ-XH, qua đó làm cơ sở cho công tác xây dựng chiến lược phát triển của Trường cũng như hoạch định mục tiêu phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

Việc điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ được thực hiện kịp thời, trong đó phản ánh đúng xu thế phát triển của Trường và các yếu tố tác động tích cực của xã hội.

Luôn dựa trên các văn bản pháp quy để làm căn cứ cho việc cập nhật, điều chỉnh; kế thừa và phát triển những thành tựu mới của Khoa học để vận dụng vào mục tiêu đào tạo nghề mang tính hiện đại và thực tiễn.

Có đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức và cơ chế quản lý và được triển khai đến các bộ phận, kế hoạch phát triển cũng như phương hướng hoạt động của Trường được phổ biến công khai để mọi thành viên tham gia đóng góp ý kiến và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát bổ sung sửa đổi trong hội nghị CBVC, đảm bảo đúng quy định của Pháp luật và phù hợp với thực tế của đơn vị.

Đội ngũ CBNG đáp ứng thực hiện CTĐT đúng theo quy định trong điều kiện tốt nhất.

Nhà trường luôn chú trọng đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBVC - NLĐ.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Tiếp tục, duy trì công tác phổ biến mục tiêu, nhiệm vụ của Trường chú trọng đến chất lượng đào tạo, hiệu quả của người học nhằm phản ánh, quảng bá hình ảnh của Trường đạt hiệu quả tốt nhất.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác khảo sát nhu cầu học tập của HSSV và nhu cầu của các Doanh nghiệp hàng năm, qua đó phân tích thực tế nhu cầu nghề nghiệp của người học so

với nhu cầu xã hội làm cơ sở cho việc bổ sung, điều chỉnh mục tiêu và quy mô ngành nghề đào tạo.

Tiếp tục tổ chức định hướng tư vấn nghề nghiệp thường xuyên, định kỳ cho đối tượng học sinh trong các Trường THPT, THCS trên địa bàn tỉnh.

Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý phù hợp và đáp ứng như cầu thực tiễn.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tên tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<i>Tiêu chí 1</i>	<i>10 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1	2 điểm
Tiêu chuẩn 2	2 điểm
Tiêu chuẩn 3	2 điểm
Tiêu chuẩn 4	2 điểm
Tiêu chuẩn 5	2 điểm

Tiêu chuẩn 1.1: *Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược ngành/ chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là cơ sở GDNN công lập, thực hiện sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Khánh Hòa, khu vực Nam Trung Bộ và cả nước; góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn đến năm 2030 phấn đấu trở thành trường cao đẳng chất lượng cao, là trung tâm đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hiện đại, có uy tín trong khu vực và cả nước; tiên phong trong đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu thị trường lao động gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Đảm bảo chất lượng đào tạo theo chuẩn quốc gia và hội nhập quốc tế. Khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong dạy và học, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng yêu

cầu phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Khánh Hòa và khu vực. Xây dựng và phát triển nhà trường thành trung tâm đào tạo nghề đạt chuẩn quốc gia và tiến tới hội nhập quốc tế. Tăng cường liên kết đào tạo với doanh nghiệp, gắn đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2030: Đào tạo hàng năm từ 2.000 - 3.000 HSSV ở các hệ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp.

100% nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chương trình theo nhu cầu thị trường lao động và xu hướng hội nhập.

Tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm đạt trên 85% trong năm đầu tiên sau tốt nghiệp.

Nhà trường có đầy đủ các văn bản thể hiện mục tiêu sứ mạng của Trường và có văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường qua từng giai đoạn.

Ngày 31/1/2007, Trường Cao đẳng nghề Nha Trang được Bộ LĐTB&XH ký quyết định thành lập trên cơ sở nâng cấp từ Trường Trung học Kỹ thuật và Nghiệp vụ Khánh Hòa với mục tiêu sứ mạng là đào tạo người lao động có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có ý thức phục vụ cộng đồng, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề, nhằm tạo điều kiện cho người lao động nâng cao trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn. Có khả năng tìm hoặc tự tạo được việc làm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh của địa phương(1.1.01 - *Đề án thành lập Trường Cao đẳng nghề Nha Trang theo công văn 221/UBND ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Khánh Hòa; 1.1.02 - Quyết định số 192/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/1/2007 của Bộ LĐTB-XH về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Nha Trang; 1.1.03 - Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 08/10/2010 của UBND tỉnh Khánh hòa về việc phê duyệt Điều lệ của Trường Cao đẳng nghề Nha Trang*).

Triển khai thực hiện Luật GDNN có hiệu lực từ ngày 01/7/2015, nhà trường xây dựng Điều lệ hoạt động Trường Cao đẳng nghề Nha Trang trình UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt gồm 10 chương và 43 điều; sứ mạng, mục tiêu của trường được thể hiện rõ trong Điều lệ hoạt động của trường(1.1.04 - *Tờ trình số 443/TTr-CDN ngày 20/05/2016 về việc phê duyệt điều lệ Trường Cao đẳng nghề Nha Trang; 1.1.05 - Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 28 tháng 06 năm 2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê*

duyet điều lệ của Trường Cao đẳng nghề Nha Trang).

Ngày 15/9/2017, Trường Cao đẳng nghề Nha Trang được Bộ LĐTB&XH ký quyết định đổi tên thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang nhằm phù hợp với giai đoạn phát triển mới. Với vai trò, nhiệm vụ mới, Nhà trường tiếp tục cụ thể hóa sứ mạng, mục tiêu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và được thể hiện rõ trong Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang năm 2018 (1.1.06 - *Quyết định số 1469/QĐ-LĐTBXH ngày 15/9/2017 của Bộ LĐTB-XH về việc đổi tên trường Cao đẳng nghề Nha Trang thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.1.07- Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 3/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.1.08 - Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang nhiệm kỳ 2023-2028; 1.1.09 - Quyết định số 770/QĐ-CDKTCN ngày 08/6/2018 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).*

Căn cứ Điều lệ trường Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 1308/VBHN-BLĐTBXH ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH, Nhà trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang năm 2020, 2021, 2024 (1.1.10 - *Quyết định số 24/QĐ-CDKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.1.11 - Quyết định số 1867/QĐ-CDKTCN ngày 24/12/2021 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.1.12 - Quyết định số 866/QĐ-CDKTCN ngày 06/5/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).*

Ngoài ra, sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường còn được thể hiện rõ trong báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ trường, được cụ thể hóa trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ các năm học, trong dự án phát triển trường chất lượng cao đến năm 2030, dự án đầu tư ngành, nghề trọng điểm đến năm 2025 và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

Như vậy, qua từng giai đoạn phát triển, sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường luôn

được xác định cụ thể, rõ ràng, mang tính chiến lược, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của Nhà trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành. Sứ mạng, mục tiêu Nhà trường được khảo sát thu thập ý kiến đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, kết quả khảo sát được thể hiện qua hồ sơ khảo sát năm 2023, 2024, 2025 (*1.1.13 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025*).

Qua thực tế đặc điểm tại địa phương cho thấy, sự tăng trưởng về kinh tế - xã hội đã hình thành cơ cấu lao động kỹ thuật đa ngành, đa lĩnh vực và ngày càng chuyên môn hóa. Vì vậy, chuyển dịch cơ cấu lao động kỹ thuật trong nền kinh tế thị trường hiện nay là hiện tượng khách quan và phổ biến. Để thích ứng với trình độ khoa học công nghệ ngày càng cao và có nhiều cơ hội việc làm. Xu hướng học tiếp lên bậc học kỹ thuật cao hơn để thay đổi công việc, tăng thu nhập của lao động ngày càng tăng. Vì vậy, trong nền kinh tế thị trường đang phát triển và nhất là giá trị sản xuất nông nghiệp, dịch vụ, công nghiệp của tỉnh những năm gần đây tăng trưởng đáng kể, nhu cầu học tập để có kỹ thuật cao và học tập suốt đời trong một xã hội học tập ngày càng trở nên cấp thiết và vô cùng quan trọng.

Theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh Khánh Hòa ban hành Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành kế hoạch triển khai chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở đó Nhà trường đã xây dựng các dự án, kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường có đầy đủ các thông tin về cơ cấu ngành nghề đào tạo, quy mô đào tạo, điều kiện đảm bảo chất lượng, kế hoạch đầu tư, đáp ứng được xu hướng phát triển của tỉnh và được lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt (*1.1.14 - Nghị quyết số 07-NQ/TU của Tỉnh ủy Khánh Hòa, ngày 11/01/2021, về Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, nhằm mục tiêu xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh trong các lĩnh vực chủ lực; Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành kế hoạch triển khai chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; 1.1.15 - Quyết định số 2001/QĐ-CDKTCN ngày 09/12/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành chiến lược phát triển Trường Cao đẳng nghề Nha Trang giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030*).

Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên kết nối với các doanh nghiệp trên địa bàn

trong và ngoài tỉnh để xác định nhu cầu tuyển dụng hàng năm từ đó có những điều chỉnh phù hợp với chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành nghề của trường (*1.1.16 - Các Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025*).

Sứ mạng, mục tiêu của trường phù hợp với nhiệm vụ chức năng và định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực địa phương, những nội dung này được truyền tải đầy đủ nội dung thông tin qua các ấn phẩm giới thiệu về Trường, nội dung thông tin trên đài truyền hình và đăng tải trên các trang mạng chính thống của trường, đồng thời được công bố công khai qua qua Website của Nhà trường tại địa chỉ:

<https://cdkctnnt.edu.vn/muc-tieu-va-su-mang-cua-truong-cd-kctn-nha-trang-11975.html>,

qua các cuộc họp giao ban, chào cờ, qua Hội nghị cán bộ viên chức, Đại hội các đoàn thể, Hội nghị tổng kết năm học...

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là cơ sở GDNN công lập trực thuộc UBND tỉnh Khánh Hòa, có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành. Nhà trường có đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định và được triển khai đến các phòng, khoa, trung tâm trong Nhà trường.

Kế hoạch phát triển, phương hướng hoạt động của Nhà trường được phổ biến công khai để mọi thành viên tham gia đóng góp ý kiến và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát điều chỉnh, bổ sung trong hội nghị CBVC, trong các cuộc họp giao ban; đảm bảo công khai, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế của Nhà trường. Hệ thống các văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động của Nhà trường được triển khai thực hiện có hiệu quả.

Năm 2017 Trường Cao đẳng nghề Nha Trang đổi tên thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang, Trường đã thực hiện công tác thành lập Hội đồng trường và được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt, trên cơ sở đó ban hành Quy chế tổ chức và hoạt

động Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang theo Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH (1.1.02 - Quyết định số 192/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/01/2007 về việc thành lập trường Cao đẳng nghề Nha Trang; 1.1.06 - Quyết định số 1469/QĐ-LĐTBXH ngày 15/9/2017 của Bộ LĐTB-XH về việc đổi tên trường Cao đẳng nghề Nha Trang thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.1.07 - Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 4/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.1.08 - Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang nhiệm kỳ 2023-2028; 1.1.09 - Quyết định số 770/QĐ-CDKTCN ngày 08/6/2018 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang 1.1.10 - Quyết định số 24/QĐ-CDKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang, 1.1.11 - Quyết định số 1867/QĐ-CDKTCN ngày 24/12/2021 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.1.12 - Quyết định số 866/QĐ-CDKTCN ngày 06/5/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, trong đó phân công rõ về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo của trường.

Cụ thể, các phòng chức năng bao gồm: Phòng Tổ chức - Tài chính, Phòng Đào tạo - Cơ sở vật chất, Phòng Quản trị chất lượng - Học sinh sinh viên (1.2.01 - Quyết định số 358/QĐ-CDKTCN ngày 26/02/2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc hợp nhất các đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.2.02 - Quyết định số 359/QĐ-CDKTCN ngày 26/02/2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc thành lập phòng Tổ chức - Tài chính, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.2.03 - Quyết định số 360/QĐ-CDKTCN ngày 26/02/2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc thành lập phòng Quản trị chất lượng - Học sinh sinh viên, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.2.04 - Quyết định số 740/QĐ-CDKTCN ngày 23/04/2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công

nghe Nha Trang về việc hợp nhất các đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.2.05 - Quyết định số 741/QĐ-CDKTCN ngày 23/04/2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc thành lập phòng Đào tạo - Cơ sở vật chất, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Các khoa chuyên môn gồm: Khoa Cơ khí, Khoa Điện - Điện tử, Khoa Du lịch - Môi trường, Khoa Khoa học cơ bản, Khoa Sư phạm và Đánh giá kỹ năng nghề Quốc gia và Trung tâm Đào tạo lái xe ô tô - cơ giới (1.2.06 - *Các Quyết định về việc thành lập các khoa chuyên môn*).

Mỗi đơn vị đều có văn bản quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể, đảm bảo không chồng chéo, phù hợp với năng lực chuyên môn và chức năng quản lý, đào tạo, thực hiện theo nguyên tắc phân cấp quản lý nhằm đảm bảo quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình rõ ràng. Việc thực hiện phân công, phân cấp được giám sát qua các báo cáo tổng kết năm học của từng đơn vị, các biên bản giao ban, hội nghị CBVC, đánh giá nội bộ về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo chức năng được giao. Những nội dung chưa phù hợp hoặc có sự thay đổi theo nhu cầu phát triển sẽ được cập nhật, điều chỉnh hàng năm (1.2.07 - *Quyết định số 1780/QĐ-CDKTCN ngày 03/11/2022 Về việc sáp nhập các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.2.08 - Quyết định số 320/QĐ-CDKTCN ngày 15/3/2023 Về việc sáp nhập các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*).

Nhà trường đã và đang triển khai thực hiện theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP về cơ chế tự chủ tái chính của đơn vị sự nghiệp công lập, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả và nâng cao năng lực quản trị nội bộ. Nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp Nhà nước, bao gồm: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế hoạt động các đơn vị; các Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý trong Nhà trường, Quy chế thi đua khen thưởng, quy chế học sinh sinh viên, quy chế tuyển dụng,... Nội dung các quy chế đều thể hiện rõ sự phân cấp trong quản lý, điều hành, quyền tự chủ và chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường (1.2.09 - *Quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, 2024, 2025; 1.2.10 - Quy chế hoạt động các đơn vị; 1.2.11- Các Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý*).

Nhà trường thực hiện dân chủ trong toàn trường nhằm phát huy quyền làm chủ của CBVC-NLĐ, HSSV, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thông qua các hình thức dân chủ

trực tiếp, đảm bảo quyền giám sát, đóng góp ý kiến xây dựng và thực hiện trách nhiệm đối với sự phát triển của nhà trường. Nội dung quy chế dân chủ của trường thể hiện CBVC-NLĐ được tham gia đóng góp ý kiến về các chủ trương, kế hoạch của trường; cách thức giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của CBVC-NLĐ và HSSV(1.2.12 - *Quyết định số 2586/QĐ-CDKTCN ngày 30/12/2023 về việc ban hành Quy chế dân chủ trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*; 1.2.13 - *Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của Đảng bộ Trường CĐ Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*).

Nhà trường ban hành quy chế tổ chức và hoạt động phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo của trường trên cơ sở các ngành nghề đào tạo được cấp phép, nhằm đào tạo phát triển cung cấp nhân lực chất lượng cho địa phương (1.2.14 - *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN*).

Đồng thời hàng năm nhà trường thực hiện công tác tổng kết nhiệm vụ năm học, xây dựng phương hướng nhiệm vụ năm học mới, báo cáo đã thể hiện được sự phù hợp về sứ mạng, mục tiêu hàng năm của trường, phù hợp với cơ cấu, quy mô tổ chức hoạt động của trường cũng như quy mô đào tạo của trường(1.2.15 - *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023- 2024, 2024 - 2025, 2025-2026 của trường*).

Qua phân tích, đánh giá có thể khẳng định Nhà trường có quy chế tổ chức và hoạt động, phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: <i>Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.</i>

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường được kiểm định ngoài và được Bộ trưởng Bộ LĐTĐXBH công nhận trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề ở cấp độ 3 lần đầu tiên vào năm 2010. Từ đó xác định tầm quan trọng của hoạt động kiểm định, năm 2011 trường thành lập phòng Đảm bảo chất lượng - Khảo thí và hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng (1.3.01 - *Quyết định số 942/QĐ-CDN ngày 30/12/2011 của Hiệu trưởng về việc thành lập phòng Đảm bảo chất lượng - Khảo thí*; 1.3.02 - *Quyết định số 172/QĐ-CDN ngày 10 tháng 3 năm 2012 của Hiệu trưởng phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng ĐBCL-KT*).

Năm 2017 trường đổi tên từ Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang theo Quyết định số 1469/QĐ- LĐTĐBXH ngày 15/9/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, theo đó tháng 7 năm 2018 và phòng được đổi tên thành phòng Bảo đảm chất lượng -Khảo thí (1.3.03 - *Quyết định số 1016/QĐ-CDKTCN ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng về việc thành lập phòng BDCL-KT*). Để phù hợp với quy chế hoạt động của trường, phòng đã thường xuyên điều chỉnh và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng để phù hợp với nhiệm vụ được giao (1.3.04 - *Quyết định số 110/QĐ-CDKTCN ngày 20/01/2022 của Hiệu trưởng phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng BDCL-KT*).

Năm 2025 theo đề án sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, biên chế của các đơn vị đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt, nhà trường thành lập phòng QTCL-HSSV trên cơ sở sáp nhập từ phòng BDCL-KT và phòng CT-HSSV (1.2.03 - *Quyết định số 360/QĐ-CDKTCN ngày 26/02/2025 về việc thành lập phòng Quản trị chất lượng - Học sinh, sinh viên thuộc trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Nha Trang*).

Căn cứ vào thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ LĐTB&XH về việc ban hành Thông tư Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN. Nhà trường đã xây dựng chính sách chất lượng, sổ tay chất lượng và mục tiêu chất lượng. Ban hành 84 quy trình/công cụ bám sát các hoạt động bắt buộc theo Thông tư 28/2017/TTLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH (1.3.05 - *Các Quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành quy trình/công cụ bảo đảm chất lượng; Quyết định số 1870/QĐ-CDKTCN ngày 24/12/2021 về việc ban hành sổ tay chất lượng bảo đảm chất lượng trường CDKTCN Nha Trang; Quyết định số 211/QĐ-CDKTCN ngày 10/12/2020 về việc ban hành chính sách chất lượng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang, Quyết định số 1791/QĐ-CDKTCN ngày 11/10/2023 về việc điều chỉnh bổ sung chính sách chất lượng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*).

Hàng năm, Nhà trường thực hiện vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng, tổ chức đánh giá và lập báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng, đồng thời gửi các cấp theo quy định. Báo cáo thể hiện kết quả đạt được, những điểm còn tồn tại hạn chế, trên cơ sở đó nhà trường ban hành thông báo về những tồn tại cần khắc phục, lập kế hoạch để khắc phục những tồn tại đó trong năm tiếp theo. Căn cứ thông báo và kế hoạch, các đơn vị thực hiện và xây dựng giải pháp để khắc phục vào báo cáo kết quả khắc phục (1.3.06 - *Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024; 1.3.07 - Thông báo những tồn tại công*

tác bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024; 1.3.08 - Kế hoạch về khắc phục những tồn tại công tác bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024; 1.3.09 - Báo cáo kết quả khắc phục những tồn tại trong công tác bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024).

Hàng năm, nhà trường lập Kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng và tự đánh giá chất lượng GDNN (1.3.10 - *Kế hoạch về việc xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng GDNN năm 2023, 2024, 2025*). Triển khai và tổ chức thực hiện theo kế hoạch, nhà trường đã ban hành Mục tiêu chất lượng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 (1.3.11 - *Quyết định về việc ban hành mục tiêu chất lượng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025*). Căn cứ theo Mục tiêu chất lượng của nhà trường, các đơn vị lập kế hoạch xây dựng mục tiêu cấp đơn vị và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt (1.3.12 - *Mục tiêu chất lượng đơn vị và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng cấp đơn vị năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024 -2025*). Cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng được thông báo rộng rãi trên cổng thông tin điện tử của nhà trường và trên website [http:// www.cdktcnnt.edu.vn](http://www.cdktcnnt.edu.vn).

Căn cứ quy định, hàng năm nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN, xây dựng kế hoạch, thành lập Hội đồng tự đánh giá và tổ chức thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đang tổ chức đào tạo tại trường (1.3.13 - *Công văn số 96/CKĐCL-KĐ ngày 12/5/2020 về việc tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN; 1.3.14 - Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2023, 2024, 2025; 1.3.15 - Kế hoạch về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2023, 2024, 2025; 1.3.16 - Các Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2023, 2024, 2025; 1.3.17 - Kế hoạch về việc phê duyệt thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2023, 2024, 2025*).

Để thực hiện tốt công tác quản lý, đảm bảo chất lượng của nhà trường, với chức năng nhiệm vụ được giao phòng QTCL-HSSV đã lập kế hoạch phân công nhiệm vụ cho các CBVC- NLĐ của phòng. Căn cứ kế hoạch đề ra, hàng năm phòng đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cũng như kết quả đạt được của các đơn vị khác trong toàn trường, điều này được thể hiện qua các báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học của các đơn vị, của trường góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ chính trị của trường (1.3.18 - *Kế hoạch công tác của phòng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025; 1.3.19 - Các*

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024, 2024-2025, 2025-2026 của các đơn vị; 1.2.15 - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025-2026 của trường).

Nhằm mục đích đánh giá về việc xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng của nhà trường, phòng QTCL-HSSV đã lập kế hoạch khảo sát và thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác này. Qua khảo sát thu thập ý kiến, nhìn chung nhà giáo, cán bộ quản lý đều đánh giá cao về hoạt động bảo đảm chất lượng của nhà trường (1.3.20 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.4: *Hàng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang luôn xác định chất lượng là hành trình thường xuyên, luôn được cải tiến và nâng cao vì vậy để tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng, hàng năm thông qua kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN, Nhà trường ban hành thông báo và lập kế hoạch khắc phục những tồn tại nếu có của năm trước, đồng thời lập kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng GDNN cho năm sau (1.3.06 - Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023, 2024, 2025; 1.3.07 - Thông báo về những tồn tại công tác bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024; 1.3.08 - Kế hoạch khắc phục những tồn tại công tác bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024; 1.3.09 - Báo cáo kết quả khắc phục những tồn tại trong công tác bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024; 1.3.10 - Kế hoạch về việc xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025).

Nhằm đánh giá hiệu quả và có biện pháp cải tiến nhà trường lập kế hoạch đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng GDNN nhằm nâng cao chất lượng, tăng hiệu lực và hiệu quả quản lý. Các đơn vị căn cứ theo kế hoạch triển khai thực hiện báo cáo kết quả đánh giá cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng (1.4.01 - Kế hoạch về việc đánh giá cải tiến

hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024; 1.4.02 - Báo cáo đánh giá cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng của các đơn vị năm 2022, 2023, 2024).

Để công tác bảo đảm chất lượng của trường được thực hiện hiệu quả, cải tiến liên tục, phù hợp với tình hình thực tế và hệ thống các văn bản quy định có sự cập nhật sửa đổi bổ sung và thay thế, trên cơ sở đó nhà trường đã thực hiện rà soát điều chỉnh và xây dựng mới các quy chế, quy định, quy trình để phù hợp cho hoạt động dạy và học, công tác quản lý, đảm bảo hệ thống bảo đảm chất lượng tăng hiệu lực và hiệu quả quản lý (1.4.03 - Các quy chế, quy định, quy trình được rà soát điều chỉnh và xây dựng năm 2023, 2024, 2025)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.5: *Hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường (đảng ủy, ban giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hội đồng trường là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho trường, bảo đảm thực hiện mục tiêu GDNN. Hội đồng trường chịu trách nhiệm về các quyết sách, mang tính chiến lược, đảm bảo sự phát triển bền vững của nhà trường theo đúng sứ mạng, mục tiêu của trường đã đề ra.

Khi có sự thay đổi về nhân sự trong Hội đồng trường, kiến nghị UBND phê duyệt quyết định bổ sung, thay thế cho phù hợp. Hàng năm Hội đồng trường thực hiện tổng kết đánh giá và đề ra phương hướng mục tiêu, nhiệm vụ cho năm học tiếp theo (1.1.07 - Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 3/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.1.08 - Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang nhiệm kỳ 2023-2028).

Trên cơ sở đó, Hội đồng trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường theo quy định của Bộ LĐ-TB&XH quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường. Thành lập và kiện toàn các hội đồng tương ứng hoạt động của trường như Hội đồng thi đua, khen thưởng; Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, Hội đồng đánh giá xếp loại nhà giáo GDNN, ... (1.5.01 - Quyết

định về việc thành lập và kiện toàn Hội đồng thi đua, khen thưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang năm 2023, 2024, 2025; 1.5.02 - Quyết định về việc thành lập và kiện toàn Hội đồng đánh giá xếp loại nhà giáo GDNN năm 2023, 2024, 2025; 1.5.03 - Quyết định về việc thành lập và kiện toàn Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo dạy các môn chung, môn văn hóa THPT theo chuẩn nghề nghiệp năm 2023, 2024, 2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Đảng bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang được thành lập theo Quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Khánh Hòa. Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 06 đồng chí. Đảng bộ hiện có 77 đảng viên sinh hoạt tại 07 chi bộ (1.5.04 - Quyết định thành lập Đảng bộ Trường; 1.5.05 - Nghị quyết Đảng bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.5.06 - Quyết định thành lập các Chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Đảng bộ trường hoạt động trong khuôn khổ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, thực hiện sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối nhằm thực hiện thắng lợi mọi chủ trương Nghị quyết của Đảng; Nghị quyết, Chỉ thị của Quốc hội, Chính phủ và Chỉ thị, Quy định của ngành và sứ mạng của Nhà trường.

Đảng bộ trường lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối mọi hoạt động của Nhà trường được thể hiện thông qua các Nghị quyết của Đảng bộ và các chi bộ trực thuộc. Từ các Nghị quyết đó, Đảng bộ và các chi bộ xây dựng chương trình và kế hoạch công tác cho nhiệm kỳ và kế hoạch công tác cho từng tháng, có sự điều chỉnh bổ sung cho phù hợp thực tiễn. Sự lãnh đạo của Đảng bộ trường thể hiện qua các nhiệm vụ như: lãnh đạo công tác chính trị tư tưởng, lãnh đạo công tác cán bộ đảm bảo những cán bộ được bổ nhiệm có đủ phẩm chất và năng lực nhằm phát huy hết khả năng trong công tác, lãnh đạo công tác chuyên môn nghiệp vụ trong dạy và học theo yêu cầu đổi mới giáo dục, lãnh đạo tổ chức Công đoàn để Công đoàn chăm lo đời sống và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động theo đúng quy định, lãnh đạo Đoàn TNCSHCM Cộng sản Hồ Chí Minh để tập hợp, đoàn kết TNCSHCM, phát huy sức mạnh của tuổi trẻ trong học tập và công tác. Đảng bộ luôn luôn xây dựng phát triển Đảng, hàng năm đều có quần chúng ưu tú là CBVC và HSSV được kết nạp vào Đảng. Trong những năm qua, Đảng bộ Trường đã lãnh đạo và phát huy sức mạnh toàn Trường, đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ, tập trung được mọi nguồn lực, đẩy mạnh sự nghiệp đào tạo, chủ động và tích cực trước điều kiện và nhiệm vụ mới, phát triển Nhà trường bền vững và phấn đấu trở thành Trường cao đẳng chất lượng cao.

Với những thành tích đạt được, nhiều năm liền Đảng bộ trường được công nhận “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, Nhà trường được công nhận là đơn vị thi đua xuất sắc và nhận được nhiều Bằng khen, Cờ thi đua của các cấp (1.5.07 - *Thông báo đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và tập thể cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2023, 2024, 2025*).

Định kỳ hàng năm, Nhà trường đều có báo cáo bằng văn bản kết quả hoạt động của Trường về đơn vị chủ quản là UBND tỉnh Khánh Hòa. Đảng bộ trường đều có báo cáo tổng kết hoạt động và đề ra phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo về Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Khánh Hòa là đơn vị trực tiếp quản lý Đảng bộ Trường (1.5.08 - *Báo cáo kết quả tự đánh giá xếp loại của Đảng bộ trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang năm 2023, 2024, 2025*; 1.2.15 - *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025-2026 của trường*; 1.1.14 - *Nghị quyết số 07-NQ/TU của Tỉnh ủy Khánh Hòa, ngày 11/01/2021 về Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, nhằm mục tiêu xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh trong các lĩnh vực chủ lực*; *Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành kế hoạch triển khai chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025*).

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đặc biệt chú trọng việc xây dựng và duy trì một môi trường học tập, làm việc khuyến khích sự cống hiến và ghi nhận xứng đáng những thành tựu. Quy trình khen thưởng tập thể, cá nhân được chuẩn hóa và thực hiện định kỳ vào cuối mỗi năm học, dựa trên các tiêu chí rõ ràng về kết quả học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hoạt động phong trào và đóng góp chung cho sự phát triển của Nhà trường. Hàng năm, căn cứ vào thành tích tổng kết và các quy định hiện hành, Nhà trường đã ban hành nhiều quyết định khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc. Những quyết định này không chỉ là sự ghi nhận kịp thời các nỗ lực vượt trội mà còn là động lực mạnh mẽ để CBVC - NLĐ và HSSV tiếp tục phấn đấu, đạt được nhiều thành công hơn nữa (1.5.09 - *Quyết định về việc khen thưởng thi đua ngắn hạn đợt 1, đợt 2 năm học 2022-2023, 2023-2024 2024 - 2025*; 1.5.10 - *Quyết định về việc khen thưởng các tập thể và cá nhân trong Hội giảng Nhà giáo GDNN năm 2023, 2025*).

Các tổ chức đoàn thể gồm: Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, đã tập hợp được CBVC - NLĐ và HSSV tình nguyện tham gia các hoạt động phong trào. Các tổ chức đoàn thể hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, giáo dục và động viên CBVC - NLĐ và HSSV tích

cực tham gia các hoạt động phong trào, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển GDNN và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

Các tổ chức đoàn thể hoạt động đúng pháp luật và điều lệ của tổ chức, hoạt động đúng pháp luật và điều lệ của tổ chức Công đoàn đề ra. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ trường, sự quan tâm tạo điều kiện của BGH, các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động phong trào và đạt hiệu quả cao, thu hút đoàn viên tham gia hoạt động đúng pháp luật và điều lệ của tổ chức đã đề ra. Nhiều năm liền Công đoàn, Đoàn TNCSHCM Nhà trường được công nhận là đơn vị vững mạnh xuất sắc trong các phong trào, nhiều đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam (1.5.11 - Quyết định số 03/QĐ-CDKTCN ngày 19/6/2023 của Ban chấp hành Công đoàn Trường ban hành quy chế hoạt động của BCHCD Trường CDKTCNNT lần thứ V, nhiệm kỳ 2023 -2028).

Hàng năm Công đoàn Trường xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động năm học theo các chức năng của tổ chức công đoàn, vận động, kêu gọi đoàn viên chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước. Công đoàn đã tổ chức quán triệt, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động của Nhà trường, chăm lo đời sống tinh thần cho đoàn viên. Nhiều năm liền Công đoàn Nhà trường được công nhận là đơn vị vững mạnh xuất sắc trong các phong trào, nhiều đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, được Công đoàn cấp trên tặng cờ, bằng khen, giấy khen là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm học 2023-2024 Công đoàn Trường được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và xếp nhất khối thi đua các Trường đại học, cao đẳng trong toàn tỉnh (1.5.12 - Kế hoạch về việc Tổng kết thi đua khen thưởng Công đoàn năm học 2022- 2023, 2023-2024 2024- 2025; 1.5.13 - Quyết định của Ban chấp hành Công đoàn Trường về việc khen thưởng tập thể, cá nhân xuất sắc tiêu biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.5.14 - Thông báo số 18/TB-CDVC ngày 19/7/2024 của Ban Thường vụ Công đoàn Viên chức tỉnh Khánh Hòa về việc thông báo kết quả xếp loại Công đoàn cơ sở năm học 2023-2024; 1.5.15 - Quyết định của Ban Thường vụ Công đoàn Viên chức tỉnh Khánh Hòa về việc khen thưởng cán bộ, đoàn viên và Công đoàn cơ sở năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Ban Nữ công Nhà trường hoạt động theo sự chỉ đạo của Ban chấp hành Công đoàn, Ban Nữ công đã tổ chức được nhiều hoạt động phong phú nhân ngày quốc tế phụ nữ 8/3, ngày thành lập Hội Liên hiệp phụ nữ Việt nam 20/10, Triển khai các phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, “Thi đua dạy tốt, học tốt”,... góp phần đáng kể

vào thành tích chung của Công đoàn Trường (1.5.16 - *Kế hoạch của Ban Nữ công về việc Hoạt động của Ban Nữ công năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.5.17 - Báo cáo của Ban Nữ công về hoạt động công tác của Ban Nữ công năm 2023, 2024, 2025 và phương hướng hoạt động năm 2024, 2025, 2026*).

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang luôn quán triệt, bám sát nội dung các Nghị quyết, đường lối chỉ đạo của Đảng và Đoàn cấp trên trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Đoàn TNCSHCM đã tổ chức nhiều đợt học tập, sinh hoạt chính trị, góp phần giúp HSSV rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, thi đua học tập, chấp hành nội quy, quy chế. Bên cạnh đó còn triển khai nhiều hình thức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hội thi phù hợp với tuổi trẻ, thu hút đông đảo đoàn viên, TNCSHCM tham gia. Đoàn Trường nhiều năm qua luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được tặng nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp. Đảng bộ và BGH Nhà trường luôn tạo điều kiện cho Đoàn TNCSHCM hoạt động nhằm phát huy truyền thống cách mạng, tính năng động sáng tạo của tuổi trẻ. Kế hoạch công tác Đoàn và phong trào thi đua trong những năm qua luôn gắn với nhiệm vụ dạy và học của Trường (1.5.18 - *Các chương trình của Đoàn Trường về Công tác Đoàn và phong trào thanh niên Trường học năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024- 2025; 1.5.19 - Kế hoạch về việc Tổ chức Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè năm 2023, 2024, 2025; 1.5.20 - Báo cáo của Đoàn Trường về Tổng kết công tác Đoàn và phong trào Thanh niên Trường học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.5.21 - Các Kế hoạch hoạt động và học tập cho cán bộ đoàn và đoàn viên thanh niên năm 2023, 2024, 2025; 1.5.22 - Báo cáo của Đoàn Trường về Tổng kết công tác Đoàn và phong trào Thanh niên Trường học năm học 2022- 2023, 2023 - 2024, 2024-2025; 1.5.23 - Quyết định khen thưởng số 95-QĐKT/TĐTN-TTNTH ngày 30/12/2024 của BCH Đoàn tỉnh Khánh Hòa; 1.5.24 - Thông báo đánh giá xếp loại Đoàn thanh niên Trường năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; Các hình thức khen thưởng Đoàn thanh niên Trường năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025*).

Những hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong Trường đã tập hợp được đông đủ CBVC - NLĐ, HSSV đang công tác, học tập tại Trường tham gia, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển GDNN và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

Trong năm học tiếp theo, Nhà trường tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức đoàn thể theo hướng thiết thực, hiệu quả. Đặc biệt, đã nâng cao vai

trò của Công đoàn trong lĩnh vực đổi mới phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học; đổi mới nội dung hoạt động Đoàn TNCSHCM theo hướng tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho HSSV.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: 2 điểm

3.2.2. TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo

Bao gồm 8 tiêu chuẩn

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2

Mở đầu:

Hoạt động đào tạo là nhiệm vụ quan trọng đối với cơ sở GDNN, do vậy phải thực hiện tốt việc hoạch định kế hoạch, triển khai thực hiện và công tác quản lý kiểm tra quá trình thực hiện, chấp hành đúng các quy định của cơ quan quản lý. Nhà trường đã thực hiện tốt các quy định, Thông tư do Bộ LĐTB-XH ban hành, xây dựng các quy định, quy chế phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Trường để áp dụng trong hoạt động quản lý đào tạo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đã và đang tích cực triển khai đa dạng hóa các loại hình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của Doanh nghiệp, người học và thị trường lao động, cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

Công tác tuyển sinh thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh; đúng trình tự, thủ tục và đúng nguyên tắc.

Tổ chức thực hiện công tác dạy và học nghiêm túc, hiệu quả theo đúng CTĐT và các Quy chế đào tạo; gắn đào tạo với giải quyết việc làm, đào tạo theo nhu cầu của người học và xã hội.

Để đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, Trường đã xây dựng CTĐT, biên soạn giáo trình và điều chỉnh kế hoạch đào tạo theo từng học kỳ, năm học phù hợp với yêu cầu thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các Doanh nghiệp. Nhà trường thường xuyên có những chủ trương định hướng đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức đào tạo online, đào tạo qua mạng, sử dụng các phần mềm mô phỏng, xây dựng giáo án điện tử nâng cao hiệu quả giờ giảng...

Nhà trường đã có những chính sách khuyến khích CBNG tham gia tích cực hoạt động NCKH, những quy định CBNG thâm nhập thực tế, tiếp nhận thực tiễn khoa học, công

nghệ, nhu cầu của Doanh nghiệp, của xã hội về kiến thức, kỹ năng của người học để kịp thời điều chỉnh chương trình, kế hoạch đào tạo.

Những điểm mạnh:

Trường đã thực hiện tốt việc thực hiện các quy định trong hoạt động đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng theo Luật GDNN và các Thông tư quy định của Bộ LĐTĐ&XH.

Trường đã đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học, tổ chức đào tạo tích lũy mô đun cho các lớp liên thông trong Trường.

Trường đã chú trọng đến nâng cao chất lượng đào tạo, đẩy mạnh gắn kết với Doanh nghiệp trong đào tạo, đã tổ chức biên soạn lại và ban hành CTĐT theo hướng có trên 40% giờ thực hành tại Doanh nghiệp; tổ chức biên soạn lại giáo trình phù hợp với CTĐT mới.

Công tác bảo đảm chất lượng GDNN luôn được quan tâm, chú trọng nhằm đảm bảo quá trình đào tạo ổn định và phát triển bền vững đáp ứng nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhà trường có những chính sách khuyến khích CBNG tham gia nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ, thâm nhập thực tế tại cơ sở sản xuất kinh doanh để thường xuyên điều chỉnh, cải tiến phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học. Chất lượng đào tạo của Trường ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển khoa học, công nghệ.

Hoạt động dạy và học căn cứ vào mục tiêu, chương trình, nội dung được xây dựng trên cơ sở khung thời gian của Bộ LĐTĐ&XH có điều chỉnh phù hợp với nghề chuyên biệt và thực tế của Nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo đúng tiến độ và có hiệu quả. Tổ chức thực hiện các phương pháp, quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đúng quy chế, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của từng MH/MĐ.

Công tác tuyển sinh được cụ thể hoá thành các quy định tuyển sinh, quy trình tiến hành đảm bảo đầu vào đủ điều kiện học tập và thực hiện theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTĐ&XH.

Trường tổ chức ôn tập, thi cấp chứng chỉ Tin học cơ bản cho HSSV năm cuối.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Tiếp tục đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học; hợp tác với các đơn vị có liên quan mở rộng hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn một số nghề trong Trường.

Tiếp tục tăng cường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các nghề tại đơn vị sử dụng lao động.

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, tiến độ, chất lượng đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<i>Tiêu chí 2</i>	<i>16 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1	2 điểm
Tiêu chuẩn 2	2 điểm
Tiêu chuẩn 3	2 điểm
Tiêu chuẩn 4	2 điểm
Tiêu chuẩn 5	2 điểm
Tiêu chuẩn 6	2 điểm
Tiêu chuẩn 7	2 điểm
Tiêu chuẩn 8	2 điểm

Tiêu chuẩn 2.1: Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường..

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện đúng quy định theo Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 07/7/2021 về Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Trường Cao Đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đã ban hành Quy chế tuyển sinh của trường để thực hiện theo đúng quy định (2.1.01 - QĐ số 340/QĐ-CDKTCN ngày 04/3/2024 của Hiệu trưởng Trường CDKTCN Nha Trang - Ban hành Quy chế tuyển sinh và xét tuyển hệ trung cấp, hệ cao đẳng).

Phương thức tuyển sinh thực hiện theo Phương án tuyển sinh hệ cao đẳng, trung cấp năm học 2025 với 19 nghề cao đẳng, 19 nghề trung cấp và 04 nghề đào tạo chất lượng cao (2.1.02 - *Phương án về việc triển khai phương án tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng và lớp 10 hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông năm 2023, 2024, 2025*).

- Hệ trung cấp:

+ Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THCS; THPT hoặc tương đương;

+ Phương thức xét tuyển: Xét tuyển theo điểm quy đổi xếp loại học tập và rèn luyện của các năm học.

- Hệ cao đẳng:

+ Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương hoặc tốt nghiệp trung cấp và hoàn thành chương trình THPT và có nguyện vọng học liên thông lên trình độ cao đẳng.

+ Phương thức xét tuyển: Xét tuyển theo điểm quy đổi xếp loại học tập và rèn luyện của các năm học hoặc điểm trung bình tốt nghiệp hệ trung cấp đối với hệ cao đẳng liên thông từ trung cấp.

- Hệ cao đẳng theo chương trình chất lượng cao: Xét tuyển như hệ cao đẳng và kèm điều kiện xếp loại học tập đầu vào, điều kiện về ngoại ngữ tương đương bậc 1/6 theo quy định tại thông tư 21/2028/TT-BLĐTBXH.

Nhằm cụ thể hóa Quy định của Bộ LĐTB&XH phục vụ công tác tuyển sinh. Theo đó, đầu năm Trường đăng ký với UBND tỉnh Khánh Hòa về chỉ tiêu tuyển sinh các hệ đào tạo và đã được chấp thuận. Từ đó, Trường phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh cho từng nghề, ban hành các quy định cụ thể về nghề đào tạo, đối tượng tuyển sinh, thời gian đào tạo, tiêu chí xét tuyển; ban hành kế hoạch tuyển sinh từ tháng 02/2025 để tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh kèm theo chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành nghề (2.1.03 - *Kế hoạch về việc tổ chức tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2023, 2024, 2025*).

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang được Tổng cục GDNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN, nhà trường đã và đang thực hiện đào tạo đa nghề với các hình thức, phương thức khác nhau nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp trong tỉnh Khánh Hòa và khu vực Nam Trung bộ, Tây nguyên. Các ngành, nghề đào tạo của trường được Tổng cục GDNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN (1.2.14 - *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt*

động GDNN số 80a/2021/GCNDKHD-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN; 2.1.04 - Bảng thống kê các ngành nghề đào tạo của trường).

Để đẩy mạnh công tác tuyển sinh, hằng năm, nhà trường đều tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý để khảo sát mức độ phù hợp CTĐT các ngành nghề đào tạo của nhà trường (2.1.05 - *Hồ sơ khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý (Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: *Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, trường thực hiện việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh và công tác tuyển sinh đảm bảo đúng quy chế, nghiêm túc, công bằng, khách quan và thực hiện theo theo kế hoạch tuyển sinh (2.1.03 - *Kế hoạch về việc tổ chức tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2023, 2024, 2025).*

Thực hiện đúng quy định của Quy chế tuyển sinh, nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng tuyển sinh chỉ đạo và các đoàn công tác tuyển sinh (2.2.01 - *Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025; 2.2.02 - Quyết định thành lập ban thư ký hội đồng tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025; 2.2.03 - Quyết định thành lập ban tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025 ; 2.2.04 - Hồ sơ đăng ký dự tuyển).* Hội đồng tuyển sinh định hướng về chủ trương, phương hướng và kế hoạch tổng thể, giao phòng Đào tạo - Cơ sở vật chất xây dựng kế hoạch tuyển sinh cụ thể cho từng giai đoạn và tổ chức thực hiện. Phương thức và tiêu chí tuyển sinh của Trường được cụ thể hóa trong Thông báo tuyển sinh (2.2.05 - *Thông báo về tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2023, 2024, 2025).* Thông tin về công tác tuyển sinh của Trường được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng và trực tiếp đến người học ở các trường phổ thông, các cơ sở liên kết trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh lân cận. Trường tiếp nhận hồ sơ dự tuyển rộng rãi với mọi đối tượng thông qua nhiều kênh khác nhau như: Nhận trực tiếp, nhận qua các Trường phổ thông, nhận qua đường bưu điện, đăng ký online.

Sau khi khóa hồ sơ dự tuyển, trường tiến hành mở Hội đồng xét tuyển, Hội đồng dựa vào chỉ tiêu được giao và tiêu chí xét tuyển xác định điểm chuẩn, lập biên bản xét tuyển xác định danh sách người học trúng tuyển (2.2.06 - *Biên bản họp xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025*). Hội đồng xét tuyển trình kết quả trúng tuyển cho Hiệu trưởng xem xét ban hành Quyết định học sinh, sinh viên trúng tuyển có danh sách kèm theo (2.2.07 - *Các Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển năm 2023, 2024, 2025*). Danh sách trúng tuyển được niêm yết công khai, thí sinh nhận giấy báo trúng tuyển trực tiếp tại Trường hoặc qua đường bưu điện.

Sau mỗi đợt tuyển sinh, Ban thư ký tuyển sinh thực hiện báo cáo công tác tuyển sinh trình Hội đồng tuyển sinh (2.2.08 - *Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025*). Bên cạnh đó, để kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả trong công tác tuyển sinh, hằng năm, nhà trường thành lập Ban thanh tra tuyển sinh để thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra tuyển sinh (2.2.09 - *Quyết định về việc thành lập Ban Kiểm tra tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025* ; 2.2.10 - *Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025 của Ban kiểm tra*; 2.2.11 - *Các Quyết định thành lập lớp và danh sách HSSV các lớp năm 2023, 2024, 2025*).

Các hoạt động trong công tác tuyển sinh được nhà trường quan tâm tổ chức và thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào, đồng thời nhà trường cũng thực hiện khảo sát lấy kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác tuyển sinh, đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả(2.2.12 - *Hồ sơ khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý (Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: *Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học. Để phát triển quy mô đào tạo, xây dựng và quảng bá thương hiệu, Nhà trường đã mở rộng liên kết đào tạo và đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội, yêu cầu sử dụng lao động của Doanh nghiệp. Trường đã ban hành Quy chế đào tạo thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư 04/2022/TT-

BLĐTBXH (2.3.01 - Quyết định số 1479/QĐ-CDKTCN ngày 27/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CDKTCNNT về việc Ban hành Quy chế đào tạo, thi kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp).

Việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ thực hiện đúng theo Thông tư 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng. Trường ban hành Quyết định quy định về việc in, quản lý, cấp phát văn bằng (2.3.02 - Quyết định số 1927/QĐ-CDKTCN ngày 16/9/2024 về việc ban hành Quy định in, quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Trung cấp, Chứng chỉ Sơ cấp, Chứng chỉ đào tạo).

Trong các năm, Trường đã tổ chức thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng bằng 02 phương thức tổ chức đào tạo tích lũy mô-đun và hình thức đào tạo theo niên chế, trong đó: 12/19 nghề (tỉ lệ 63%) tổ chức đào tạo theo phương thức niên chế và phương thức tích lũy mô-đun (2.3.03 - Kế hoạch đào tạo năm 2023, 2024, 2025; 2.2.07 - Các Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển năm 2023, 2024, 2025; 2.1.04 - Bảng thống kê ngành nghề đào tạo của Trường; 2.3.04 - Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của Trường).

Nhà trường tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý để thu thập ý kiến về hình thức, phương pháp đào tạo phù hợp với mục tiêu, nội dung CTĐT (2.3.05 - Hồ sơ khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý (Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào giấy phép hoạt động được TCGDNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN, tất cả CTĐT trình độ trung cấp, cao đẳng Trường phê duyệt cụ thể cho các ngành nghề phù hợp với đặc điểm của trường (1.2.14 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của TCGDNN; 2.2.11 - Các Quyết định thành lập lớp và danh sách HSSV các lớp năm học

2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.01 - Danh sách các khóa, lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.3.04 - Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của Trường; 2.4.02 - Chuẩn đầu ra của CTĐT).

Trên cơ sở CTĐT Hiệu trưởng phê duyệt, Phòng ĐT-CSVC xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa cho từng nghề, chi tiết MH/MĐ cụ thể cho các giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập lao động sản xuất (2.3.03 - Kế hoạch đào tạo năm 2023, 2024, 2025; 2.4.03 - Tiến độ đào tạo năm 2023, 2024, 2025; 2.4.04 - Kế hoạch nhà giáo năm 2023, 2024, 2025 ; 2.4.05 - Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường thực hiện xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo phù hợp với hình thức tổ chức đào tạo, định kỳ hàng năm Trường thực hiện rà soát đánh giá mức độ phù hợp giữa hoạt động đào tạo với mục tiêu, nội dung CTĐT đã được phê duyệt (2.3.04 - Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của Trường).

Phối hợp với các Doanh nghiệp, Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Khánh Hòa trong công tác đào tạo, tổ chức tư vấn nghề nghiệp việc làm tại Trường. Thực hiện kí kết biên bản thỏa thuận hợp tác với các Doanh nghiệp để đưa HSSV tham gia thực tập, thực tế tại Doanh nghiệp đạt kết quả tốt (2.5.01 - Kế hoạch về việc phối hợp tổ chức tư vấn nghề nghiệp việc làm tại Trường năm 2023, 2024, 2025; 2.5.02 - Bản thỏa thuận về việc hợp tác đào tạo giữa Nhà trường và các Doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025; 2.5.03 - Kế hoạch cho người học đi thực hành, thực tập năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.5.04 - Danh sách người học đã thực hành, thực tập 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.5.05 - Báo cáo kết quả thực tập năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.5.06- Danh sách nhà giáo giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 ; 2.5.07 - Đề cương thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ chương trình, ngành nghề đào tạo, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học, Nhà trường đã chủ động ứng dụng những phần mềm hỗ trợ trong việc giảng dạy, 100% nhà giáo thực hiện giáo án điện tử, 100% các nhà xưởng đều có trang bị phương tiện như máy chiếu, máy vi tính cho nhà giáo giảng dạy (2.6.01- *Danh sách các MH/MĐ có phần mềm giảng dạy*; 2.6.02 - *Quyết định số 602/QĐ-CDKTCN ngày 02/5/2018 về việc ban hành qui chế Quản lý, khai thác và vận hành phần mềm quản lý đào tạo Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*; 2.6.03 - *Danh sách các MH/MĐ có bài giảng điện tử*).

Trường đã thống kê số phương tiện đáp ứng cho việc sử dụng dạy học bằng giáo án điện tử như máy chiếu, máy vi tính, số MH/MĐ có giáo án điện tử và các MH/MĐ có sử dụng phần mềm hỗ trợ dạy học (2.6.04- *Thống kê các phương tiện hỗ trợ dạy học*; 2.6.05 - *Danh sách các bài giảng trực tuyến, đào tạo qua mạng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 2.6.06 - *Bảng kê giờ giảng trực tuyến, đào tạo qua mạng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 2.6.07 - *Danh sách các phần mềm mô phỏng*).

Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo nhằm thu thập ý kiến phản hồi để có những điều chỉnh bổ sung phù hợp và hiệu quả (2.6.08 - *Hồ sơ khảo sát người học, nhà giáo (Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: *Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học được thực hiện hàng năm, định kỳ theo đúng kế hoạch như kiểm tra giờ lên lớp, kiểm tra hoạt động dự giờ, kiểm tra quy chế chuyên môn... nhằm có những điều chỉnh nếu có, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao tính trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân thực hiện đúng nhiệm vụ được giao.

Căn cứ các năng nhiệm vụ được giao, phòng QTCL-HSSV, phòng Đào tạo-Cơ sở vật chất lập kế hoạch kiểm tra giờ dạy của các nhà giáo, kiểm tra quy chế chuyên môn, dự

giờ... (2.7.01 - Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025; 2.7.02 - Kế hoạch dự giờ của các khoa năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025 ; 2.7.03 - Kế hoạch kiểm tra quy chế chuyên môn học kỳ I, học kỳ II năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025).

Căn cứ kết quả kiểm tra, các phòng chức năng lập báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, kết quả kiểm tra dự giờ, quy chế chuyên môn, đồng thời đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học nhằm kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học đảm bảo chất lượng đào tạo ngày càng đạt hiệu quả tốt hơn. Các báo cáo kết quả kiểm tra được thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng, các cuộc họp chuyên môn để thông báo đến toàn thể cán bộ, nhà giáo, HSSV được biết để kịp thời điều chỉnh (2.7.04 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025; 2.7.05 - Báo cáo kết quả kiểm tra dự giờ năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025; 2.7.06 - Thông báo kết quả kiểm tra quy chế chuyên môn học kỳ I, học kỳ II năm học 2022-2023, 2023-2024 2024-2025; 2.7.07- Báo cáo kết quả điều chỉnh hoạt động dạy và học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025; 2.7.08 - Báo cáo công tác hàng tháng của Trường năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Để đánh giá về việc báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học, Nhà trường đã thu thập ý kiến của nhà giáo, CBQL về hoạt động kiểm tra giám sát dạy và học. Kết quả khảo sát thu thập ý kiến, nhà giáo, CBQL thống nhất cao với các nội dung kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học (2.7.09 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý (Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.8: Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ thông tư hướng dẫn của Bộ LĐTĐ-XH, Nhà trường đã cập nhật và ban hành Quy định tổ chức thực hiện CTĐT trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp dựa trên căn cứ rà soát theo các quy định mới của Bộ LĐTĐ-XH ban hành năm 2022

(2.8.01 - Kế hoạch/Thông báo rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ; 2.3.01 - Quyết định số 1479/QĐ-CDKTCN ngày 27/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CDKTCNNT về việc Ban hành Quy chế đào tạo, thi kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ).

Các ngành, nghề đào tạo của Trường được TCGDNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Ngoài ra, Trường đã ban hành chuẩn đầu ra của từng CTĐT và công bố trên trang thông tin trực tuyến của Trường tại địa chỉ: <http://cdktcnnt.edu.vn> (1.2.14 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của TCGDNN; 2.1.04 - Bảng thống kê ngành nghề đào tạo của Trường; 2.3.04 - Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của Trường; 2.4.02 - Chuẩn đầu ra của CTĐT; 2.8.02 - Website Trường <http://cdktcnnt.edu.vn> có công bố thông tin chuẩn đầu ra của các nghề đào tạo; 2.8.03 - Báo cáo tổng hợp các hình thức, phương pháp, công cụ được sử dụng để đánh giá kết quả học tập và rèn luyện phù hợp đạt hiệu quả; 2.8.04 - Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá, cải tiến các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và học tập đảm bảo chính xác, công bằng khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra).

Để đánh giá về việc thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp theo Quyết định số 1479/QĐ-CDKTCN ngày 27/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CDKTCNNT, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện. Nhà trường đã thu thập ý kiến của nhà giáo, CBQL và người học về hoạt động này. Kết quả khảo sát thu thập ý kiến, nhà giáo, CBQL, người học thống nhất cao với các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện (2.8.05 - Hồ sơ khảo sát năm cán bộ quản lý, nhà giáo, người học (Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 2: 2 điểm

3.2.3. TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động

Bao gồm 7 tiêu chuẩn

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu:

Đội ngũ CBVC - NLD giữ vai trò quan trọng trong mọi hoạt động của Nhà trường. Qua hơn 63 năm xây dựng và phát triển, Trường đã đào tạo và bồi dưỡng được một đội ngũ nhà giáo trực tiếp giảng dạy và CBQL có trình độ chuyên môn cao, năng lực sư phạm, có trình độ quản lý tốt. BGH rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ nhà giáo và CBQL.

Bên cạnh đó, Trường cũng chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ CBQL mang tính kế thừa về kinh nghiệm, công tác chuyên môn, độ tuổi ở từng vị trí công tác. Việc đề bạt, bổ nhiệm cán bộ được tuyển chọn và thực hiện đúng quy trình thủ tục hiện hành và có chính sách hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt; đồng thời có rà soát, bổ sung theo từng giai đoạn. Đội ngũ CBVC - NLD đáp ứng được yêu cầu công việc của Trường. Đây chính là nguồn lực đóng góp rất lớn vào việc nâng cao chất lượng đào tạo giúp Nhà trường ngày càng phát triển bền vững.

Những điểm mạnh:

BGH Nhà trường là những người có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn vững vàng; khả năng điều hành, quản lý và hoạch định chiến lược phát triển đơn vị tốt; tâm huyết với nghề và luôn quan tâm đến chính sách phát triển của Nhà trường.

Đội ngũ nhà giáo trực tiếp giảng dạy và CBQL có trình độ chuyên môn cao, có năng lực sư phạm và trình độ quản lý tốt. Đặc biệt, BGH Trường rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ nhà giáo, CBQL, viên chức, người lao động.

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về tổ chức, quản lý rõ ràng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong mọi hoạt động của Nhà trường. Hệ thống văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát, điều chỉnh, bổ sung thường xuyên trong hội nghị CBVC, các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuyên đề đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế của Nhà trường.

Nhà trường có cơ cấu tổ chức hợp lý, phù hợp với quy định của Nhà nước cũng như với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của Trường trong từng giai đoạn; các đơn vị trực thuộc đều có quy chế làm việc, quy định chức năng, nhiệm vụ rõ ràng. Công tác phân cấp quản lý được thực hiện đến các bộ phận trong Nhà trường để tổ chức hoạt động có hiệu quả thiết thực.

Đội ngũ CBQL cấp trường, phó các Phòng, Khoa, Trung tâm luôn năng động sáng tạo trong công tác quản lý điều hành, đáp ứng nhu cầu thực tế tại trường. Đây chính là một trong những yếu tố quan trọng góp phần vào việc thúc đẩy Nhà trường phát triển toàn diện.

Đội ngũ nhà giáo của Trường đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ và tin học theo quy định; luôn nhiệt tình, năng nổ với mọi công việc; thể hiện tinh thần trách nhiệm và tính tự giác cao trong mọi hoạt động; tích cực học hỏi, ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người học và các đơn vị sử dụng lao động. Tổ chức Đảng, Đoàn thể trong Nhà trường phát huy được sức mạnh tập thể tạo không khí thi đua trong học tập và làm việc. Nội bộ đoàn kết, thống nhất thực hiện nhiệm vụ đề ra hàng năm. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá, phân loại CBVC-NLĐ; công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên và định kỳ, quá trình thực hiện minh bạch, rõ ràng, công khai các vấn đề, tạo được niềm tin trong CBVC-NLĐ và HSSV.

Những tồn tại:

Một số nhà giáo của Trường chưa đạt chuẩn theo quy định do thiếu Chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề đang giảng dạy do đến thời điểm hiện tại chưa có Đơn vị được phép tổ chức đánh giá kỹ năng nghề tại các Trung tâm đánh giá trên cả nước, điều này ảnh hưởng đến việc thực hiện lộ trình chuẩn hóa kỹ năng nghề cho nhà giáo trong Nhà trường.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Tiếp tục thực hiện kế hoạch cử CBQL, nhà giáo học tập nâng cao về chuyên môn, lý luận chính trị, kỹ năng nghề, ngoại ngữ, tin học để đáp ứng chuẩn đào tạo các nghề trọng điểm và đạt chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao, phục vụ công tác đào tạo của Nhà trường ngày càng tốt hơn.

Tăng cường các hoạt động quảng bá hình ảnh của Trường, đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ nhằm tạo nguồn thu để hỗ trợ CBVC-NLĐ đào tạo, bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị.

Tổ chức cho nhà giáo tham quan thực tế tại các trường có đào tạo chuyên ngành giảng dạy, tạo điều kiện cho nhà giáo học tập kinh nghiệm để áp dụng vào giảng dạy tại đơn vị ngày càng hiệu quả hơn và đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của xã hội.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tên tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
--------------------------	------------------

<i>Tiêu chí 3</i>	<i>14 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1	2 điểm
Tiêu chuẩn 2	2 điểm
Tiêu chuẩn 3	2 điểm
Tiêu chuẩn 4	2 điểm
Tiêu chuẩn 5	2 điểm
Tiêu chuẩn 6	2 điểm
Tiêu chuẩn 7	2 điểm

Tiêu chuẩn 3.1: Quy trình tuyển dụng, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đầy đủ văn bản quy định về việc tuyển dụng, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý và văn bản quy định của cơ quan quản lý cấp trên về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Trong những năm qua dưới sự chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, BGH nhà trường, sự phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đảm bảo yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ ngày càng tăng, tổ chức ngày càng ổn định.

Hàng năm, trường đều xây dựng các quy định, tiêu chí cụ thể và ban hành thông báo, hướng dẫn chi tiết quy trình công tác đánh giá, xếp loại CBVC-NLĐ và tiến hành đánh giá theo quy định, quá trình đánh giá xếp loại là mục tiêu, động lực để toàn thể CBVC-NLĐ trong toàn Trường nỗ lực phấn đấu góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường (3.1.01 - Quyết định số 1161/QĐ-CDKTCN ngày 07/8/2018 ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với CBVCTrường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 3.1.02 - Tờ trình số 2247/TTr - CDKTCN ngày 30/11/2023 về việc đề nghị phê duyệt Đề án tổ chức, sắp xếp lại đơn vị Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 3.1.03 - Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 v/v phê duyệt cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 3.1.04 - Hướng dẫn xếp loại viên chức năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025; 3.1.05 - Các Quyết định về việc Hướng dẫn đánh giá giáo viên dạy văn hóa, các môn chung năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025;

3.1.06 - Hướng dẫn đánh giá nhà giáo GDNN năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025; 3.1.07 - Quyết định về việc phê duyệt kết quả xếp loại chất lượng các đơn vị và viên chức năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025; 3.1.08 - Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá xếp loại chất lượng NLĐ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025).

Công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ luôn được Nhà trường chú trọng và tạo điều kiện tốt nhất để CBVC-NLĐ tham gia học tập, giảng dạy và quản lý (1.1.15 - Quyết định số 2001/QĐ-CĐKTCN ngày 09/12/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành chiến lược phát triển Trường Cao đẳng nghề Nha Trang giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; 3.1.09 - Quyết định số 1066/QĐ-CĐKTCN ngày 13/7/2020 ban hành quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 3.1.10 - Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/5/2024 quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN).

Nhằm đáp ứng phù hợp tình hình thực tế của nhà trường và cập nhật văn bản hiện hành, hằng năm nhà trường thực hiện công tác rà soát, quy trình tuyển dụng, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý để đánh giá để cải tiến và thực hiện các hoạt động của trường đạt hiệu quả. Đồng thời thực hiện đánh giá, tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, CBQL nhằm góp phần chuẩn hóa đội ngũ nhân lực của trường (1.4.03 - Các quy chế, quy định, quy trình được rà soát điều chỉnh và xây dựng trong năm 2022, 2023, 2024, 2025; 3.1.11 - Báo cáo tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý năm 2023, 2024, 2025).

Bên cạnh đó, Nhà trường luôn chú trọng đến công tác trẻ hóa đội ngũ cán bộ, cụ thể số cán bộ trẻ có trình độ được bổ nhiệm giữ các chức vụ chủ chốt (Trưởng/Phó các Phòng, Khoa, Trung tâm) ngày càng tăng và đúng theo quy hoạch Trường đã đề ra, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý và giảng dạy.

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đã triển khai đầy đủ các chính

sách, chế độ đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành và các hướng dẫn của cơ quan chủ quản. Các chính sách khuyến khích nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường (3.2.01 - *Quyết định của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, 2024, 2025*; 3.2.02 - *Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được hưởng chế độ chính sách theo quy định năm 2023, 2024, 2025*; 3.2.03 - *Các Quyết định khen thưởng thành tích thi đua năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*)

Bên cạnh đó, Nhà trường còn thực hiện đầy đủ chế độ tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản phúc lợi khác theo quy định, chế độ nâng lương thường xuyên, nâng bậc lương trước hạn, thi đua - khen thưởng, kỷ luật công minh, đúng quy định. Cử nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý GDNN tại các cơ sở uy tín trong và ngoài nước.

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo; luôn tạo điều kiện để đội ngũ nhà giáo tham dự đầy đủ các lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ. Tùy theo nội dung khóa đào tạo, bồi dưỡng nhà trường lựa chọn và gửi danh sách đối tượng có chuyên môn phù hợp tham dự (3.2.04 - *Thông báo về việc đăng ký đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*; 3.2.05 - *Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*; 3.2.06 - *Kế hoạch về tự đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*; 3.2.07 - *Các công văn, Quyết định cử nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng*; 3.2.08 - *Danh sách đội ngũ nhà giáo tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa, nâng cao chất lượng năm 2023, 2024, 2025*).

Nhà giáo được cử tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng đều được đơn vị đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ/chứng nhận sau khi hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng. Đồng thời, nhà trường thực hiện công tác tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động; được thể hiện rõ trong báo cáo kết quả hàng năm (3.2.09 - *Báo cáo kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, NLD học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 3.2.10 - *Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng của nhà giáo, cán bộ quản lý,*

viên chức, NLD năm 2023, 2024, 2025).

Nhà trường tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về thực hiện chính sách, chế độ; đào tạo, bồi dưỡng nhằm ghi nhận những ý kiến đóng góp, kịp thời có những điều chỉnh phù hợp trong quá trình thực hiện các chính sách chế độ góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập (3.2.11 - *Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động(kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát)* năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: *Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong những năm qua dưới sự chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, BGH nhà trường, công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo luôn thực hiện đúng quy định và hiệu quả. Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành theo quy định tại Luật GDNN và các văn bản hướng dẫn, bảo đảm về số lượng cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường.

Tính đến tháng 7 năm 2025, Trường có 162 nhà giáo tham gia giảng dạy, trong đó có 109 nhà giáo cơ hữu và 53 nhà giáo thỉnh giảng. Tỷ lệ nhà giáo cơ hữu chiếm 66%. Về trình độ chuyên môn: Tiến sĩ: 03 người; Thạc sĩ: 86 người (80 cơ hữu, 6 thỉnh giảng); Đại học: 69 người (25 cơ hữu, 43 thỉnh giảng); Cao đẳng, trung cấp: 4 thỉnh giảng).

Tỷ lệ nhà giáo có trình độ từ đại học trở lên đạt 99,9%, trong đó trình độ sau đại học chiếm 55%. Cơ cấu ngành, nghề của đội ngũ giảng viên phù hợp với chương trình đào tạo của Trường gồm 7 nghề trọng điểm các cấp độ quốc tế, khu vực và quốc gia.

Nhà giáo đều có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề và đã tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, cập nhật công nghệ (3.3.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/05/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN; 3.3.02 - Danh sách trích ngang nhà giáo thỉnh giảng đủ điều kiện giảng dạy tại trường; 3.2.10 - Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, NLD năm 2023, 2024, 2025).*

Tỷ lệ nhà giáo cơ hữu cao, đảm bảo ổn định và chủ động trong giảng dạy. Đa số nhà giáo có trình độ chuyên môn vững, được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp. Cơ cấu ngành nghề giảng dạy tương đối đầy đủ, phù hợp với định hướng phát triển của Trường. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy và đổi mới phương pháp giảng dạy. Đội ngũ cán bộ, nhà giáo cơ hữu của trường cũng như nhà giáo thỉnh giảng đều được phòng TC-TC quản lý hồ sơ đầy đủ và thường xuyên cập nhật thông tin dữ liệu khi có thay đổi(3.3.03 - *Hồ sơ CBNG cơ hữu, nhà giáo thỉnh giảng năm học 2022- 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*).

Việc đánh giá, phân loại nhà giáo được Nhà trường thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Nhà trường đã ban hành các văn bản, quy định liên quan đến công tác đánh giá, xếp loại nhà giáo. Trên cơ sở đó, hàng năm trường đều có đánh giá xếp loại nhà giáo GDNN theo chuẩn tại Văn bản hợp nhất số 5161/VBHN-BLĐTBXH để từ đó giúp nhà giáo có điều kiện hoàn thiện bản thân, phấn đấu tốt hơn để đáp ứng yêu cầu thực tế của nhà trường (3.3.04 - *Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025*; 3.3.05 - *Hồ sơ đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*).

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, kiểm tra việc thực hiện giảng dạy của nhà giáo, các khoa thường xuyên kiểm tra hồ sơ, ký duyệt giáo án trước khi nhà giáo thực hiện giảng dạy. Phòng QTCL - HSSV phối hợp các đơn vị thực hiện dự giờ theo kế hoạch dự giờ của Khoa; Phòng ĐT - CSVN phối hợp với các Khoa thực hiện kiểm tra định kỳ hằng năm hồ sơ nhà giáo. Qua dự giờ và kiểm tra hồ sơ nhà giáo, tất cả nhà giáo đều thực hiện giảng dạy đúng theo thời khóa biểu của Trường và có chuẩn bị đầy đủ sổ giáo án có xác nhận của trưởng khoa, bộ môn đầy đủ. Căn cứ CTĐT đã được Hiệu trưởng phê duyệt và chỉ tiêu tuyển sinh, các Khoa phối hợp với Phòng ĐT - CSVN xây dựng kế hoạch tiến độ đào tạo toàn khóa, kế hoạch nhà giáo giảng dạy từng ngành, nghề, MH/MĐ chi tiết. Phòng ĐT - CSVN chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch đào tạo, theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát việc thực hiện tiến độ đào tạo theo đúng chương trình, thời gian, kế hoạch của từng ngành nghề đã xây dựng(3.3.06 - *Quyết định số 871/QĐ-CDKTCN ngày 07/5/2024 về Ban hành Quy chế hoạt động kiểm tra nội bộ của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*; 2.3.03 - *Kế hoạch đào tạo năm 2023, 2024, 2025*; 2.4.01 - *Danh sách các khóa, lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 2.4.04 - *Kế hoạch nhà giáo năm 2023, 2024, 2025*; 2.7.03 -

Kế hoạch kiểm tra quy chế chuyên môn học kỳ I, học kỳ II năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.7.06 - Thông báo kết quả kiểm tra quy chế chuyên môn học kỳ I, học kỳ II năm học 2022-2023, 2023-2024 2024-2025; 2.7.04 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động hoạt động dạy và học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Hàng năm Trường đều ban hành Kế hoạch định mức giờ giảng cho nhà giáo theo Thông tư 07/2017/TT-BLDTBXH ngày 10/3/2017 và cuối năm học Nhà trường triển khai cho các Khoa tổ chức kê khai tổng số giờ giảng dạy của nhà giáo và các hoạt động khác để làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời phối hợp với các đơn vị kê khai thanh toán giờ trội cho các nhà giáo. Việc phân công giờ giảng cho từng nhà giáo đảm bảo không giảng dạy vượt quá định mức theo quy định (3.3.07 - *Bảng tổng hợp giờ giảng và thống kê vượt giờ của nhà giáo năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*).

Căn cứ bảng thống kê vượt giờ của nhà giáo đã được các đơn vị liên quan xác nhận, Phòng TC-TC tham mưu Hiệu trưởng thanh toán tiền vượt giờ cho nhà giáo theo quy định (3.3.08 - *Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*). Thông qua kế hoạch phân công nhà giáo, danh sách nhà giáo giảng dạy và danh sách HSSV, tỷ lệ quy đổi HSSV/nhà giáo của Trường đạt chuẩn theo quy định hiện hành (3.3.09 - *Bảng thống kê tỷ lệ quy đổi HSSV/nhà giáo*).

Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức thu nhập ý kiến nhà giáo, CBQL về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo dạy nhằm thu thập ý kiến phản hồi để có những điều chỉnh kịp thời góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường(3.2.10 - *Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025*).

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: *Nhà giáo, giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2023, nhà trường đã điều chỉnh cập nhật và ban hành chương trình đào tạo, trong quá trình giảng dạy, nhà giáo thực hiện đầy đủ theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo. Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo cho từng nghề phù hợp với CTĐT đã ban hành, chương trình chi tiết từng MH/MĐ, cụ thể cho các giờ học lý thuyết, học thực hành, thực tập Doanh nghiệp (2.3.04 - *Danh sách các quyết định ban hành*

CTĐT của Trường 2.3.03 - Kế hoạch đào tạo năm 2023, 2024, 2025; 2.4.02 - Chuẩn đầu ra của các CTĐT; 2.4.04 - Kế hoạch nhà giáo năm học 2023-2024, 2024-2025).

Trường có đầy đủ danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy (3.3.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/05/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN; 3.3.02 - Danh sách trích ngang nhà giáo thỉnh giảng đủ điều kiện giảng dạy tại trường*).

Thông qua kế hoạch đào tạo và danh sách nhà giáo, nhận thấy được tính phù hợp giữa chương trình và năng lực nhà giáo. Ngoài ra, sổ tay, giáo án, sổ lên lớp, lịch kiểm tra và báo cáo kết quả sau kiểm tra cũng cho thấy được chất lượng giảng dạy, giảng dạy theo đúng tiến độ và phù hợp với chương trình đào tạo.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, kiểm tra việc thực hiện giảng dạy của nhà giáo, các khoa thường xuyên kiểm tra hồ sơ, ký duyệt giáo án trước khi nhà giáo thực hiện giảng dạy; tổ chức dự giờ; Phòng Đào tạo định kỳ hằng năm phối hợp với các khoa thực hiện kiểm tra hồ sơ nhà giáo. Qua dự giờ và kiểm tra hồ sơ nhà giáo, tất cả nhà giáo đều thực hiện giảng dạy đúng theo thời khóa biểu của Trường và có chuẩn bị đầy đủ sổ giáo án có xác nhận của trưởng khoa, bộ môn đầy đủ (2.4.05 - *Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo năm 2023, 2024, 2025; 2.7.04 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.7.05 - Báo cáo kết quả kiểm tra dự giờ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: *Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang luôn quan tâm, khuyến khích và tạo điều kiện cho nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn và triển khai các biện pháp cụ thể như: Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm cho đội ngũ nhà giáo và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khuyến khích nhà giáo đăng ký học nâng cao trình độ (thạc sĩ, tiến sĩ), tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tại

các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước. Tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ học phí (một phần hoặc toàn phần) đối với các khóa học trong kế hoạch đào tạo.

Hỗ trợ nhà giáo tham gia hội thảo chuyên môn, các chương trình bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng nghề, phương pháp sư phạm, ứng dụng CNTT trong dạy học. Tổ chức các hội thi giáo viên dạy giỏi, khuyến khích viết sáng kiến, biên soạn giáo trình, tài liệu học tập. Ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm mô phỏng, bài giảng E-learning vào giảng dạy.

Nhà trường thường xuyên đánh giá kết quả học tập, bồi dưỡng và đổi mới phương pháp giảng dạy của nhà giáo thông qua dự giờ, đánh giá của người học và hội đồng chuyên môn (3.2.01 - *Quyết định của Hiệu trưởng trường CĐ Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, 2024, 2025*).

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ luôn được BGH nhà trường đặc biệt quan tâm như: Xây dựng cơ chế hỗ trợ mạnh mẽ hơn về tài chính, thời gian và chính sách khuyến khích học tập nâng cao trình độ. Tổ chức các đợt bồi dưỡng tập trung theo chuyên đề giảng dạy tích hợp, số hóa bài giảng, phương pháp tiếp cận CDIO, E-learning. Tăng cường dự giờ, đánh giá hiệu quả giảng dạy để thúc đẩy nhà giáo đổi mới phương pháp. Đẩy mạnh phong trào thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp tỉnh và tham gia cấp quốc gia. Hàng năm nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý (3.2.04 - *Thông báo về việc đăng ký đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025*; 3.2.05 - *Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*; 3.2.06 - *Kế hoạch về tự đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*; 3.5.01 - *Văn bản cử nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đổi mới phương pháp giảng dạy năm 2023, 2024, 2025*; 3.5.02 - *Các tài liệu/hình ảnh nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm 2023, 2024, 2025*).

Để triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa, trường xây dựng Kế hoạch phát triển nhân lực giai đoạn 2021 - 2025 trình UBND tỉnh Khánh Hòa Phê duyệt (1.1.15 - *Quyết định số 2001/QĐ-CĐKTCN ngày 09/12/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành chiến lược phát triển Trường Cao đẳng nghề Nha Trang giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030*).

Hàng năm có Báo cáo kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học, cho thấy nhà trường đã thực hiện đúng theo Kế hoạch bồi dưỡng cập nhật

và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, thể hiện rõ trong Báo cáo kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học hàng năm (3.2.09 - Báo cáo kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025).

Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường tổ chức rà soát, lấy ý kiến đóng góp của nhà giáo, cán bộ quản lý trong toàn trường về chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, trước Hội nghị CBVC trường xem xét điều chỉnh theo từng năm cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị (3.5.03 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang luôn chú trọng việc cập nhật kiến thức, công nghệ mới cho đội ngũ nhà giáo thông qua các hình thức học tập, bồi dưỡng và thực tập nghề tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất.

Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, cử nhà giáo tham gia các lớp đào tạo chuyên đề về kỹ năng nghề, công nghệ mới, phương pháp giảng dạy tích hợp, dạy học trực tuyến, kỹ năng số và đổi mới sáng tạo. Các lớp học được tổ chức thông qua liên kết với doanh nghiệp, trường đại học trong và ngoài nước, hoặc tham gia các chương trình do Tổng cục GDNN, các tổ chức quốc tế hỗ trợ.

Một số nhà giáo được bố trí thực tập tại doanh nghiệp trong lĩnh vực như Cơ khí, Điện - Điện tử, Du lịch - Nhà hàng, CNTT, nhằm nâng cao kiến thức thực tiễn, cập nhật dây chuyền sản xuất, thiết bị hiện đại.

Để đảm bảo thực hiện công tác bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động cho nhà giáo nhằm cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất. Nhà

trường xây dựng và triển khai Kế hoạch thâm nhập thực tế hàng năm, trên cơ sở đó các Khoa xây dựng kế hoạch thâm nhập thực tế của đơn vị gửi về phòng Đào tạo tổng hợp trình Hiệu trưởng phê duyệt. Sau mỗi đợt thâm nhập thực tế, mỗi cá nhân có báo cáo kết quả thâm nhập gửi về Bộ môn, Khoa đánh giá trình Hiệu trưởng phê duyệt kết quả. Kết quả hoàn thành công tác thâm nhập của nhà giáo được sử dụng để thực hiện các chính sách chế độ cho nhà giáo theo quy định. Hầu hết các nhà giáo được cử đi tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng đều được đơn vị tập huấn cấp chứng chỉ/giấy chứng nhận sau khi hoàn thành khóa học cũng như tài liệu theo đúng nội dung tập huấn. Hàng năm, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đều thực hiện công tác tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo, thể hiện rõ trong Báo cáo kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy hàng năm (3.3.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/05/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN*; 3.6.01 - *Kế hoạch về việc thâm nhập thực tế năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*; 3.6.02 - *Văn bản cử nhà giáo tham gia khóa học tập, bồi dưỡng, thực tập*; 3.6.03 - *Báo cáo kết quả công tác tổ chức thực tập tại Doanh nghiệp của nhà giáo năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025* ; 3.6.04 - *Hồ sơ báo cáo kết quả thâm nhập thực tế của nhà giáo năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*; 3.6.05 - *Danh sách nhà giáo cơ hữu thâm nhập thực tế*; 3.6.06 - *Danh sách nhà giáo cơ hữu học tập, bồi dưỡng, thực tập học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Bên cạnh đó Nhà trường thực hiện thu thập ý kiến của nhà giáo về việc bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp (3.6.07 - *Hồ sơ khảo sát nhà giáo(kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025*).

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: *Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ban Giám hiệu Nhà trường đều được bổ nhiệm đúng tiêu chuẩn, là những cán bộ có phẩm chất tốt, có năng lực công tác, khả năng điều hành, quản lý, tầm nhìn và hoạch định chiến lược, có trách nhiệm và đã có những đóng góp cho sự phát triển vững mạnh, toàn diện của Nhà trường trong nhiều năm qua.

Hiện nay Nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng đảm bảo đúng yêu cầu về trình độ được đào tạo, thâm niên công tác, độ tuổi, sức khỏe, năng lực quản lý, phẩm chất đạo đức theo quy định của điều lệ trường Cao đẳng Nghề quy định tại Luật GDNN, Thông tư 46/2016/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2016, Văn bản hợp nhất số 1308/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 05/4/2019. Nhà trường có đầy đủ hồ sơ Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và thương xuyên cập nhật thông tin dữ liệu của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng khi có thay đổi (3.7.01 - *Danh sách trích ngang Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường*; 3.7.02 - *Hồ sơ của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng*).

Việc bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng do Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định trên cơ sở căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại Luật GDNN, Thông tư 46/2016/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2016, Văn bản hợp nhất số 1308/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 05/4/2019.

Định kỳ hàng năm, trường tổ chức cho cán bộ chủ chốt bao gồm trưởng, phó các đơn vị đóng góp ý kiến cho Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng về kết quả hoạt động được cấp trên phân công và từng nhiệm vụ công việc phụ trách. Qua đó nêu ra những ưu điểm, hạn chế, mức độ tín nhiệm của tập thể đối với từng thành viên trong BGH làm cơ sở điều chỉnh, khắc phục trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Kết quả thực hiện trong các năm qua, các đồng chí Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng luôn được đánh giá có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ quản lý, thực hiện tốt quyền hạn và trách nhiệm trong quản lý nhà trường, luôn được tín cao (3.7.03 - *Phiếu Đánh giá công chức, viên chức năm học 2022-2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng*).

CBQL của trường 100% đạt chuẩn chức danh theo quy định của Nhà nước, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng yêu cầu công tác (3.7.04- *Danh sách trích ngang của cán bộ quản lý*). Hồ sơ của cán bộ trưởng/ phó đơn vị được thể hiện đầy đủ và cập nhật thường xuyên khi thay đổi thông tin (3.7.05 - *Hồ sơ cán bộ quản lý trong trường*).

Đối với Kế toán trưởng đảm bảo yêu cầu được bổ nhiệm theo Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều

của Luật kế toán; Thông tư 05/2018/TT-BNV ngày 27/03/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước (3.7.06 - *Hồ sơ bổ nhiệm Kế toán trưởng*; 3.7.07 - *Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng*).

Định kỳ hàng năm trường tổ chức đánh giá xếp loại cán bộ quản lý theo tiêu chuẩn, quy định hiện hành. cán bộ quản lý làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao và tự nhận mức phân loại, trình bày báo cáo tự đánh giá kết quả công tác tại cuộc họp của đơn vị để tập thể đóng góp ý kiến. Các ý kiến được ghi vào biên bản và thông qua tại cuộc họp, Chi bộ có ý kiến nhận xét bằng văn bản về cán bộ quản lý được đánh giá, phân loại. Hiệu trưởng trực tiếp tham khảo báo cáo tự đánh giá kết quả công tác của cán bộ quản lý, các ý kiến tham gia, quyết định đánh giá, phân loại đối với cán bộ quản lý. Trong các năm qua, 100% cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (3.7.08 - *Hồ sơ quản lý CBVC - NLD toàn trường*; 3.7.09 - *Quyết định về việc phê duyệt kết quả xếp loại chất lượng các đơn vị và viên chức năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025*; 3.7.10 - *Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá xếp loại chất lượng NLD năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025*).

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học tập và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBVC - NLD, luôn quan tâm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ cho sự nghiệp đào tạo của trường (3.2.04 - *Thông báo về việc đăng ký đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025*; 3.2.05 - *Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*; 3.2.06 - *Kế hoạch về tự đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*; 3.2.09 - *Báo cáo kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, NLD học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Ngoài kế hoạch được định trước đầu năm, trong năm khi có các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ trường cũng đều cử cán bộ quản lý đi học tập. 100% Cán bộ quản lý tham gia giảng dạy, nhà giáo cũng luôn có ý thức tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thể hiện qua kế hoạch đăng ký tự học tập, bồi dưỡng hàng năm (3.7.11 - *Văn bản cử cán bộ quản lý, viên chức, người lao động tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ năm 2023, 2024, 2025*; 3.7.12 - *Danh sách*

bộ quản lý, viên chức, người lao động được cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ năm 2023, 2024, 2025).

Hàng năm Nhà trường đều có tổng kết, đánh giá quá trình hoạt động của đơn vị gồm những nội dung về tất cả các mặt hoạt động của trường và đều có báo cáo bằng văn bản cụ thể về đơn vị chủ quản (*1.3.19 - Các Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022- 2023, 2023 - 2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025-2026 của các đơn vị; 1.2.15 - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025-2026 của trường*).

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 2 điểm

3.2.4. TIÊU CHÍ 4: *Chương trình đào tạo, giáo trình*

Bao gồm 7 tiêu chuẩn.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu:

Căn cứ Luật GDNN và các văn bản dưới luật về hướng dẫn xây dựng CTĐT của Bộ LĐTĐ-XH, Trường đã xây dựng CTĐT cho các nghề theo hướng vận dụng phù hợp vào điều kiện thực tế của Trường, nhu cầu học tập, yêu cầu thị trường lao động của xã hội và năng lực của nhà giáo.

Về chương trình, Ban biên soạn chương trình gồm CBQL, nhà giáo, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm để xây dựng CTĐT cho từng nghề phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường theo hướng liên thông giữa các trình độ đào tạo.

Về giáo trình, các Bộ môn đã biên soạn và lựa chọn giáo trình từ các Trường có uy tín, đảm bảo đầy đủ giáo trình cho các MH/MĐ và được hội đồng Nhà trường thẩm định, phê duyệt.

Những điểm mạnh:

CTĐT của Trường được xây dựng đảm bảo tính liên thông hợp lý giữa các trình độ đào tạo nghề và các trình độ đào tạo khác.

Quá trình tổ chức biên soạn, sửa đổi, bổ sung hay điều chỉnh chương trình đều có sự tham gia của CBNG và có ý kiến đóng góp của các chuyên gia, kỹ sư, CBQL giàu kinh nghiệm từ các Doanh nghiệp.

Công tác biên soạn và thẩm định giáo trình, tài liệu giảng dạy của các Khoa trong Trường được thực hiện theo đúng quy trình; tất cả các giáo trình, tài liệu giảng dạy đều được thông qua hội đồng thẩm định nhận xét đánh giá, nghiệm thu; đảm bảo yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần đạt trong chương trình GDNN, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Tiếp tục tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh chương trình; biên soạn và thẩm định giáo trình đào tạo cho phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh của xã hội.

Tiếp tục liên kết với các Trường đại học xây dựng CTĐT liên thông trình độ trung cấp, cao đẳng.

Tiếp tục tổ chức bồi dưỡng kỹ năng biên soạn giáo trình điện tử cho đội ngũ nhà giáo, đảm bảo tất cả giáo trình, tài liệu giảng dạy cho các MH/MĐ được cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần đạt trong chương trình GDNN, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<i>Tiêu chí 4</i>	<i>14 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1	2 điểm
Tiêu chuẩn 2	2 điểm
Tiêu chuẩn 3	2 điểm
Tiêu chuẩn 4	2 điểm
Tiêu chuẩn 5	2 điểm
Tiêu chuẩn 6	2 điểm
Tiêu chuẩn 7	2 điểm

Tiêu chuẩn 4.1: *Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ các văn bản hướng dẫn xây dựng chương trình của Bộ LĐTB-XH, Trường ban hành và áp dụng quy trình đảm bảo chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo (*4.1.01 - Quyết định số 2569/QĐ-CDKTCN ngày 29/12/2023 ban hành quy trình đảm bảo chất lượng Phòng Đào tạo sửa đổi bổ sung năm 2023; QT.01 - Quy trình Xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh CTĐT*). Nhà trường có đầy đủ CTĐT các nghề mà Trường đang tổ chức đào tạo. Trường đã xây dựng, biên soạn, điều chỉnh cập nhật đối với tất cả các CTĐT đúng theo quy định tại Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN, Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTB-XH ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Các nghề đào tạo Trường đã được Tổng cục GDNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN theo quy định (*1.2.14 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của TCGDNN; 2.1.04 - Bảng thống kê ngành nghề đào tạo của Trường; 2.3.04 - Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của các nghề của Trường*).

Các CTĐT được xây dựng luôn có sự tham gia của nhà giáo, CBQL, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động. Khi xây dựng chương trình, ban biên soạn căn cứ mục tiêu đào tạo và gắn với thực tế sản xuất kinh doanh, dịch vụ, chú trọng kỹ năng nghề nghiệp, phù hợp với nhu cầu học tập và việc làm của xã hội. CTĐT được thiết kế, xây dựng trên cơ sở tham khảo ý kiến chuyên gia, kỹ sư, CBQL giàu kinh nghiệm tại các Doanh nghiệp.

Ban biên soạn CTĐT gồm nhà giáo cơ hữu đã giảng dạy chuyên môn nghề ít nhất 01 khóa tham gia vào quá trình xây dựng hoặc góp ý hoặc thẩm định CTĐT mỗi nghề có ít nhất 01 CBQL GDNN và 01 cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động tham gia vào quá trình xây dựng, thẩm định chương trình (*4.1.02 - Quyết định thành lập tổ biên soạn CTĐT năm 2019; 2021; 2023; 4.1.03 - Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT năm 2019; 2021; 2023; 4.1.04 - Biên bản biên soạn của Bộ môn và Thẩm định của Hội đồng thẩm định CTĐT*).

Nhà trường thực hiện khảo sát nhằm thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào của trường để kịp thời điều chỉnh bổ sung những phản hồi góp phần nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tiễn (*4.1.05*

- Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, đơn vị sử dụng lao động (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xây dựng mới 100% CTĐT và chuẩn đầu ra của từng CTĐT theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng đúng theo quy định tại các Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH, Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học (1.2.14 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của TCGDNN; 2.3.04 - Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của Trường; 4.1.02 - Quyết định thành lập tổ biên soạn CTĐT năm 2019; 2021; 2023; 4.1.03 - Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT năm 2019; 2021; 2023; 4.1.04 - Biên bản biên soạn của Bộ môn và Thẩm định của Hội đồng thẩm định CTĐT; 2.1.04 - Bảng thống kê ngành nghề đào tạo của Trường; 2.4.02 - Chuẩn đầu ra của CTĐT).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ GDNN, phù hợp với mục tiêu của GDNN, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

CTĐT của Trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng MH/MĐ, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 12/2017/TT – BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu của người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung

cấp, trình độ cao đẳng. Chuẩn đầu ra của các CTĐT đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam phù hợp với mục tiêu của GDNN, yêu cầu của ngành nghề đào tạo (2.4.02 - *Chuẩn đầu ra của CTĐT*).

Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ GDNN, phù hợp với mục tiêu của GDNN, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai (2.8.02 - *Website Trường* <http://cdkctcnnt.edu.vn> có công bố thông tin chuẩn đầu ra của các nghề đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường thực hiện việc rà soát điều chỉnh CTĐT định kỳ theo đúng quy định tại Điều 10 Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH đối với trình độ sơ cấp và Điều 9 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH đối với trình độ trung cấp, cao đẳng.

CTĐT được thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh theo quy định, cụ thể các năm điều chỉnh như 2017, 2019, 2021 và 2023 theo quy định có trên 40% giờ thực hành tại Doanh nghiệp (4.4.01 - *Quyết định ban hành CTĐT lần đầu năm 2017*; 2.3.04 - *Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của các nghề của Trường*; 4.4.02 - *Báo cáo thể hiện kết quả rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT*).

Quá trình thực hiện có sự tham gia của các cán bộ kỹ thuật, các chuyên gia từ Doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. CTĐT của Nhà trường sau khi áp dụng được tiến hành khảo sát và tiếp nhận các ý kiến nhận xét, đánh giá khác của đơn vị sử dụng lao động, trong đó các chương trình chi tiết các MH/MĐ cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương (4.4.03 - *Quyết định ban hành CTĐT 2023* ; 4.4.04 - *Danh sách CTĐT có sự thay đổi*).

Nhà trường thực hiện khảo sát đơn vị sử dụng lao động, người học tốt nghiệp đã đi làm đối với chương trình đào tạo để thu thập ý kiến phản hồi về sự phù hợp của CTĐT đáp ứng thực tiễn và thị trường lao động (4.4.05 - *Hồ sơ khảo sát người học tốt nghiệp đã đi làm, đơn vị sử dụng lao động (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát)* năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường ban hành và áp dụng quy trình đảm bảo chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo (4.5.01 - Quyết định số 2569/QĐ-CDKTCN ngày 29/12/2023 ban hành quy trình đảm bảo chất lượng Phòng Đào tạo sửa đổi bổ sung năm 2023; QT.02 - Quy trình Biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo).

Các MH/MĐ trong CTĐT đảm bảo 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập. Các giáo trình được nhà giáo biên soạn và lựa chọn từ các giáo trình của các nhà xuất bản hoặc của các Trường khác phù hợp và đảm bảo các MH/MĐ trong CTĐT đều có giáo trình.

Các giáo trình, tài liệu giảng dạy được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cập nhật kiến thức trong quá trình biên soạn, biên soạn lại đầy đủ và đảm bảo chất lượng đào tạo (4.5.02 - Quyết định thành lập tổ biên soạn giáo trình ; 4.5.03 - Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình; 4.5.04 - Biên bản biên soạn của Bộ môn và Thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình; 4.5.05 - Danh sách thống kê danh mục giáo trình cho từng MH/MĐ của từng nghề).

Đồng thời nhà trường tổ chức khảo sát chuyên gia, cán bộ quản lý để thu thập ý kiến phản hồi về quá trình xây dựng, lựa chọn giáo trình phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập(4.5.06 - Hồ sơ khảo sát chuyên gia, cán bộ quản lý (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy được xác định là nhiệm vụ của tất cả các nhà giáo trong Trường để phục vụ giảng dạy. Giáo trình tự biên soạn được thực hiện theo quy trình biên soạn và được hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng quyết định ban hành giáo trình giảng dạy cho các nghề của Trường.

Các MH/MĐ của các CTĐT có đầy đủ giáo trình, tài liệu giảng dạy và tài liệu tham khảo, đáp ứng yêu cầu giảng dạy của nhà giáo và học tập của HSSV (1.2.14 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của TCGDNN; 4.4.03 - QĐ ban hành CTĐT 2023; 4.5.05 - Danh sách thống kê danh mục giáo trình cho từng MH/MĐ của từng nghề; 4.6.01 - Bản in các giáo trình của các MH/MĐ; 4.5.04 - Biên bản biên soạn của Bộ môn và Thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình).

Nhà trường thực hiện khảo sát nhà giáo đối với giáo trình phục vụ giảng dạy và học tập nhằm thu thập ý kiến phản hồi kịp thời có những điều chỉnh bổ sung góp phần nâng cao chất lượng dạy và học (4.6.02 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình đào tạo tại Trường được điều chỉnh, cập nhật, bổ sung kịp thời khi có sự thay đổi CTĐT từ Luật Dạy nghề sang Luật GDNN, thời gian đào tạo cụ thể là 02 năm cho hệ trung cấp và 2,5 - 3 năm cho hệ cao đẳng.

Từ năm 2019 với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu thực tiễn thị trường lao động, định hướng có trên 40% giờ thực hành, thực tập tại Doanh nghiệp, Nhà trường xây dựng, biên soạn giáo trình đào tạo đối với các nghề đào tạo tại Trường theo chương trình mới ban hành (4.4.01 - Quyết định ban hành CTĐT lần đầu năm 2017; 2.3.04 - Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của các nghề của Trường; 4.7.01 - Danh sách giáo trình đào tạo trước và sau khi thay đổi).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm

3.2.5. TIÊU CHÍ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Bao gồm 8 tiêu chuẩn

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang luôn xác định, đề hướng tới mục tiêu trở thành cơ sở GDNN chất lượng cao trên phạm vi toàn quốc, bên cạnh việc tập trung

xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đạt chuẩn theo quy định, việc đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và học tập của người học là một trong những điều kiện tiên quyết. Đây là yếu tố quan trọng, có tính chất quyết định đến chất lượng đào tạo và sự phát triển bền vững của nhà trường trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

Trong những năm qua, nhà trường tập trung đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng, vật tư, trang thiết bị giảng dạy, học tập, xác định mức độ đáp ứng yêu cầu đào tạo và phục vụ người học, góp phần xác định các định hướng đầu tư, cải tiến trong thời gian tới.

Những điểm mạnh:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang có cơ sở chính tọa lạc tại Đường N1, Khu trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, với tổng diện tích đất sử dụng là 74.350 m².

Hiện tại, trường được đầu tư hệ thống cơ sở vật chất tương đối đầy đủ với 34 phòng học lý thuyết, 82 phòng/xưởng thực hành chuyên ngành, phòng hội trường, phòng hội thảo, thư viện, ký túc xá... phục vụ nhu cầu học tập và sinh hoạt của người học.

Nhà trường luôn quan tâm đến việc đổi mới, đầu tư đầy đủ và kịp thời các trang thiết bị đào tạo có chất lượng cao nhằm phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hệ thống máy móc, thiết bị được trang bị đảm bảo đúng chủng loại, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, đồng thời an toàn cho người vận hành theo quy định hiện hành.

Các trang thiết bị được đầu tư đều phù hợp theo danh mục thiết bị tối thiểu đặc thù của từng ngành, nghề đang được đào tạo tại Trường, đáp ứng tốt yêu cầu về kiến thức và kỹ năng thực hành cho người học.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng bố trí đầy đủ hệ thống kho vật tư, thiết bị để lưu trữ, bảo quản vật tư, dụng cụ thực hành một cách khoa học, đảm bảo cung ứng kịp thời và đầy đủ cho các hoạt động giảng dạy và học tập, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu đào tạo của Nhà trường.

Địa điểm xây dựng nhà trường phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cũng như quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức hoạt động đào tạo.

Hệ thống giao thông kết nối từ các vùng phụ cận đến Trường khá thuận tiện, đảm bảo khả năng tiếp cận dễ dàng cho người học, nhà giáo và cán bộ quản lý.

Các khu vực học tập, thực hành và làm việc của Trường được bố trí cách xa trục giao thông lớn, khu công nghiệp, và các nguồn gây ô nhiễm. Môi trường xung quanh đảm bảo không bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn, bụi bẩn, chất độc hại, nguồn nước và không khí được đảm bảo an toàn vệ sinh, tạo điều kiện giảng dạy và học tập an toàn, hiệu quả.

Trường đã đầu tư xây dựng trạm biến áp riêng nhằm đảm bảo việc truyền tải và phân phối điện năng ổn định, đáp ứng hiệu quả nhu cầu sử dụng điện cho các hoạt động đào tạo, sản xuất và sinh hoạt. Bên cạnh đó, Trường cũng đã hoàn thiện hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông gió và hệ thống phòng cháy chữa cháy được thiết kế, lắp đặt theo đúng các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, phục vụ đầy đủ cho các hoạt động giảng dạy, học tập, sản xuất và dịch vụ sinh hoạt trong toàn trường.

Hệ thống kho vật tư, thiết bị của Nhà trường được bố trí hợp lý, đảm bảo đầy đủ về diện tích, chủng loại và điều kiện bảo quản, đáp ứng hiệu quả việc lưu giữ vật tư, dụng cụ thực hành đáp ứng yêu cầu của các ngành/ngành đào tạo.

Năm 2024, trường đã được đầu tư đồng bộ máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại cho các nghề trọng điểm dự án trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang từ nguồn thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

Thư viện của Trường được đầu tư trang thiết bị, bổ sung đầu sách chuyên ngành, sách tham khảo, giáo trình phục vụ đào tạo; đồng thời được trang bị cơ sở dữ liệu điện tử và phần mềm quản lý thư viện, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên và nhà giáo tra cứu tài liệu thông qua mạng nội bộ và Internet, đáp ứng tốt nhu cầu bạn đọc, học tập và nghiên cứu.

Những tồn tại:

Kinh phí đầu tư bổ sung trang thiết bị, công nghệ hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo theo hướng tiếp cận thực tiễn sản xuất và nhu cầu xã hội còn hạn chế, chưa đồng bộ giữa các nghề/ngành đào tạo.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn về đầu tư bổ sung trang thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại, phù hợp với yêu cầu thực tiễn sản xuất và định hướng phát triển các nghề trọng điểm.

Đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực xã hội, tiếp cận thiết bị, công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng đào tạo và gắn kết với nhu cầu sử dụng lao động của thị trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<i>Tiêu chí 5</i>	<i>16 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1	2 điểm
Tiêu chuẩn 2	2 điểm
Tiêu chuẩn 3	2 điểm
Tiêu chuẩn 4	2 điểm
Tiêu chuẩn 5	2 điểm
Tiêu chuẩn 6	2 điểm
Tiêu chuẩn 7	2 điểm
Tiêu chuẩn 8	2 điểm

Tiêu chuẩn 5.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học các hoạt động khác của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã ban hành đầy đủ và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học, các hoạt động khác của trường (5.1.01 - Quyết định số 2366/QĐ-CDKTCN ngày 14/11/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐ Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; 5.1.02 - Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị-Mã hóa QT.28 được ban hành theo quyết định số 583/QĐ-CDKTCN ngày 27 tháng 4 năm 2018; 5.1.03 - Quy trình sửa chữa máy móc thiết bị-Mã hóa QT.31 được ban hành theo quyết định số 1132/QĐ-CDKTCN ngày 30 tháng 7 năm 2018; 5.1.04 - Quyết định số 1930/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo trong Trường CĐ Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Máy móc, thiết bị phục vụ đào tạo tại Trường đều có hồ sơ đầy đủ về xuất xứ, nơi sản xuất và năm sản xuất, đảm bảo tính đồng bộ và đáp ứng với chương trình đào tạo (5.1.05 - Danh mục thiết bị đào tạo của Trường). Mỗi thiết bị đều được lập hồ sơ theo dõi

sử dụng, bao gồm nội quy, quy trình vận hành, hướng dẫn bảo quản, bảo trì và bảo dưỡng. Việc quản lý, theo dõi thiết bị tại các phòng thực hành chuyên môn được thực hiện theo quy trình cụ thể. Các khoa chuyên môn phân công trách nhiệm cho từng bộ môn trong công tác giám sát, quản lý và sử dụng thiết bị. Công tác bảo trì, bảo dưỡng được thực hiện định kỳ và thường xuyên đánh giá để kịp thời phát hiện, khắc phục các hư hỏng, đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng sẵn sàng phục vụ hoạt động đào tạo (5.1.06 - Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị - lý lịch máy, hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã xây dựng và triển khai quy hoạch tổng thể khuôn viên một cách hợp lý, phù hợp với chức năng đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất, dịch vụ và sinh hoạt. Quy hoạch được thực hiện trên cơ sở bám sát định hướng phát triển của nhà trường, đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô đào tạo, nâng cao chất lượng và bảo đảm sự phát triển bền vững.

Các khu vực chức năng như khu hành chính, khu giảng dạy - học tập lý thuyết, khu thực hành - thực nghiệm, khu ký túc xá, khu thể thao và các công trình phụ trợ được bố trí một cách khoa học, thuận tiện cho việc tổ chức các hoạt động đào tạo và sinh hoạt. Các khu vực đều được thiết kế đảm bảo yếu tố thân thiện môi trường, thoáng đãng, nhiều cây xanh và hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến cảnh quan và môi trường tự nhiên.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại các cơ sở, cùng với Biên bản bàn giao công trình và Biên bản hoàn thành công trình đưa vào sử dụng tại cơ sở chính, Trường có đầy đủ cơ sở pháp lý và hồ sơ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp đối với các hạng mục cơ sở vật chất hiện có. Các công trình xây dựng tại cơ sở chính được đầu tư bài bản, đảm bảo hoàn thành theo đúng thiết kế, được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng đúng quy định, đáp ứng yêu cầu về giảng dạy, học tập và các hoạt động chuyên môn khác của nhà trường (5.2.01 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất; 5.2.02 - Biên bản bàn giao công trình, Biên bản hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 29/5/2018).

Mặt bằng tổng thể của Trường với tổng diện tích đất là 249.201,1 m² tại các cơ sở đào tạo được quy hoạch hợp lý, chia thành 3 khu vực chức năng chính theo đúng quy chuẩn xây dựng, bao gồm:

Khu học tập: Gồm các khối nhà lớp học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và nhà làm việc; phục vụ cho các hoạt động giảng dạy, học tập và điều hành chuyên môn của nhà trường.

Khu rèn luyện thể chất: Gồm nhà thi đấu đa năng, các sân thể thao, bãi tập thể dục - thể thao; đáp ứng nhu cầu rèn luyện sức khỏe và tổ chức các hoạt động phong trào cho học sinh, sinh viên.

Khu phục vụ sinh hoạt: Dành cho HSSV, bao gồm các công trình phục vụ ăn ở, sinh hoạt và các tiện ích thiết yếu khác nhằm đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần trong quá trình học tập tại trường.

Việc phân chia khu chức năng giúp đảm bảo tính khoa học, đồng bộ, phục vụ hiệu quả các hoạt động đào tạo và sinh hoạt của nhà trường.

Các cơ sở đào tạo của Trường được quy hoạch theo hướng phân khu chức năng rõ ràng, đảm bảo tính khoa học và hiệu quả trong tổ chức hoạt động đào tạo. Cụ thể, các phòng học lý thuyết và xưởng thực hành được bố trí tại các khu vực riêng biệt, có lối đi nội bộ thuận lợi kết nối giữa các khu. Các khu vực này được ngăn cách bởi hệ thống cây xanh tạo hành lang sinh thái, góp phần giảm thiểu tiếng ồn, bụi và nâng cao chất lượng môi trường học tập.

Chỉ giới xây dựng của các công trình cách đường đỏ trên 20m, tuân thủ đúng quy định về quy hoạch và an toàn giao thông. Việc bố trí mặt bằng đảm bảo sự tách biệt tương đối giữa các khu vực có đặc thù khác nhau như lý thuyết - thực hành, đồng thời phù hợp với công năng sử dụng, cảnh quan kiến trúc và tổ chức giao thông nội bộ của toàn bộ khuôn viên Trường (*5.2.03 - Bản vẽ tổng thể mặt bằng trường tại cơ sở chính; 5.2.04 - Bản vẽ mặt bằng của Trung tâm đào tạo lái xe Ô Tô - Cơ giới; 5.2.05 - Bản vẽ mặt bằng công trình khoa Công nghệ sinh học và Công nghệ môi trường*) nay là khoa Du lịch - Môi trường.

Dựa trên bản vẽ quy hoạch tổng thể mặt bằng và kết quả tính toán diện tích xây dựng tại từng cơ sở gồm các hạng mục như khu học lý thuyết, phòng làm việc, ký túc xá, nhà ăn, khu học thực hành, khu thực nghiệm và hệ thống đường nội bộ, mật độ xây dựng các công trình được xác định cụ thể như sau:

Tại cơ sở chính: Diện tích xây dựng công trình là 23.291,7 m² trên tổng diện tích đất 74.350 m², tương ứng với mật độ xây dựng là 31,3%.

Tại cơ sở 2: Diện tích xây dựng công trình là 15.561 m² trên tổng diện tích đất 44.396 m², tương ứng với mật độ xây dựng là 35%.

Tại cơ sở 3: Diện tích xây dựng công trình là 31.240 m² trên tổng diện tích đất 130.164,7 m², tương ứng với mật độ xây dựng là 24%.

Với các số liệu trên, có thể thấy khuôn viên của Trường được quy hoạch hợp lý, đảm bảo mật độ xây dựng công trình tại các cơ sở đào tạo đều nằm trong khoảng từ 24% đến 35%, thuộc giới hạn cho phép theo quy chuẩn hiện hành (20% - 40%), đồng thời phù hợp với tính chất sử dụng đất cho cơ sở GDNN. Quy hoạch tổng thể mặt bằng được triển khai khoa học, hài hòa giữa công trình xây dựng, không gian cây xanh, sân bãi và giao thông nội bộ, góp phần tạo nên môi trường học tập hiệu quả và thân thiện. Số liệu về diện tích và mật độ xây dựng các khối công trình được thể hiện chi tiết trong bảng thống kê diện tích các công trình xây dựng (5.2.06 - Bảng thống kê diện tích các khối công trình xây dựng trường tại cơ sở chính; 5.2.07 - Bản vẽ hoàn công các công trình xây dựng trường tại cơ sở chính; 5.2.08 - Hồ sơ thiết kế xây dựng các khối công trình của trung tâm ĐTLXOT - CG; 5.2.09 - Bản vẽ hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công các hạng mục của công trình khoa CNSH-CNMT (nay là khoa Du lịch - Môi trường)).

Hệ thống cây xanh và cảnh quan trong khuôn viên các cơ sở của Trường được quy hoạch hợp lý, góp phần tạo môi trường xanh, sạch, đẹp, đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập và sinh hoạt.

Căn cứ bản vẽ mặt bằng và thực tế khảo sát tại các cơ sở, diện tích cây xanh bóng mát tại các khuôn viên được tính như sau:

- Cơ sở chính: Tổng diện tích khuôn viên là 74.350 m², trong đó diện tích cây xanh đạt 23.230 m², chiếm 31,2%.
- Cơ sở 2: Diện tích khuôn viên là 44.396 m², trong đó diện tích cây xanh đạt 15.200 m², chiếm 34,2%.
- Cơ sở 3: Diện tích khuôn viên là 130.164,7 m², trong đó diện tích cây xanh đạt 50.765 m², chiếm 39%.

Với tỉ lệ cây xanh nêu trên, Trường đảm bảo đạt chuẩn quy định về diện tích cây xanh bóng mát trong khuôn viên từ 30% đến 40%, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn hiện

hành, ngoài ra ở mỗi cơ sở của Trường còn có khoảng đất dự trữ để phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng từ 20% đến 25% (5.2.10 - *Bảng thống kê diện tích cây xanh tại 03 cơ sở*).

Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý về điều kiện cơ sở vật chất liên quan đến công năng sử dụng, giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm. Thông qua các đợt khảo sát, góp ý, các nội dung như diện tích đất sử dụng, tỷ lệ cây xanh, sự phù hợp trong quy hoạch và tổ chức không gian được đánh giá cơ bản đáp ứng yêu cầu. Phản hồi từ các bên liên quan cho thấy sự hài lòng ở mức cao, đồng thời cũng chỉ ra một số đề xuất cải thiện. Trên cơ sở các ý kiến tiếp nhận được, nhà trường đã xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh, sắp xếp và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, phù hợp thực tiễn, từng bước nâng cao chất lượng môi trường dạy học và sinh hoạt (5.2.11 - *Hồ sơ khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025.*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: *Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, đảm bảo các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường hiện có ba cơ sở đào tạo, với tổng diện tích sử dụng đất là 249.201,1 m² và tổng diện tích sàn xây dựng đạt 70.673,5 m². Các khu chức năng được quy hoạch rõ ràng, hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, giảng dạy, học tập và sinh hoạt của người học và nhà giáo.

Trường có hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo. Phòng học lý thuyết, thực hành được đảm bảo tỉ lệ là 1,5m²/chỗ học lý thuyết, 4-6m²/chỗ học thực hành/18 hssv.

Theo số liệu báo cáo tuyển sinh từ năm học 2022-2023 đến 2024-2025, số lượng HSSV thực tế của Trường duy trì ổn định dưới 3.000 HSSV mỗi năm. Với quy mô đào tạo hiện tại, hệ thống cơ sở vật chất của Trường đáp ứng đầy đủ yêu cầu về số lượng và chất lượng, bao gồm: Khu hiệu bộ, phòng học lý thuyết, phòng thực hành - thí nghiệm, xưởng đào tạo nghề, thư viện, khu rèn luyện thể chất, ký túc xá và các hạng mục phụ trợ khác.

Nhà trường thường xuyên rà soát, nâng cấp và bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất nhằm đảm bảo phục vụ hiệu quả lưu lượng HSSV theo đúng quy mô, ngành nghề và trình độ đào tạo, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về an toàn, công nghệ và bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành (5.2.03 - Bản vẽ tổng thể mặt bằng trường tại cơ sở chính; 5.2.04 - Bản vẽ mặt bằng của Trung tâm ĐTLXOT-CG; 5.2.05 - Bản vẽ mặt bằng công trình khoa CNSH-CNMT (nay là khoa DL-MT); 5.2.07- Bản vẽ hoàn công các công trình xây dựng tại cơ sở chính; 5.2.08- Hồ sơ thiết kế xây dựng các khối công trình của trung tâm ĐTLXOT-CG; 5.2.09- Bản vẽ hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công các hạng mục của công trình khoa CNSH-CNMT (nay là khoa Du lịch - Môi trường; 5.1.05 - Danh mục thiết bị dụng cụ đào tạo).

Nhà trường đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan gồm người học, nhà giáo và cán bộ quản lý về mức độ đáp ứng của hệ thống cơ sở vật chất, cụ thể là các khu vực phục vụ hoạt động đào tạo và sinh hoạt theo các tiêu chuẩn hiện hành (5.3.01 - Hồ sơ khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang được xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm học 2017 - 2018 trên diện tích 7,5 hecta, với cơ sở vật chất và đầu tư trang thiết bị đầy đủ, đồng bộ. Các khối kiến trúc gồm khu nhà hiệu bộ 5 tầng và khu học 5 tầng thuận tiện cho CBNG làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý. Các phòng học lý thuyết tại tầng 4 và tầng 5 của các khu nhà 5 tầng, các phòng học rộng rãi, thoáng mát, đủ ánh sáng đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và học tập của nhà giáo và HSSV.

Mặt bằng tổng thể của Trường với tổng diện tích đất là 249.201,1 m² tại các cơ sở đào tạo được quy hoạch hợp lý, chia thành 3 khu vực chức năng chính theo đúng quy chuẩn xây dựng, bao gồm:

Khu học tập: Gồm các khối nhà lớp học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và nhà làm việc; phục vụ cho các hoạt động giảng dạy, học tập và điều hành chuyên môn của nhà trường.

Khu rèn luyện thể chất: Gồm nhà thi đấu đa năng, các sân thể thao, bãi tập thể dục - thể thao; đáp ứng nhu cầu rèn luyện sức khỏe và tổ chức các hoạt động phong trào cho học sinh, sinh viên.

Khu phục vụ sinh hoạt: Dành cho HSSV, bao gồm các công trình phục vụ ăn ở, sinh hoạt và các tiện ích thiết yếu khác nhằm đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần trong quá trình học tập tại trường.

Nhà trường đảm bảo các điều kiện học tập không gây ảnh hưởng đến sức khỏe người học như: đủ ánh sáng, thông gió, chống ồn, bố trí hợp lý các máy móc thiết bị. Các công trình trong Nhà trường đạt quy chuẩn xây dựng theo thiết kế đã được duyệt, các phòng học, nhà xưởng thực hành đều đảm bảo chiếu sáng tự nhiên trực tiếp qua các cửa sổ mở ra không gian trống bên ngoài, qui hoạch nội bộ thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt, các hành lang, lối đi được thiết kế đúng tiêu chuẩn. Hệ thống ánh sáng nhân tạo của Nhà trường, khi không có ánh sáng tự nhiên vẫn đảm bảo cho các hoạt động bình thường. Trường có hệ thống điều hòa không khí các phòng làm việc, các nhà xưởng có hệ thống thông gió. Hệ thống thông gió đảm bảo không gây ô nhiễm, đảm bảo lượng không khí sạch, qua việc khảo sát và báo cáo về cơ sở vật chất, phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa, sư phạm, vệ sinh...phục vụ đào tạo, để kịp thời khắc phục bổ sung ngày càng hoàn thiện tốt hơn đáp ứng việc giảng dạy và học tập (5.4.01 - Báo cáo số lượng, sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa).

Các khu vực thực hành đều được bố trí biển cảnh báo, thiết bị PCCC, tủ thuốc sơ cứu, nội quy an toàn, và được kiểm tra định kỳ. Hệ thống và thiết bị PCCC theo quy chuẩn phục vụ tốt cho nhu cầu đào tạo, sản xuất và các dịch vụ sinh hoạt, các khu chức năng được xây dựng tương đối độc lập với nhau để tránh tiếng ồn giữa khu vực nhà xưởng với khu làm việc và khu vực học lý thuyết, các khu được liên kết với nhau bằng đường nội bộ nhựa dầu kiên cố, mỗi khu có đầy đủ hệ thống điện trong và ngoài nhà, hệ thống cấp nước, thoát nước thải và hệ thống PCCC. Hệ thống PCCC được Công an PCCC nghiệm thu đưa vào sử dụng đảm bảo yêu cầu (5.2.03 - Bản vẽ tổng thể mặt bằng trường tại cơ sở chính; 5.4.02 - Bản vẽ hoàn công các công trình phụ trợ; 5.4.03 - Hợp đồng cung cấp điện Trường; 5.4.04 - Hợp đồng cung cấp nước Trường; 5.4.05 - Hồ sơ công tác phòng cháy, chữa cháy; 5.4.06 - Công văn về việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy công trình Trường). Nhà trường phối hợp với Công an PCCC của tỉnh tổ chức diễn tập công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ

cho CBNG, HSSV tại Trường (5.4.07 - *Thông báo tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC-CHCN*).

Nhằm phục vụ y tế học đường, nhà trường đã bố trí 01 nhân viên y tế, có trình độ chuyên môn được đào tạo qua trường lớp, có nhiều năm kinh nghiệm, có đạo đức nghề nghiệp; bố trí phòng y tế riêng biệt, gồm có 02 giường để người bệnh nằm nghỉ, có tủ thuốc sơ cứu tại chỗ và các dụng cụ phương tiện khám chữa bệnh thông thường phục vụ CBNG và HSSV. Tất cả các xưởng thực hành đều được trang bị tủ thuốc sơ cứu tại chỗ, định kỳ cấp bổ sung các vật dụng sơ cứu y tế để chăm sóc cho HSSV.

Hàng năm nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho HSSV, tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe cho HSSV và tổ chức triển khai có hiệu quả các biện pháp và chế độ vệ sinh phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm trong nhà trường (5.4.08 - *Kế hoạch về công tác y tế của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 5.4.09 - *Báo cáo về công tác y tế của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Nhà trường luôn tạo cơ hội, điều kiện tốt nhất cho người khuyết tật tham gia học tập tại trường như có lối đi riêng và ký túc xá có 3 phòng ở riêng cho người khuyết tật yên tâm lưu trú và học tập (5.2.03 - *Bản vẽ tổng thể mặt bằng trường tại cơ sở chính*).

Nhà trường luôn đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trong mọi hoạt động như: tuyển sinh, phân lớp, thực hiện chế độ chính sách, thực hành nghề nghiệp, tiếp cận thiết bị, phân công nhiệm vụ...Các ngành nghề như Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin, Quản trị khách sạn, Chế biến món ăn... có cả sinh viên nữ và nam theo học, được tạo điều kiện tham gia đầy đủ các hoạt động học tập và thực hành (5.4.10 - *Quyết định số 87/QĐ-CDKTCN ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Ban hành quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng; Quyết định số 340/QĐ-CDKTCN ngày 04 tháng 03 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Ban hành quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng; Quyết định số 1697/QĐ-CDKTCN ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Ban hành Quy định chính sách miễn, giảm học phí; chính sách nội trú đối với HSSV Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; Quyết định số 636/QĐ-CDKTCN ngày 07/05/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy định chính sách miễn, giảm tiền ở KTX*

đối với HSSV; Quyết định số 260/QĐ-CDKTCN ngày 7/3/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng HSSV trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Ngoài ra Phòng QTCL-HSSV còn phối hợp với đoàn trường trong việc thành lập và tổ chức hoạt động đội thanh niên xung kích, đội thanh niên tự quản, đội cờ đỏ nhằm kiểm tra, chấn chỉnh tác phong, nề nếp và tuyên truyền về ANTT cho HSSV khi vào trường học tập, giúp các em HSSV an tâm học tập, xây dựng môi trường an toàn trong khuôn viên trường học, góp phần đảm bảo ANTT, an toàn trong toàn trường (5.4.11 - Các Quyết định của Ban thường vụ Đoàn thanh niên về việc thành lập đội tự quản, An ninh trật tự tại trường năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Thành lập Đội tự quản về an ninh trật tự Ký túc xá trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Nha Trang năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 5.4.12 - Kế hoạch số 1367/KH-CDKTCN ngày 01/7/2024 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang triển khai thực hiện tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong phòng chống bạo lực học đường, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên; Kế hoạch số 783/KH-CDKT ngày 22/4/2024 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông cho học sinh, sinh viên; 1.2.15 - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025-2026 của trường).

Nhà trường đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về các điều kiện cơ sở phục vụ cho người học nhằm thu thập ý kiến phản hồi tạo điều kiện tốt nhất cho người học(5.4.13 - Hồ sơ khảo sát người học (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Thiết bị dụng cụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo là một trong những điều kiện thiết yếu nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản

trị nhà trường. Do đó, Nhà trường thường xuyên rà soát, bổ sung, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ và yêu cầu thực tiễn của sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Việc đầu tư được thực hiện có kế hoạch, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động dạy - học, nghiên cứu và quản lý (5.5.01 - Dự án đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN thuộc chương trình mục tiêu GDNN - việc làm và an toàn lao động; 5.5.02 - Dự án trang thiết bị từ nguồn vốn ODA của chính phủ Cộng hòa liên bang Đức; 5.5.03 - Dự án Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang thuộc chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội).

Hiện nay, Nhà trường đã được đầu tư trang bị các chủng loại thiết bị đào tạo phù hợp với hầu hết các ngành, nghề đang đào tạo. Tỷ lệ chủng loại thiết bị đạt trên 90% so với danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ LĐTB&XH quy định. Bên cạnh đó, hàng năm, Nhà trường thực hiện liên kết với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa để tổ chức cho HSSV thực tập tại doanh nghiệp, giúp tiếp cận và làm quen với các thiết bị mà Nhà trường chưa có điều kiện trang bị. Nhờ đó, việc kết hợp giữa trang thiết bị hiện có tại trường với cơ sở thực tập tại doanh nghiệp đã góp phần bảo đảm hiệu quả trong công tác đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp và cao đẳng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động (5.1.05 - Danh mục thiết bị đào tạo; 5.5.04 - Biên bản kiểm kê tài sản của các đơn vị năm 2023, 2024, 2025; 5.5.05 - Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của Trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ LĐTB-XH ban hành; 5.5.06 - Bảng thống kê số lượng thiết bị dạy nghề theo quy định trong chương trình dạy nghề; 5.5.07 - Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của Trường với danh mục thiết bị đào tạo theo quy định trong chương trình dạy nghề).

Các thiết bị chính phục vụ hoạt động thực hành, thực tập đều được trang bị đầy đủ hướng dẫn sử dụng và bố trí đảm bảo về số lượng theo quy định hiện hành. Đối với các lớp học thực hành thông thường, Nhà trường đảm bảo bố trí thiết bị phù hợp cho tối thiểu 18 HSSV/lớp. Đối với các ngành, nghề có tính chất lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, số lượng HSSV trong mỗi lớp thực hành được giới hạn không quá 10 HSSV/lớp nhằm đảm bảo an toàn và chất lượng đào tạo (2.4.01 - Danh sách các khóa, lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 5.5.08 - Thời khóa biểu năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2024 - 2025; 5.5.09 - Bảng thống kê phòng học, phòng chuyên môn, nhà xưởng).

Nhà trường bố trí thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo theo hướng hợp lý, an toàn và thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng, và tổ chức hướng dẫn thực hành. Việc bố trí đáp ứng yêu cầu sư phạm, vệ sinh công nghiệp và bảo vệ môi trường.

Cụ thể, thiết bị trong các xưởng thực hành được bố trí theo từng ngành nghề, mỗi ngành có khu xưởng riêng biệt, như: Ngành Cơ khí: có khu vực riêng bố trí máy móc thiết bị công kênh như máy CNC, máy tiện, phay, bào vạn năng; Ngành ô tô: có khu thực hành máy móc thiết bị ô tô riêng biệt; Ngành Điện, Điện tử, Du lịch: có xưởng riêng, bố trí cách biệt nhằm đảm bảo an toàn và chuyên môn hóa. (5.5.10 - Sơ đồ bố trí trang thiết bị dụng cụ trong từng xưởng thực hành; 5.5.11 - Nhật ký theo dõi hoạt động của xưởng thực hành năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 ; 5.5.12 - Bộ ảnh trong các xưởng thực hành).

Nhà trường đã bố trí và xây dựng các khu vực thực hành riêng biệt cho từng ngành nghề đào tạo, đảm bảo sự chuyên môn hóa và kiểm soát tốt về chất lượng thiết bị cũng như điều kiện môi trường học tập. Cụ thể: Phòng CNC, phòng Công nghệ thông tin - ứng dụng phần mềm, Phòng thực hành Công nghệ Ô tô, Điện công nghiệp, Cơ điện tử, Khí nén, Tự động hóa, Phòng máy điện (5.5.13 - Mặt bằng lắp đặt thiết bị các xưởng thực hành).

Để quản lý, kiểm tra, bảo dưỡng..., nhà trường ban hành văn bản quy định cụ thể về quản lý, sử dụng, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị đào tạo. Quy định này nhằm đảm bảo thiết bị được sử dụng đúng mục đích, an toàn, hiệu quả và có kế hoạch duy tu, sửa chữa kịp thời để phục vụ tốt hoạt động giảng dạy và học tập. Việc thực hiện quy định được phân công rõ trách nhiệm cho các đơn vị quản lý, sử dụng thiết bị và được theo dõi thông qua các biểu mẫu, hồ sơ bảo trì - bảo dưỡng định kỳ. Nhà trường có văn bản quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo (5.1.01 - Quyết định số 2366/QĐ-CDKTCN ngày 14/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; 5.1.02 - Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị-Mã hóa QT.28 được ban hành theo quyết định số 583/QĐ-CDKTCN ngày 27 tháng 4 năm 2018; 5.1.03 - Quy trình sửa chữa máy móc thiết bị-Mã hóa QT.31 được ban hành theo quyết định số 1132/QĐ-CDKTCN ngày 30 tháng 7 năm 2018; 5.1.04 - Quyết định số 1930/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Các phòng thực hành của Nhà trường được kiểm tra, đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo. Nội dung kiểm tra bao gồm: bố trí mặt bằng hợp lý, lắp đặt thiết bị đúng kỹ thuật, hệ thống điện – chiếu sáng đảm

bảo an toàn, đầy đủ biển báo an toàn lao động, hệ thống thông gió phù hợp, điều kiện vệ sinh công nghiệp và bảo vệ môi trường. Việc kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch và có biên bản ghi nhận để làm cơ sở khắc phục, cải tiến điều kiện dạy và học (5.1.06 - Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị (lý lịch máy, hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị)).

Việc lắp đặt thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành được thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị. Thiết bị được sắp xếp khoa học, đáp ứng các yêu cầu về an toàn lao động và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng trong giảng dạy. Công tác quản lý thiết bị được phân công cụ thể cho các Khoa, Bộ môn phụ trách trực tiếp, nhằm đảm bảo việc khai thác, sử dụng thiết bị đúng mục đích, hiệu quả và có trách nhiệm (5.5.14 - Báo cáo đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ).

Nhà trường định kỳ tổ chức thu thập ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý về mức độ đáp ứng của thiết bị đào tạo so với danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu chương trình đào tạo của từng ngành/ngành và trình độ đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường. Kết quả khảo sát cho thấy việc bố trí thiết bị được đánh giá là hợp lý, thuận tiện cho tổ chức hướng dẫn thực hành theo hình thức lớp, nhóm và cá nhân; các trang thiết bị được lắp đặt tại các phòng thực hành và xưởng đào tạo của Nhà trường đều đảm bảo tính thẩm mỹ công nghiệp, an toàn trong vận hành và phù hợp với môi trường sư phạm (5.5.15 - Hồ sơ khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, người học (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường ban hành quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư và định mức tiêu hao vật tư đối với từng ngành, nghề đào tạo. Quy định này được tổ chức thực hiện theo phân cấp rõ ràng: phòng ĐT- CSVC phối hợp với phòng TC - TC thực hiện công tác mua sắm vật tư, thiết bị; sau khi hoàn tất nghiệm thu, vật tư và thiết bị được bàn giao cho các

Khoa, Bộ môn để tổ chức quản lý, cấp phát cho HSSV sử dụng trong quá trình học tập. Toàn bộ quá trình cấp phát, sử dụng vật tư đều được theo dõi, ghi chép đầy đủ và lưu trữ trong hồ sơ quản lý theo quy định, nhằm đảm bảo tính minh bạch, kiểm soát và phục vụ tốt công tác đào tạo (5.6.01 - *Quyết định số 1932/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành Quy định quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*), tất cả vật tư, thiết bị sau khi mua sắm đều được thực hiện đầy đủ thủ tục nhập kho theo quy định, có phiếu nhập kho và được cập nhật vào thẻ kho để theo dõi số lượng tồn, xuất - nhập. Việc cấp phát vật tư, thiết bị cho các đơn vị sử dụng được thực hiện thông qua phiếu xuất kho theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Quy trình quản lý nhập - xuất vật tư được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và phòng ngừa thất thoát tài sản của đơn vị (5.6.02 - *Quyết định số 1809/QĐ-CDKTCN ngày 13/11/2019 Ban hành Quy định về xuất nhập kho vật tư, dụng cụ trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*; 5.6.03 - *Bảng dự trù danh mục vật đề nghị cấp phát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 5.6.04 - *Phiếu nhập, xuất kho năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 5.6.05 - *Thẻ kho năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 5.6.06- *Danh sách cán bộ chịu trách nhiệm quản lý, cấp phát, thu nhận vật tư, thiết bị toàn Trường*).

Căn cứ vào tình hình thực tế và nhu cầu sử dụng, các đơn vị chuyên môn lập dự trù vật tư, thiết bị đào tạo cho từng học kỳ, phù hợp với kế hoạch giảng dạy và tiến độ đào tạo được xây dựng theo năm học, học kỳ và thời khóa biểu do phòng ĐT-CSVC cung cấp. Trên cơ sở đó, phòng ĐT - CSVC phối hợp với phòng TC - TC thực hiện việc mua sắm vật tư theo từng đợt, nhập kho và tổ chức cấp phát cho các đơn vị sử dụng. Nhà trường luôn duy trì một lượng vật tư dự trữ tại kho nhằm đảm bảo kịp thời phục vụ hoạt động đào tạo theo kế hoạch (5.6.07 - *Báo cáo vật tư tồn kho năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 5.6.08 - *Bảng dự trù vật tư của các đơn vị năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025* ; 5.6.09 - *Quy trình mua sắm tài sản*; 5.6.10 - *Hợp đồng kinh tế mua bán vật tư, thiết bị, Biên bản bàn giao nghiệm thu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*). Nhà trường có quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo (5.6.11 - *Quyết định số 1931/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*).

Hệ thống kho bảo quản trang thiết bị, vật tư và hàng hóa được bố trí hợp lý trong khuôn viên Nhà trường, đảm bảo các điều kiện bảo vệ và bảo quản theo yêu cầu. Các kho

đều được trang bị đầy đủ các điều kiện cần thiết như: mái che, tường rào ngăn cách, hệ thống khóa an toàn, chiếu sáng, thông gió, thiết bị chống ẩm, chống mốc. Tại mỗi cơ sở, kho đều được giao cho các Khoa, Phòng, Bộ môn trực tiếp quản lý và phối hợp với lực lượng bảo vệ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tài sản. Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy được trang bị theo quy định, các vật tư, thiết bị trong kho được sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện cho việc bảo quản và kiểm kê. Hiện trạng và sơ đồ bố trí hệ thống kho được thể hiện rõ trong bản vẽ mặt bằng và hồ sơ nhà xưởng của Nhà trường (5.6.12 - *Bản vẽ sơ đồ kho tại các xưởng thực hành*; 5.6.13 - *Báo cáo tình trạng hoạt động các kho của các đơn vị (mái che, rào ngăn cách, khóa, chiếu sáng, thông gió, chống mốc, ẩm) năm 2023, 2024, 2025*; 5.6.14 - *Sơ đồ kho của Trường*).

Hàng năm, các Trưởng Bộ môn có trách nhiệm báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và cấp phát vật tư của đơn vị mình. Nhà trường tổ chức kiểm kê vật tư định kỳ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Sau kiểm kê, vật tư được phân loại rõ ràng thành các nhóm: vật tư chưa sử dụng, vật tư đã sử dụng và vật tư có khả năng tái sử dụng. Việc phân loại này giúp nâng cao hiệu quả quản lý, tránh lãng phí và hỗ trợ xây dựng kế hoạch mua sắm, cấp phát vật tư phù hợp với nhu cầu thực tế (5.6.15 - *Báo cáo việc quản lý cấp phát vật tư của đơn vị năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 5.6.16 - *Quyết định thành lập hội đồng kiểm kê, Biên bản kiểm kê vật tư của các Bộ môn và danh mục vật tư thanh lý năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Nhà trường tổ chức thu thập ý kiến của nhà giáo, người học về quản lý, cấp phát vật tư của Trường nhằm thu thập ý kiến phản hồi và kịp thời điều chỉnh bổ sung về quá trình quản lý, cấp phát vật tư phục vụ học tập (5.2.17 - *Hồ sơ khảo sát nhà giáo, người học (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: *Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện Trường được bố trí rộng rãi bao gồm phòng đọc điện tử, phòng đọc của CBNG, người học, kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.

Thư viện tổ chức và hoạt động theo quy định của Nhà trường và quy định hoạt động thư viện, trong đó quy định rõ việc sử dụng, mượn, trả sách, thời gian mở, đóng cửa của thư viện. Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện Trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của CBVC – NLĐ và HSSV. Thư viện Trường tổ chức và hoạt động theo quy định của Nhà trường và quy định hoạt động thư viện (5.7.01 - Sơ đồ thiết kế thư viện; 5.7.02 - Quyết định số 2008/QĐ-CDKTCN ngày 23/9/2024 của Hiệu trưởng về ban hành quy định hoạt động của thư viện; 5.7.03 - Bảng thống kê diện tích phòng đọc điện tử, phòng đọc cán bộ, người học, kho sách).

Thư viện Trường trang bị đầy đủ hệ thống máy tính để HSSV truy cập phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu. Trang bị hệ thống mạng Internet, mạng LAN và hệ thống Wifi miễn phí bảo đảm các thiết bị hoạt động trong điều kiện tốt nhất phục vụ thuận lợi cho nhu cầu tra cứu của CBNG và HSSV toàn Trường (5.7.04 - Danh mục thiết bị, máy tính tại thư viện).

Nhà trường có 01 phòng máy chủ (Phòng MDF) với 01 máy chủ có cài đặt phần mềm thư viện điện tử với cơ sở dữ liệu thư viện được lưu trên hệ thống máy chủ, được tích hợp trên trang Website của Nhà trường, gồm danh mục tài liệu điện tử, giáo trình của Trường được số hóa qua đường link http://tns.cdktcnnt.edu.vn:8000/product_cat.php?id=1 (5.7.05 - Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử).

Hàng năm nhà trường đều thực hiện báo cáo kết quả hoạt động thư viện nhằm đánh giá tổng kết công tác phục vụ bạn đọc, các nhiệm vụ hoạt động thư viện đạt được trong năm, trên cơ sở đó đặt ra phương hướng nhiệm vụ năm học mới (5.7.06 - Báo cáo hoạt động của thư viện năm 2023, 2024, 2025).

Thư viện được bố trí 01 nhân viên có trình độ đại học làm công tác thư viện, thực hiện việc mở và đóng cửa thư viện theo lịch làm việc hành chính của Nhà trường, có trách nhiệm quản lý và tổ chức hoạt động thư viện (5.7.07 - Hồ sơ nhân viên thư viện).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: *Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, có phòng máy tính được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của CBVC - NLĐ và HSSV; các giáo trình, tài liệu tham khảo của Trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Cụ thể:

Nhà trường trang bị thư viện điện tử, có đầy đủ hệ thống máy tính để HSSV truy cập phục vụ nhu cầu học tập (5.7.04 - *Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện*; 5.8.01 - *Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu*).

Các giáo trình, tài liệu tham khảo của Trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ cho CBVC - NLĐ và HSSV nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả cho hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu (5.8.02 - *Danh mục giáo trình được số hóa*; 5.8.03 - *Danh mục tài liệu tham khảo được số hóa*).

Nhà trường còn liên kết hợp tác trao đổi thông tin và được quyền sử dụng thư viện điện tử với Trường Đại học Nha Trang. Vì vậy CBVC - NLĐ và HSSV Trường được truy cập vào thư viện điện tử của Trường Đại học Nha Trang thông qua tài khoản Trường Đại học Nha Trang cấp cho thành viên đăng ký, bạn đọc được xem và tải tài liệu trên thư viện điện tử của Trường Đại học Nha Trang (5.8.04 - *Bản ghi nhớ về việc hợp tác công tác thư viện giữa Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang và Trường Đại học Nha Trang*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo và người học về việc Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và HSSV; các giáo trình, tài liệu tham khảo của Trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy thư viện Trường có điều kiện tốt nhất phục vụ cho nhu cầu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Đồng thời nhà trường thực hiện báo cáo kết quả hoạt động thư viện hàng năm để đánh giá kết quả đạt được và phương hướng nhiệm vụ năm tiếp theo (5.8.05 - *Hồ sơ khảo sát nhà giáo, người học (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025*; 5.7.06 - *Báo cáo hoạt động của thư viện năm 2023, 2024, 2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 2 điểm

3.2.6. TIÊU CHÍ 6: *Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.*

Bao gồm 4 tiêu chuẩn.

Đánh giá tổng quát Tiêu chí 6:

Mở đầu:

Trong những năm qua, hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế luôn được Nhà trường quan tâm đầu tư phát triển với sự tham gia tích cực của CBNG trong Trường và đạt được kết quả khả quan, đáp ứng được những yêu cầu mới trong quá trình quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường thêm trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề nghiệp. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong Nhà trường góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu và giảng dạy của đội ngũ CBNG, đồng thời là một trong những tiêu chuẩn cần đạt được trong kiểm định chất lượng đối với các cơ sở GDNN, qua đó góp phần khẳng định được uy tín, vai trò của Nhà trường đối với xã hội.

Công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế của Nhà trường luôn được chú trọng, tạo mọi điều kiện và có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho CBQL, nhà giáo hàng năm tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện sáng kiến, thiết kế chế tạo mô hình học cụ, thiết bị đào tạo tự làm phục vụ giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Những điểm mạnh:

Lãnh đạo Trường quan tâm đến hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Trường đã có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho CBQL, nhà giáo tham gia NCKH, thực hiện sáng kiến và chuyển giao công nghệ.

CBNG của Trường có trình độ cao, có khả năng nghiên cứu, quan tâm các hoạt động khoa học công nghệ. Kết quả nghiên cứu khoa học đáp ứng được những nhu cầu thiết thực ứng dụng trong công tác quản lý, công tác dạy và học nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng GDNN.

Trường nhận được sự đầu tư từ các hoạt động hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo nghề ngày càng được tăng cường bổ sung; đội ngũ nhà giáo được cử đi học tập, chuyển giao công nghệ, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước ngày càng nhiều. Do đó, quy mô và năng lực đào tạo của Nhà trường ngày càng được mở rộng và nâng cao.

Những tồn tại:

Hoạt động hợp tác quốc tế được tăng cường nhưng còn hạn chế.

Các công trình nghiên cứu khoa học chủ yếu ứng dụng trong phạm vi của Trường.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Tăng cường hợp tác, phối hợp với Doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu khoa học hướng đến các sản phẩm có tính ứng dụng trong sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục tăng cường hoạt động hợp tác doanh nghiệp, hợp tác quốc tế để nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, CBQL và phát triển nguồn lực về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Nhà trường.

Khuyến khích tăng cường và mở rộng phạm vi hoạt động nghiên cứu khoa học.

Điểm đánh giá tiêu chí 6:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<i>Tiêu chí 6</i>	<i>8 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1	2 điểm
Tiêu chuẩn 2	2 điểm
Tiêu chuẩn 3	2 điểm
Tiêu chuẩn 4	2 điểm

Tiêu chuẩn 6.1: Trường ban hành quy định và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong các năm qua, Nhà trường thực hiện đầy đủ các chính sách khuyến khích CBQL, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến, chuyển giao công nghệ nhằm góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng (6.1.01 - Quyết định số 1870/QĐ-CDKTCN ngày 24/10/2023 của Hiệu trưởng Trường CDKTCN Nha Trang về việc Quy định hướng dẫn thực hiện sáng kiến; đánh giá và công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 6.1.02 - Quyết định số 1197/QĐ-CDKTCN ngày 04/8/2022 của Hiệu trưởng Trường CDKTCN Nha Trang Quy định về định mức chi và chế độ hỗ trợ kinh phí cho sáng cấp Trường; 1.2.09 - Quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, 2024, 2025).

Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ hỗ trợ, tạo điều kiện về mọi mặt để CBQL, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến và chuyển giao công nghệ, cụ thể:

Đối với CBQL, nhà giáo, viên chức:

Năm 2023 có 16 Sáng kiến được phê duyệt và công bố ứng dụng, 03 bài báo đăng tạp chí, 01 sản phẩm dự thi Hội thi Sáng tạo khoa học kỹ thuật tỉnh Khánh Hòa lần thứ XI

Năm 2024 có 14 Sáng kiến được phê duyệt và công bố ứng dụng, 13 bài báo đăng tạp chí, 03 sản phẩm dự thi Hội thi Sáng tạo Khoa học kỹ thuật tỉnh Khánh Hòa lần thứ XI.

Năm 2025 có 23 Sáng kiến được phê duyệt và công bố ứng dụng, có 11 bài báo đăng tạp chí.

Đối với HSSV:

Năm 2023, có 05 ý tưởng/dự án tham gia Cuộc thi khởi nghiệp tại trường và chọn được 05 ý tưởng/dự án tham gia tham gia Cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp học sinh, sinh viên GDNN”- Startup Kite 2023 do Tổng cục GDNN tổ chức.

Năm 2024, có 04 ý tưởng/dự án tham gia tham gia Cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN” năm 2024 - Startup Kite 2024 do Tổng cục GDNN tổ chức.

Năm 2025, có 04 ý tưởng/dự án tham gia tham gia Cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN” năm 2025 trong đó có 01 dự án đạt giải tư cuộc thi KHKT cấp tỉnh.

CBVC - NLĐ và HSSV tham gia nghiên cứu khoa học được nhà trường công nhận chiến sĩ thi đua, được khen thưởng và các chế độ hỗ trợ (6.1.03 - Các quyết định phê duyệt và công bố ứng dụng sáng kiến năm học 2022-2023; 6.1.04 - Các quyết định phê duyệt và công bố ứng dụng sáng kiến năm học 2023-2024; 6.1.05 - Các quyết định phê duyệt và công bố ứng dụng sáng kiến năm học 2024 - 2025; 6.1.06 - Các Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng năm 2023; 6.1.07 - Các Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng năm 2024; 6.1.08 - Các Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng năm 2025; 6.1.09 - Danh sách chi tiền cho CBVC năm 2023; 6.1.10 - Danh sách chi tiền cho CBVC năm 2024; 6.1.11 - Danh sách chi tiền cho CBVC năm 2025).

Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện về mọi mặt để các đơn vị, cá nhân đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong công tác quản lý, giảng dạy, nâng cao chất lượng GDNN và ứng dụng vào thực tiễn; khuyến khích CBNG viết bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đăng trên các báo, tạp chí, ấn phẩm khoa học quốc tế, trung ương và địa phương. Đồng thời CBNG được nhà trường quan tâm tạo điều kiện để tham dự các lớp tập huấn, học tập chuyên giao công nghệ, học tập nâng cao trình độ, và được đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định hiện

hành (6.1.12 - Các Công văn cử/mời tham dự tập huấn, học tập chuyển giao công nghệ, học tập nâng cao trình độ năm 2023; 6.1.13 - Các Công văn cử/mời tham dự tập huấn, học tập chuyển giao công nghệ, học tập nâng cao trình độ năm 2024; 6.1.14 - Các Công văn cử/mời tham dự tập huấn, học tập chuyển giao công nghệ, học tập nâng cao trình độ năm 2025).

Nhằm thu thập ý kiến về chính sách và thực hiện chính sách khuyến khích CBVC-NLD và HSSV tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến và chuyển giao công nghệ, Nhà trường đã thực hiện khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi và qua khảo sát cho thấy CBQL, viên chức, nhà giáo, người lao động và người học đều hài lòng với các chế độ chính sách của trường đang thực hiện (6.1.15 - Hồ sơ khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 6.2: Hàng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo củ trường và phục vụ cộng đồng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến từ cấp Trường trở lên được ứng dụng, phục vụ thiết thực công tác đào tạo của Trường. Căn cứ đăng ký thực hiện đề tài, sáng kiến của CBVC, Nhà trường thành lập Hội đồng xét duyệt, tổ chức xét duyệt và trình Hiệu trưởng phê duyệt sáng kiến thực hiện (6.2.01 - Danh sách Hồ sơ thuyết minh đề tài, sáng kiến đăng ký năm học 2022-2023; 6.2.02 - Danh sách Hồ sơ thuyết minh đề tài, sáng kiến đăng ký năm học 2023-2024; 6.2.03 - Danh sách Hồ sơ thuyết minh đề tài, sáng kiến đăng ký năm học 2024-2025; 6.2.04 - Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt sáng kiến năm học 2022-2023; 6.2.05 - Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt sáng kiến năm học 2023-2024; 6.2.06 - Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt sáng kiến năm học 2024-2025; 6.2.07 - Quyết định phê duyệt cho phép thực hiện sáng kiến năm học 2022-2023; 6.2.08 - Quyết định phê duyệt cho phép thực hiện sáng kiến năm học 2023-2024; 6.2.09 - Quyết định phê duyệt cho phép thực hiện sáng kiến năm học 2024-2025).

Các đề tài, sáng kiến cấp Trường được tổ chức xét công nhận, trên cơ sở đó phòng QTCL-HSSV tham mưu Hiệu trưởng phê duyệt và công bố triển khai ứng dụng các sáng kiến năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 (6.1.03 - *Các Quyết định của Hiệu trưởng phê duyệt và công bố ứng dụng kết quả đề tài, sáng kiến năm học 2022-2023*; 6.1.04 - *Các Quyết định của Hiệu trưởng phê duyệt và công bố ứng dụng kết quả đề tài, sáng kiến năm học 2023-2024*; 6.1.05 - *Các Quyết định của Hiệu trưởng phê duyệt và công bố ứng dụng kết quả đề tài, sáng kiến năm học 2024-2025*).

Kết quả đề tài, sáng kiến cấp Trường đã được đưa vào sử dụng có hiệu quả trong công tác quản lý, đào tạo, góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo của Nhà trường (6.2.10 - *Báo cáo ứng dụng kết quả đề tài, sáng kiến năm học 2022-2023*; 6.2.14 - *Báo cáo ứng dụng kết quả đề tài, sáng kiến năm học 2023-2024*; 6.2.15 - *Báo cáo ứng dụng kết quả đề tài, sáng kiến năm học 2024-2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 6.3: *Hàng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường thường xuyên được chú trọng, tạo mọi điều kiện và có chính sách khuyến khích, hỗ trợ CBVC-NLĐ hàng năm tham gia nghiên cứu khoa học, thiết kế mô hình học cụ, thiết bị đào tạo tự làm, viết báo đăng trên các tạp chí khoa học thuộc nhiều lĩnh vực ngành nghề theo xu hướng phát triển của xã hội, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn xã hội và địa phương. Năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, Nhà trường có các bài báo đăng trên các tạp chí có uy tín có nội dung liên quan đến hoạt động của Nhà trường (6.3.01 - *Bản thống kê các bài báo đăng tạp chí năm 2023*; 6.3.02 - *Bản thống kê các bài báo đăng tạp chí năm 2023 - 2024*; 6.3.03 - *Bản thống kê các bài báo đăng tạp chí năm 2023 - 2025*; 6.3.04 - *Các bài báo đăng tạp chí năm 2023*; 6.3. 05- *Các bài báo đăng tạp chí năm 2024*; 6.3.06 - *Các bài báo đăng tạp chí năm 2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 6.4: *Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Được sự quan tâm của các cấp, nhiều năm qua Nhà trường đã và đang nỗ lực thực hiện hợp tác quốc tế và thường xuyên được tham gia các dự án nghiên cứu do Tổng cục GDNN và các tổ chức quốc tế triển khai. Trường tiếp tục nhận được sự đầu tư từ các hoạt động hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo nghề ngày càng được tăng cường bổ sung; đội ngũ nhà giáo được cử đi học tập, chuyển giao công nghệ, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước ngày càng nhiều. Do đó, quy mô và năng lực đào tạo của Nhà trường ngày càng được mở rộng và nâng cao.

Trong thời gian qua, nhà trường duy trì mối quan hệ hợp tác với Tổ chức hợp tác phát triển Đức (GIZ) thực hiện các hoạt động nhằm tăng cường và nâng cao chất lượng đào tạo của trường, thực hiện quản lý các thiết bị, nhà xưởng, đào tạo ban đầu định hướng nhu cầu và theo tiêu chuẩn Đức. Trong năm 2025 nhà trường phối hợp GIZ tổ chức “Chuyến xe hướng nghiệp” nhân dịp kỷ niệm 50 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Đức (6.4.01 - Các Hội thảo, hội nghị tập huấn do tổ chức GIZ tổ chức năm 2023, 2024, 2025; 6.4.02 - Các công văn, quyết định cử CBNG tham gia hội nghị, hội thảo do tổ chức GIZ tổ chức năm 2023, 2024, 2025; 6.4.03 - Kế hoạch số 941/KH-CDKTCN ngày 15/5/2025 về việc tổ chức sự kiện “ Chuyến xe hướng nghiệp” kỷ niệm 50 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Đức tại tỉnh Khánh Hòa).

Nhà trường đã và đang tiếp tục hợp tác với Tập đoàn Daikin (Công ty đại diện tại Việt Nam) trong hợp tác đào tạo nâng cao tay nghề cho nhà giáo góp phần nâng cao năng lực của đội ngũ nhà giáo, nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín Nhà trường (6.4.04 - Công văn, quyết định cử CBNG tham gia tập huấn bồi dưỡng năm 2023, 2024, 2025).

Kết quả các hoạt động hợp tác đã giúp Nhà trường được trang bị các phương tiện và thiết bị đào tạo tiên tiến, các xưởng thực hành và CBVC, nhà giáo được cử đi đào tạo, tập huấn, chuyển giao công nghệ trong và ngoài nước, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, CBQL phát triển nguồn lực về tài chính, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho Nhà trường, góp phần ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu thực tiễn xã hội (6.4.05 - Báo cáo kết quả hoạt động hợp tác năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 2 điểm.

3.2.7. TIÊU CHÍ 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Bao gồm 5 tiêu chuẩn

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, CTĐT; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của Trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại Trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của Trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường.

Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. Hàng năm, Trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Những điểm mạnh:

Nhà trường cung cấp đầy đủ cho người học nghề thông tin về CTĐT, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của năm học cũng như khoá học.

Người học được phổ biến đầy đủ về Điều lệ, quy chế đào tạo, quy chế thi và kiểm tra, đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp.

Người học được phổ biến đầy đủ các nội quy, quy định của Trường. Đồng thời người học được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

Người học được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của Trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường. Được tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Những tồn tại:

Sự phối hợp giữa Nhà trường, Doanh nghiệp, gia đình và người học trong định hướng tư vấn nghề nghiệp và việc làm cần đẩy mạnh và phát huy hơn nữa.

Tăng cường thực hiện các giải pháp hơn nữa trong công tác quản lý HSSV để hạn chế HSSV nghỉ học.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Tiếp tục đa dạng các hình thức thông tin của Trường, của Khoa đến HSSV.

Tiếp tục tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa; các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ cho HSSV.

Tăng cường công tác quản lý HSSV để hạn chế tình trạng HSSV nghỉ học giữa chừng.

Đẩy mạnh và phát huy hiệu quả mối quan hệ hợp tác, phối hợp giữa Nhà trường, Doanh nghiệp, gia đình và người học trong định hướng tư vấn nghề nghiệp và việc làm.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<i>Tiêu chí 7</i>	<i>10 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1	2 điểm
Tiêu chuẩn 2	2 điểm
Tiêu chuẩn 3	2 điểm
Tiêu chuẩn 4	2 điểm
Tiêu chuẩn 5	2 điểm

Tiêu chuẩn 7.1: *Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, CTĐT; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của Trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. Nhà trường và Trung tâm trực thuộc rất quan tâm và chủ động trong công tác tuyển sinh, có kế hoạch và chương trình hành động cụ thể, thành lập đoàn công tác tuyển sinh đến các Doanh nghiệp, các địa phương, phường, xã, các Trường THPT, THCS; đăng tin trên các báo Tuổi trẻ, báo Khánh Hòa, truyền hình, trang Web, tờ rơi, áp phích và thông qua HSSV đang theo học tại Trường giới thiệu về Trường; khi học sinh tham gia đăng ký xét tuyển tại Trường có bộ phận thư ký tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh để cung cấp thông tin cho người học về

mục tiêu, CTĐT, tiêu chuẩn cơ bản của người học nghề, các ngành nghề đào tạo, các hệ đào tạo và hình thức đào tạo đến mọi đối tượng có nhu cầu học nghề. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức cho các Trường THCS, Trường THPT tới tham quan hướng nghiệp cho các em học sinh (2.1.03 - *Kế hoạch tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2023, 2024, 2025*; 7.1.01 - *Thông báo về việc tuyển sinh bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm GDNN cho nhà giáo dạy Trình độ Cao đẳng, trung cấp, trình độ Sơ cấp, liên thông trình độ Sơ cấp lên Cao đẳng, Trung cấp năm 2024*; 7.1.02 - *Thông tin tuyển sinh bằng tờ rơi năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; *Các kế hoạch tham quan các Trường THCS, THPT năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025* ; 2.3.04 - *Danh sách Các Quyết định ban hành CTĐT của Trường*; 2.3.03- *Kế hoạch đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Các thông tin về ngành, nghề, CTĐT và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được nhà trường cụ thể hóa bằng các văn bản một cách đầy đủ và công khai. Căn cứ theo Thông tư số 04/2022/ TT-BLĐTBXH ngày 27/9/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH về việc Quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Thông tư 17/2017/TT-LĐTBX ngày 30/6/2017 ban hành Quy chế công tác HSSV trong Trường trung cấp, Trường cao đẳng. HSSV khi nhập học tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang được Trường cung cấp thông tin về CTĐT, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của khoá học thông qua Website của Trường.

Trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, người học được phổ biến đầy đủ về quy chế đào tạo, CTĐT, quy mô đào tạo, quy chế thi và kiểm tra đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp; chế độ chính sách; nội quy quy chế của Nhà trường, quy chế công tác HSS; nội dung hoạt động phong trào đoàn TNCSHCM; kiến thức pháp luật phòng chống bạo lực học đường, tệ nạn ma túy như luật an toàn giao thông..... Các nội quy, quy chế này người học được hướng dẫn cách đăng nhập website và luôn được cập nhật thông qua các giờ sinh hoạt lớp hàng tuần, các giờ chào cờ Khoa (7.1.03 - *Trang website của Trường, Cổng thông tin HSSV*; 7.1.04 - *Kế hoạch về việc tổ chức học tập chính trị đầu khóa hệ Trung cấp, Cao đẳng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 7.1.05 - *Quyết định số 1479/QĐ-CDKTCN ngày 27/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang về việc Ban hành Quy chế đào tạo, thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Quyết định*

số 299/QĐ-CĐKTCN ngày 19/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang về việc Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quy chế đào tạo, thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Quyết định số 1284/QĐ-CĐKTCN ngày 07/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang về việc Ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun, thi tốt nghiệp, chấm khóa luận tốt nghiệp; Quyết định số 628/QĐ-CĐKTCN ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang về việc Ban hành Quy chế đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn; Quyết định số 2253/QĐ-CĐKTCN ngày 28/10/2024 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn; 7.1.06 - Quyết định số 12/QĐ-CĐKTCN ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế Quy chế Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo GDNN; Quyết định số 13/QĐ-CĐKTCN ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế Quy chế Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; Quyết định số 14/QĐ-CĐKTCN ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế Quy chế Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo dạy trình độ sơ cấp; 7.1.07 - Quyết định số 2166/QĐ-CĐKTCN ngày 15/10/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định Công tác nhà giáo chủ nhiệm của Trường CĐKTCN Nha Trang; 7.1.08 - Quyết định số 1697/QĐ-CĐKTCN ngày 28/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Ban hành Quy định chính sách miễn, giảm học phí; chính sách nội trú đối với HSSV Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 7.1.09 - Quyết định số 636/QĐ-CĐKTCN ngày 07/05/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định chính sách miễn, giảm tiền ở KTX đối với HSSV; 7.1.10 - Quyết định số 260/QĐ-CĐKTCN ngày 7/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng HSSV Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Nhà trường tổ chức khảo sát nhằm thu thập ý kiến của người học, nhà giáo về việc người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, CTĐT; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của Trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định (7.1.11 - Hồ sơ

khảo sát năm (Kế hoạch khảo sát, Phiếu khảo sát, Tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

HSSV tham gia học tập tại trường đều được hưởng các chế độ chính sách theo đúng quy định của Luật giáo dục, các văn bản về thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV trong các cơ sở GDNN. Hằng năm nhà trường đều xét miễn, giảm học phí; thực hiện chế độ nội trú cho HSSV theo đúng quy định; hỗ trợ học bổng cho HSSV thuộc diện chính sách và thực hiện chế độ học bổng cho các HSSV người đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện, xã, thôn miền núi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Về chính sách miễn giảm học phí thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Nhà trường xây dựng quy định, quy trình thực hiện chính sách miễn giảm học phí đối với HSSV (7.2.01 - Quyết định ban hành quy định chính sách miễn giảm học phí năm học 2022-2023; 7.2.02 - Quyết định ban hành quy định chính sách miễn giảm học phí năm học 2023-2024; 7.2.03 - Quyết định ban hành quy định chính sách miễn giảm học phí năm học 2024-2025).

Kết quả thực hiện chính sách miễn giảm học phí năm học, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 (7.02.04 - Các quyết định miễn giảm học phí năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Chính sách	Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024		Năm học 2024-2025	
	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II

Chính sách miễn, giảm học phí	1.338 HSSV	1.294 HSSV	1.611 HSSV	1.498 HSSV	1.724 HSSV	1615 HSSV
-------------------------------	------------	------------	------------	------------	------------	-----------

Về chính sách nội trú thực hiện theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với HSSV cao đẳng, trung cấp; Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2016 của BLĐ-TBXH, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với HSSV học cao đẳng, trung cấp. Nhà trường xây dựng quy định, quy trình thực hiện chính sách nội trú đối với HSSV (7.2.05 - *Quyết định quy định chính sách nội trú năm học 2022-2023*; 7.2.06 - *Quyết định quy định chính sách nội trú năm học - 2023-2024*; 7.2.07 - *Quyết định quy định chính sách nội trú năm học 2024-2025*).

Kết quả đạt được thực hiện chính sách nội trú năm học, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 (7.2.08 - *Các quyết định thực hiện chính sách nội trú năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Chính sách	Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024		Năm học 2024-2025	
	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II
Chính sách nội trú	06 HSSV	09 HSSV	21 HSSV	19 HSSV	21 HSSV	14 HSSV

Ngoài ra HSSV thuộc các đối tượng chính sách như; con thương binh, bệnh binh, HSSV thuộc hộ nghèo, cận nghèo, HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ... khi lưu trú tại ký túc xá của nhà trường còn được hưởng chính sách miễn, giảm tiền ở ký túc xá (7.1.09 - *Quyết định số 636/QĐ-CDKTCN ngày 07/05/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy định chính sách miễn, giảm tiền ở Ký túc xá đối với HSSV*).

Kết quả đạt được thực hiện chính sách miễn giảm tiền ở ký túc xá năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 (7.2.09 - *Các Quyết định về việc miễn, giảm tiền ở ký túc xá năm học 2022- 2023, 2023- 2024, 2024- 2025*).

Chính sách	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
------------	-------------------	-------------------	-------------------

	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I
Chính sách miễn giảm tiền ở KTX	05 HSSV	06 HSSV	06 HSSV	01 HSSV	07 HSSV

Ban giám hiệu nhà trường luôn chỉ đạo kịp thời các tổ chức đoàn thể, phòng, khoa bộ môn, nhà giáo chủ nhiệm thực hiện kịp thời các chế độ học bổng chính sách, học bổng khuyến khích học tập và khen thưởng động viên HSSV học khá, giỏi và đạt giải trong các cuộc thi. Được thực hiện đúng theo quy định Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục; Thông tư 17/2017/TT- LĐTĐ ngày 30/6/2017 ban hành Quy chế công tác HSSV trong trường trung cấp, trường cao đẳng; Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa sửa đổi, bổ sung nghị quyết số 17/2012/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2012 của HĐND tỉnh về một số chế độ học bổng và khen thưởng học sinh, sinh viên. Ngoài ra nhà trường xây dựng quy định, quy trình hướng dẫn dễ hiểu, dễ thực hiện (7.2.10 - Quy định, quy trình xét cấp học bổng, khen thưởng năm học 2022- 2023; 7.2.11 - Quy định, quy trình xét cấp học bổng, khen thưởng năm học 2023- 2024; 7.2.12 - Quy định, quy trình xét cấp học bổng, khen thưởng năm học 2024-2025).

Kết quả đạt được thực hiện chính sách khen thưởng, học bổng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 (7.2.13 - Quyết định cấp học bổng cho HSSV là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa năm học 2022-2023; 7.2.14 - Quyết định cấp học bổng cho HSSV là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa năm học 2023-2024; 7.2.15 - Quyết định cấp học bổng cho HSSV là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa năm học 2024-2025; 7.2.16 - Quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập năm học 2022-2023; 7.2.17 - Quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập năm học 2023-2024; 7.2.18 - Quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập năm học 2024-2025).

STT	Năm học	Các loại chính sách	Số lượng HSSV
1	2022-2023	Học bổng dân tộc thiểu số	15
		Học bổng KKHT	220
2	2023-2024	Học bổng dân tộc thiểu số	14

		Học bổng KKHT	161
3	2024-2025	Học bổng dân tộc thiểu số	23
		Học bổng KKHT (HKI)	75

Ngoài các chế độ được hưởng nêu trên, nhà trường thường xuyên thực hiện các thủ tục xác nhận HSSV để các em được hưởng các chế độ như giảm tiền đi xe buýt; giảm tiền đóng bảo hiểm y tế; ưu tiên ở ký túc xá; trợ cấp ưu đãi giáo dục đối với con thương binh, bệnh binh, con liệt sĩ; chế độ ưu đãi vay vốn học tập...

Phòng QTCL - HSSV thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục tư tưởng HSSV, với phương châm HSSV là trung tâm của mọi hoạt động, do đó HSSV theo học tại trường luôn được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập (2.1.03 - *Kế hoạch tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2023, 2024, 2025*).

Mọi chế độ chính sách đối với HSSV đều được công khai, minh bạch, rõ ràng cho HSSV theo dõi trên bảng tin cũng như Website, cổng thông tin HSSV của trường. Nhà trường không phân biệt đối tượng, giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân khi xét các chế độ chính sách đối với HSSV. Các chính sách chế độ và kết quả thực hiện chế cho HSSV được thể hiện trong các báo tổng kết nhiệm vụ hàng năm của trường (1.2.15 - *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025-2026 của trường*).

Nhà trường tổ chức khảo sát đối với người học để thu thập ý kiến về các chế độ, chính sách, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp, người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân (7.2.19 - *Hồ sơ khảo sát người học (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

HSSV học tại Trường đều được hưởng các chế độ tối đa, nhất là chính sách khen thưởng, học bổng khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện. Ban giám hiệu luôn chỉ đạo kịp thời các tổ chức đoàn thể, Phòng, Khoa, Bộ môn, nhà giáo chủ nhiệm thực hiện kịp thời các chế độ học bổng chính sách, học bổng khuyến khích học tập và khen thưởng động viên HSSV học khá, giỏi và đạt giải trong các cuộc thi. Nhà trường thực hiện đúng Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục; Thông tư 17/2017/TT-LĐTBX ngày 30/6/2017 ban hành Quy chế công tác HSSV trong Trường trung cấp, Trường cao đẳng; Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa sửa đổi, bổ sung nghị quyết số 17/2012/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2012 của HĐND tỉnh về một số chế độ học bổng và khen thưởng HSSV. Ngoài ra Nhà trường xây dựng quy định, quy trình hướng dẫn dễ hiểu, dễ thực hiện (7.1.10 - *Quyết định số 260/QĐ-CDKTCN ngày 7/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng HSSV Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*; 7.3.01 - *Quyết định số 1712/QĐ-CDKTCN ngày 02/10/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐ Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang ban hành quy trình bảo đảm chất lượng phòng CTHSSV sửa đổi bổ sung năm 2023*).

Kết quả thực hiện chính sách khen thưởng, học bổng (7.2.13 - *Quyết định về việc cấp học bổng cho HSSV là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa năm học 2022 - 2023*; 7.2.14 - *Quyết định về việc cấp học bổng cho HSSV là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa năm học 2023-2024*; 7.2.15 - *Quyết định về việc cấp học bổng cho HSSV là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa năm học 2024-2025*; 7.2.16 - *Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập năm học 2022 - 2023*; 7.2.17 - *Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập năm học 2023 - 2024*; 7.2.18 - *Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập năm học 2024-2025*; 7.3.02 - *Quyết định của Hiệu trưởng về việc công nhận danh hiệu và khen thưởng tập thể, cá nhân HSSV năm học 2022 - 2023*; 7.3.03 - *Quyết định của Hiệu trưởng về việc công nhận danh hiệu và khen thưởng tập thể, cá nhân HSSV năm học 2023 - 2024*; 7.3.04 - *Quyết định của Hiệu trưởng về việc công nhận danh hiệu và khen thưởng tập thể, cá nhân HSSV năm học 2024- 2025*; 7.3.05 - *Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân HSSV đạt giải trong các cuộc thi năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025*):

Năm học	Các loại chính sách	Số lượng HSSV	Số tiền (đồng)
2022-2023	Học bổng dân tộc thiểu số	15	92.400.000
	Học bổng KKHT	220	159.200.000
	Khen thưởng tập thể và cá nhân	21 tập thể và 1133 HSSV	6.300.000 (tập thể) và tặng tập vở (cá nhân)
2023-2024	Học bổng dân tộc thiểu số	14	105.000.000
	Học bổng KKHT	161	548.283.000
	Khen thưởng tập thể và cá nhân	25 tập thể và 1140 HSSV	7.500.000 (tập thể) và tặng tập vở (cá nhân)
2024-2025	Học bổng dân tộc thiểu số	44	175.680.000
	Học bổng KKHT HKI	75 (HKI)	286.035.000 (HKI)
	Khen thưởng tập thể và cá nhân	01 tập thể và 57 SV	300.000 (tập thể) và tặng tập vở (cá nhân)

Ngoài các chế độ được hưởng nêu trên, Nhà trường thường xuyên thực hiện các thủ tục xác nhận HSSV để các em được hưởng các chế độ như giảm tiền đi xe buýt; giảm tiền đóng bảo hiểm y tế; ưu tiên ở KTX; trợ cấp ưu đãi giáo dục đối với con thương binh, bệnh binh, con liệt sĩ; chế độ ưu đãi vay vốn học tập...

Hàng năm Nhà trường phân công nhà giáo chủ nhiệm để hỗ trợ, tư vấn các dịch vụ người học và giải quyết kịp thời tâm tư nguyện vọng, tạo mọi điều kiện tốt nhất cho HSSV an tâm trong quá trình tham gia học tập tại Trường. Hàng năm Nhà trường phân công nhà giáo chủ nhiệm để giúp đỡ các em trong suốt thời gian học tập tại Trường. Nhà giáo chủ nhiệm hoạt động theo quy định của Nhà trường và là cầu nối gắn kết chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và HSSV (7.1.07 - Quyết định số 2166/QĐ-CDKTCN ngày 15/10/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định Công tác nhà giáo chủ nhiệm của Trường CDKTCN Nha Trang; 7.3.06 - Quyết định về việc phân công nhà giáo chủ nhiệm năm học 2022 - 2023; 7.3.07 - Quyết định về việc phân công nhà giáo chủ nhiệm năm học 2023 - 2024; 7.3.08 - Quyết định về việc phân công nhà giáo chủ nhiệm năm học 2024-2025; 7.3.09 - Thông báo về Kết quả kiểm tra công tác chủ nhiệm năm học 2022 - 2023; 7.3.10 - Thông báo về Kết quả kiểm tra công tác chủ nhiệm năm học 2023 – 2024; 7.3.11 - Thông báo về Kết quả kiểm tra công tác chủ nhiệm năm học 2024 - 2025; 1.2.15 - Báo cáo kết

quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026 của trường).

Đồng thời Nhà trường tổ chức thu thập ý kiến của người học, người học đã tốt nghiệp đi làm về việc Nhà trường thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Qua khảo sát cho thấy Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định, khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập (7.3.12 - *Hồ sơ khảo sát người học, người học tốt nghiệp (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: *Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao là một trong những phong trào có vai trò quan trọng trong hoạt động giáo dục của nhà trường. Đây là hoạt động có ý nghĩa trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện HSSV. Với phương châm "Vui để học tập, khỏe để cống hiến", phong trào văn hóa, văn nghệ, TD-TT luôn được nhà trường quan tâm. Hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao là một trong những hoạt động cần thiết đối với HSSV, là cơ hội để HSSV được giao lưu, học hỏi, rèn luyện, hoàn thiện các kỹ năng, nhất là kỹ năng giao tiếp, đẩy mạnh học đi đôi với hành, đồng thời góp phần quan trọng trong việc giáo dục đạo đức và hình thành, phát triển nhân cách cho HSSV.

Nhà trường có một nhà thi đấu đa năng với diện tích 2.335 m² với đầy đủ các trang thiết bị tập luyện đáp ứng cho nhu cầu học tập, giải trí, tập thể dục, thể thao cho CBNG và HSSV. Khu Ký túc xá của trường có sân bóng chuyền tạo điều kiện cho các em tham gia luyện tập và thi đấu (7.4.01 - *Bảng thống kê thông tin về nhà thi đấu đa năng (khu thể dục thể thao), câu lạc bộ văn nghệ, câu lạc bộ KHKT, ĐMST, KN phục vụ cho hoạt động của trường).*

Hàng năm cùng với sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức trong trường Công đoàn trường, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đã có nhiều hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao phong phú, thu hút được sự tham gia của CBNG và HSSV trong toàn trường như: Tổ chức các cuộc thi nhằm tuyên dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến, xuất sắc

trong lĩnh vực thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ đồng thời xây dựng nếp sống, phong cách ứng xử văn hóa, tinh thần đoàn kết góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh; Tổ chức HSSV tham gia hoạt động cộng đồng, hoạt động tình nguyện để HSSV có điều kiện rèn luyện cống hiến sức trẻ và trưởng thành hơn, nâng cao tinh thần tương thân tương ái, hoạt động vì cộng đồng.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể thao, hoạt động xã hội tiêu biểu năm 2023 (7.4.02 - Công văn, kế hoạch, thông báo của các cơ quan, tổ chức triển khai các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao năm 2023).

Năm 2023		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
<i>Kế hoạch số 520/KH-CDKTCN ngày 13/4/2023 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2023</i>	- Tổ chức tốt buổi trưng bày sách và đọc sách, thu hút được đông đảo CBVC, người lao động và HSSV tham gia. - Giúp HSSV hình thành thói quen đọc sách, tạo nền tảng cho việc tự học, học tập suốt đời. - Hình thành thói quen đọc sách bổ ích để mở rộng kiến thức, nuôi dưỡng tâm hồn, hình thành kỹ năng sống
<i>Thông báo 405/TB-CDKTCN ngày 28/3/2023 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Phối hợp tuyên truyền và đăng ký tham quan triển lãm</i>	Số lượng cụ thể như sau: - Khoa Điện- Điện tử: 10 HSSV. - Khoa Cơ khí: 10 HSSV. - Khoa CNSH-CNMT: 05 HSSV. - Khoa DL-TM: 10 HSSV. - Khoa Khoa học cơ bản: 10 HSSV
<i>Kế hoạch số 07/KH-CDKTCN ngày 20/2/2023 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Hành trình đến với bảo tàng hướng tới Kỷ niệm 370 năm hình thành và phát triển tỉnh Khánh Hòa (1653-2023) và 48</i>	- Phát huy truyền thống “ Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa” của dân tộc - Nâng cao trách nhiệm và vai trò của tuổi trẻ trong việc phát shuy truyền

Năm 2023		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
	<i>năm Ngày giải phòng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2023)</i>	thống yêu nước, bản lĩnh cách mạng, ý chí tự, tự cường của dân tộc Việt Nam trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước
<i>Kế hoạch số 16/KH-CDKTCN ngày 4/4/2023 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tham gia Chương trình về nguồn, về địa chỉ đỏ, chào mừng Kỷ niệm 48 năm Ngày giải phòng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2023)</i>	Số lượng cụ thể như sau: - Khoa Điện- Điện tử: 09 HSSV. - Khoa Cơ khí: 09 HSSV. - Khoa CNSH-CNMT: 02HSSV. - Khoa DL-TM: 04 HSSV. - Khoa Khoa học cơ bản: 09 HSSV
<i>Kế hoạch số 1990/TB-CDKTCN ngày 6/11/2023 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Phát động hưởng ứng “Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật năm 2023”</i>	Tổ chức HSSV tham gia đồng thời 02 Cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến: “Cuộc thi Tìm hiểu Luật Bảo vệ môi trường” và “Cuộc thi Tìm hiểu Luật An ninh mạng và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở
<i>Kế hoạch số 31 /KH-ĐTN ngày 31/10/2023 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức tuyên truyền Luật thanh niên, vai trò của Đoàn thanh niên trong việc thực hiện & giám sát Luật Thanh niên, xây dựng kế hoạch giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật về thanh niên cho đoàn viên thanh</i>	160 Đoàn viên thanh niên tham gia: + Đoàn khoa khoa học cơ bản: 40 ĐVTN + Đoàn khoa Điện - Điện tử: 40 ĐVTN + Đoàn khoa Cơ Khí: 40 ĐVTN + Đoàn khoa DL-TM: 30 ĐVTN + Đoàn khoa CNSH-CNMT: 10 ĐVTN

Năm 2023		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
	<i>niên trường năm học 2023-2024</i>	
<i>Kế hoạch số 1617/KH-CĐKTCN ngày 19/9/2023 của trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang</i>	<i>Tham gia, hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2023</i>	Nâng cao nhận thức HSSV về công tác bảo vệ môi trường tích cực tham gia các hoạt động: - Sử dụng sản phẩm từ vật liệu phế thải - Giảm thiểu rác thải nhựa bằng cách tái sử dụng và tái chế - Trồng thêm một cây xanh là góp phần bảo vệ môi trường - Giữ gìn vệ sinh chung- nói không với xả rác bừa bãi - Từ chối sử dụng túi nilon khó phân hủy là hành động thiết thực bảo vệ môi trường
<i>Kế hoạch số 04 /KH-ĐTN ngày 10/2/2023 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về Biển, Đảo năm 2023</i>	- 01 giải nhất: Giấy khen của Đoàn trường + phần thưởng - 01 giải nhì: Giấy khen của Đoàn trường + phần thưởng. - 02 giải ba: Giấy khen của Đoàn trường + phần thưởng.
<i>Kế hoạch số 21 /KH-ĐTN ngày 15/4/2023 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Nâng cao năng lực số cho đoàn viên, thanh niên, sinh viên năm 2023</i>	Phân bổ số lượng đoàn viên thanh niên. 170 ĐVTN. Đoàn Khoa Điện – Điện tử: 40 ĐVTN Đoàn Khoa DL-TM: 40 ĐVTN Đoàn Khoa Cơ khí: 40 ĐVTN

Năm 2023		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
		Đoàn Khoa Khoa học cơ bản: 40 ĐVTN Đoàn Khoa CNSH-CNMT: 10 ĐVTN
<i>Kế hoạch số 30 /KH-ĐTN ngày 28/9/2023 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Thực hiện công trình thanh niên năm học 2023-2024; Mô hình mã hóa thông tin (Mã QR) các trang thông tin tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang</i>	Thực hiện mô hình mã hóa thông tin (Mã QR) bao gồm 07 bảng. - 02 bảng thông tin về Trường, Đoàn - Hội nhà trường - 01 bảng thông tin về khoa Điện - Điện tử và đoàn khoa Điện - Điện tử. - 01 bảng thông tin về khoa cơ khí và đoàn khoa cơ khí. - 01 bảng thông tin về khoa DL-TM và đoàn khoa DL-TM. - 01 bảng thông tin về khoa Khoa học cơ bản và đoàn khoa Khoa học cơ bản. - 01 bảng thông tin về khoa CNSH-CNMT và đoàn khoa CNSH-CNMT.
<i>Kế hoạch số 10 /KH-ĐTN ngày 6/3/2023 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Nhà Trường với Đoàn viên, Sinh viên, Thanh Niên theo luật thanh niên năm học 2022-2023</i>	Đại biểu tham gia: Khoa Điện - Điện tử: 40 Sinh viên Khoa DL-TM: 40 Sinh viên Khoa Cơ khí: 40 Sinh viên Khoa Khoa học cơ bản: 40 Học sinh Khoa CNSH-CNMT: 10 Sinh viên
<i>Kế hoạch số 07 - KHLT/ĐTN, HSV ngày 24/11/2022 của Đoàn</i>	<i>Tổ chức Chương trình tình nguyện mùa Đông</i>	- Phối hợp với Huyện đoàn Cam Lâm ra quân các hoạt động và trao quà tại xã Cam Phước Tây, Huyện Cam Lâm,

Năm 2023		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
<i>Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>năm 2022 và Xuân tình nguyện năm 2023</i>	thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa - Cải tạo khu vui chơi tại nhà thiếu nhi huyện Diên Khánh. - Trao tặng 30 suất quà cho HSSV Trường có hoàn cảnh khó khăn. - Tham gia chương trình hiến máu tình nguyện.
<i>Kế hoạch số 05/KH/ĐTN ngày 10/4/2023 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức chương trình "Tiếp sức mùa thi" năm 2023</i>	Cử 50 Đoàn viên Thanh niên tình nguyện các lớp tham gia chương trình tiếp sức mùa thi năm 2023 tại 5 điểm thi trên địa bàn Tỉnh
<i>Kế hoạch số 09/KHLT-ĐT,HSV ngày 18/5/2023</i>	<i>Tổ chức Chiến dịch tình nguyện "Mùa hè xanh năm 2023"</i>	1. Sửa chữa, sơn mới khu vui chơi thiếu nhi tại Trường tiểu học Cam Tân (Cơ sở 2). 2. Sơn, Lắp đặt mới và sửa chữa hệ thống điện cho gia đình Chính sách tại xã Cam Tân. 3. Phối hợp Với Bệnh Viện Mắt Sài Gòn - Nha Trang Tổ chức Khám mắt và phát thuốc miễn phí cho người dân xã Cam Tân. Tại UBND Xã Cam Tân. 4. Tổ chức cắt tóc miễn phí cho trẻ em và người dân. Địa điểm tại Trường tiểu học Cam Tân (Cơ sở 2). 5. Phối hợp với đoàn xã Cam Tân tổ chức dọn vệ sinh, sơn sửa lại khu nghĩa trang liệt sỹ xã Cam Tân.

Năm 2023		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
		6. Phối hợp với Đoàn Xã Cam Tân tổ chức các hoạt động nhân Kỷ Niệm 76 năm ngày Thương binh liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2023) 7. Phối hợp với Ngân Hàng BIDV chi Nhánh Khánh Hòa trao quà cho các gia đình chính sách.
<i>Kế hoạch số 06/KHLT-ĐTN,HSV ngày 10/4/2023 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tham gia Hội thi “Olympic Tiếng Anh học sinh, sinh viên tỉnh Khánh Hòa” lần thứ III năm 2023</i>	Tạo môi trường học tập, rèn luyện khả năng thực hành tiếng Anh hiệu quả trong HSSV - Đơn vị có tỷ lệ sinh viên tham gia thi cao nhất trên tổng số sinh viên của đơn vị - 01 HS đạt giải khuyến khích
<i>Kế hoạch số 09 - KHLT/ĐTN,HSV ngày 25/9/2023 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức Hội thi “Văn nghệ” chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11</i>	- 01 Giải nhất: Giấy khen + tiền thưởng: 1.000.000đ - 02 Giải nhì: Giấy khen + tiền thưởng: 500.000đ - 03 Giải ba: Giấy khen + tiền thưởng: 300.000đ.
<i>Thông báo số 22 - TB/TĐTN-TTNTTH ngày 9/01/2023 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Kết quả Hội thi biểu diễn nghệ thuật “Tự hào học sinh, sinh viên Khánh Hòa”, Mừng Đảng, Mừng xuân Quý Mão 2023 và kỷ niệm 73 năm ngày truyền thống học sinh, sinh viên và hội sinh viên</i>	Giải B cho đoàn trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang

Năm 2023		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
	<i>Việt nam (09/01/1950-09/01/2023)</i>	
<i>Kế hoạch 1789/KH-CDKTCN ngày 10/10/2023 của Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang</i>	<i>Tham gia Hội diễn văn văn các cơ sở GDNN tỉnh Khánh Hòa lần thứ II năm 2023</i>	- 01 giải nhất cho 01 tiết mục - Giải khuyến khích toàn đoàn
<i>Kế hoạch số 43/QĐ-CDKTCN ngày 13/01/2023 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tham gia giải bóng đá Thanh niên Sinh viên Việt Nam năm 2023</i>	Thành phần tham gia - CBNG: 7 người - HSSV: 23 SV
<i>Kế hoạch số 32/KH/ĐTN ngày 9/10/2023 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức Giải bóng đá mini HS-SV, năm học 2023 - 2024</i>	Toàn thể HSSV các lớp tham gia (Bóng đá nam, bóng đá nữ) Chọn 1 giải nhất, 1 giải nhì, 1 giải ba; Giải đội thi tài năng nhất
<i>Kế hoạch số 425/KH-CDKTCN ngày 20/2/2023 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tham gia giao lưu văn hóa, thể thao nhân dịp Tết cổ truyền Lào, Campuchia</i>	- Mở rộng, tăng cường giao lưu văn hóa, thể thao và thắt chặt hơn nữa tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia; - Tạo điều kiện cho HSSV Lào, Campuchia đang học tập tại Khánh Hòa giao lưu, gặp gỡ với sinh viên Việt Nam; - Đảm bảo tính an toàn, trang trọng, hiệu quả, tiết kiệm

Năm 2023		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
<i>Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023 của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên</i>		
CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2023: - Chủ tịch UBND Tỉnh Khánh Hòa tặng bằng khen cho Đoàn trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang, đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động hè năm 2023 (7.4.03 - <i>Quyết định số 2645 -QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của chủ tịch UBND Tỉnh Khánh Hòa</i>). - BTV Tỉnh đoàn Khánh Hòa tặng bằng khen cho Đoàn trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang có thành tích xuất sắc trong chiến dịch thanh niên tình nguyện hè năm 2023 (7.4.04 - <i>Quyết định số 49 -QĐKT/TĐTN-PT ngày 06/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn</i>). - BTV Tỉnh đoàn tặng cờ cho Đoàn trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là đơn vị xuất sắc nhận cờ thi đua đơn vị xuất sắc (7.4.05 - <i>Thông báo số 68 TB/TĐTN-BTTNTH ngày 29/11/2023 của ban chấp hành tỉnh đoàn Khánh Hòa</i>). - BTV Tỉnh đoàn tặng cờ cho Đoàn trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là đơn vị xuất sắc nhận cờ thi đua đơn vị xuất sắc (7.4.06-<i>Quyết định số 48 QĐ/TĐTN-TTNTTH ngày 31/10/2023 của ban chấp hành tỉnh đoàn Khánh Hòa</i>). - BTV Tỉnh đoàn tặng cờ thi đua đơn vị xuất sắc cho Đoàn trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang (7.4.07 - <i>QĐ số 57 QĐKT/TĐTN-VP, ngày 25/12/2023 của ban chấp hành tỉnh đoàn KH</i>)		

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể thao, hoạt động xã hội tiêu biểu năm 2024 (7.4.08 - *Công văn, kế hoạch, thông báo của các cơ quan, tổ chức triển khai các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao năm 2024*).

Năm 2024		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
Kế hoạch số 651/KH-ĐTĐN ngày 9/4/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang	Tổ chức Ngày sách và văn hóa đọc Việt nam năm 2024	- Tổ chức tốt buổi trưng bày sách và đọc sách, thu hút được đông đảo CBVC, người lao động và HSSV tham gia. - Giúp HSSV hình thành thói quen đọc sách, tạo nền tảng cho việc tự học, học tập suốt đời. - Hình thành thói quen đọc sách bổ ích để mở rộng kiến thức, nuôi dưỡng tâm hồn, hình thành kỹ năng sống
Kế hoạch số 790/TB-CĐKTCN ngày 22/4/2024 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang	Tham gia cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc tỉnh Khánh Hòa năm 2024	Có 02 học sinh trung cấp tham gia cuộc thi.
Kế hoạch số 44/KH-CĐ-ĐTĐN ngày 20/02/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang	Tổ chức lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” nhân dịp Xuân Giáp Thìn 2024	Phân bổ số lượng đoàn viên thanh niên. 200 ĐVTN. Đoàn Khoa Điện - Điện tử: 60 ĐVTN Đoàn Khoa DL-TM: 40 ĐVTN Đoàn Khoa Cơ khí: 50 ĐVTN Đoàn Khoa Khoa học cơ bản: 40 ĐVTN Đoàn Khoa CNSH-CNMT: 10 ĐVTN

Năm 2024		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
<i>Kế hoạch số 08/KH-CDKTCN ngày 4/3/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Hành trình đến với địa chỉ đỏ hướng tới kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đoàn thanh niên công sản Hồ Chí Minh</i>	Số lượng 35 ĐVTN
<i>Kế hoạch số 18/KH-ĐTN ngày 8/04/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Phát động chương trình tặng cờ tổ quốc gửi tặng cho quân dân hai huyện đảo Trường sa năm 2024</i>	Hoạt động nhằm phát huy vai trò xung kích của thanh niên trong bảo vệ chủ quyền biển đảo, thể hiện lòng yêu nước, trách nhiệm với đất nước đối với thế hệ trẻ của nhà trường.
<i>Kế hoạch số 11/KH-ĐTN ngày 03/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Kế hoạch tập huấn</i>	Nâng cao năng lực số cho đoàn viên, thanh niên, sinh viên năm 2024
<i>Kế hoạch số 1367/KH-CDKTCN ngày 01/7/2024 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Triển khai thực hiện tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong phòng chống bạo lực học đường, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội trong HSSV</i>	- Tuyên truyền về công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong phòng chống bạo lực học đường. - Tuyên truyền phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên.
<i>Kế hoạch số 783/KH-CDKT ngày 22/4/2024 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông cho HSSV</i>	- Tuyên truyền về an ninh trật tự, phòng chống vi phạm pháp luật. - Tuyên truyền luật giao thông đường bộ.

Năm 2024		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
<i>Kế hoạch số 06 /KH-ĐTN ngày 4/3/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Nhà Trường với Đoàn viên, Sinh viên, Thanh Niên theo luật thanh niên năm học 2023-2024</i>	Đại biểu tham gia: Khoa Điện - Điện tử: 40 Sinh viên Khoa DL-TM: 40 Sinh viên Khoa Cơ khí: 40 Sinh viên Khoa Khoa học cơ bản: 40 Học sinh Khoa CNSH-CNMT: 10 Sinh viên
<i>Kế hoạch số 01/KHLT-ĐTN, HSV ngày 9/01/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về biển đảo năm 2024</i>	Số lượng tham gia: Khoa Điện - Điện tử: 20 Sinh viên Khoa DL-TM: 20 Sinh viên Khoa Cơ khí: 20 Sinh viên Khoa Khoa học cơ bản: 20 Học sinh Khoa CNSH-CNMT: 10 Sinh viên CLB NCKH, CLB văn nghệ - 10 HSSV
<i>Kế hoạch số 01/KHLT-ĐTN, ngày 7/3/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Triển khai Đoàn thanh niên tham gia trực chốt đảm bảo trật tự an toàn giao thông hưởng ứng tháng Thanh niên năm 2024</i>	Phát huy tinh thần xung kích, tình nguyện của đoàn viên thanh niên HSSV tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông và xây dựng nếp sống văn hóa khi tham gia giao thông Trong chiến dịch mỗi buổi cử 05 ĐVTN trực chốt
<i>Kế hoạch số 08/KHLT-ĐTN, HSV ngày 10/4/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức chương trình "Tiếp sức mùa thi" năm 2024</i>	Cử 25 Đoàn viên Thanh niên tình nguyện các lớp tham gia chương trình tiếp sức mùa thi năm 2024 trên địa bàn Tỉnh

Năm 2024		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
<i>Kế hoạch số 09/KHLT-ĐT,HSV ngày 18/5/2024</i>	<i>Tổ chức Chiến dịch tình nguyện “Mùa hè xanh năm 2024”</i>	1. Lắp đặt hệ thống đèn năng lượng mặt trời. 2. Sửa chữa và sơn lại khu vui chơi thiếu nhi tại UBND xã Sơn Tân. 3. Lắp đặt đường cò vào UBND xã Sơn Tân. 4. Phối hợp với bệnh viện mắt Sài Gòn – Nha Trang tổ chức khám và phát thuốc miễn phí cho người dân. 5. Tổ chức cắt tóc và tổ chức trò chơi cho trẻ em tại xã. 6. Phối hợp tổ chức bữa cơm nghĩa tình tại gia đình có công với cách mạng nhân kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ. 7. Phối hợp với trung tâm văn hóa điện ảnh Tỉnh Khánh Hòa tổ chức chiếu phim tuyên truyền phục vụ người dân. 8. Phối hợp các đơn vị trao tặng quà cho trẻ em hoàn cảnh khó khăn tại xã Sơn Tân.
<i>Kế hoạch số 398 /KH-CĐKTCN ngày 12/3/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tham gia Giải Việt dã năm 2024 xã Phước Đồng</i>	Trường có 10 HSSV tham gia - 01 giải nhất - 01 giải ba

Năm 2024		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
<i>Kế hoạch số 03/KHLT-ĐTN, HSV ngày 22/2/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức cuộc thi chạy 5000 mét “hưởng ứng chương trình những bước chân vì cộng đồng”, “Mỗi thanh niên 10.000 bước chân mỗi ngày” năm 2024</i>	Số lượng tham gia: Khoa Điện - Điện tử: 20 Sinh viên Khoa DL-TM: 15 Sinh viên Khoa Cơ khí: 20 Sinh viên Khoa Khoa học cơ bản: 20 Học sinh Khoa CNSH&CNMT: 05 Sinh viên
<i>Kế hoạch số 232/KH-CĐKTCN ngày 20/2/2024 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tham gia giải bóng đá Thanh niên Sinh viên Việt Nam lần 2 năm 2024</i>	Đoàn tham gia 20 thành viên - 07 CBNG - 23 Sinh viên Lọt vào tứ kết của giải đấu
<i>Kế hoạch số 416 /KH-CĐKTCN ngày 14/3/2024 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức Cuộc thi “Ảnh đẹp và Video clip ấn tượng” về cán bộ, nhà giáo, học sinh, sinh viên Trường cao Đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang</i>	- Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích, khuyến khích hình thành và phát triển các tài năng HSSV trong trường - Giới thiệu tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đẹp về HSSV của Trường và hoạt động giáo dục nghề tại nhà trường đến với xã hội. + 02 giải nhất + 03 giải nhì + 05 giải ba + 08 giải khuyến khích
<i>Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024 của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên</i>		
CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2024:		

Năm 2024		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
- BTV Tỉnh đoàn Khánh Hòa tặng bằng khen cho Đoàn trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang có thành tích xuất sắc trong tháng thanh niên năm 2024(7.4.09 - <i>Quyết định số 67 -QĐKT/TĐTN-PT ngày 15/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn</i>). - UBND tỉnh Khánh Hòa tặng bằng khen cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động hè năm 2024 (7.4.10 - <i>Quyết định số 2842/QĐ-UBND ngày 1/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa</i>). - BTV Tỉnh đoàn Khánh Hòa tặng cờ và bằng khen cho Đoàn trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên trường học năm học 2023-2024(7.4.11 - <i>Quyết định số 95 -QĐKT/TĐTN-TTNTTH ngày 30/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn</i>). - BTV Tỉnh đoàn Khánh Hòa tặng bằng khen cho Đoàn trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là cán bộ, công chức, viên chức trẻ giỏi tỉnh Khánh Hòa năm 2024 (7.4.12 - <i>Quyết định số 87 -QĐKT/TĐTN-PT ngày 15/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn</i>). - BTV Tỉnh đoàn Khánh Hòa tặng bằng khen cho Đoàn trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang có thành tích xuất sắc trong Chiến dịch Thanh niên tình nguyện Hè năm 2024 (7.4.13 - <i>Quyết định số 83 -QĐKT/TĐTN-PT ngày 5/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn</i>). - BTK HSV tỉnh Khánh Hòa tặng giấy chứng nhận cho HSV trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đạt danh hiệu sinh viên 5 tốt cấp tỉnh năm học 2023-2024 (7.4.14 - <i>Quyết định số 64 -QĐ/HSV ngày 3/1/2025 của Ban thư ký Hội Sinh viên tỉnh</i>).		

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể thao, hoạt động xã hội tiêu biểu năm 2025 (7.4.15 - *Các Công văn, kế hoạch, thông báo của các cơ quan, tổ chức triển khai các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao năm 2025*).

Năm 2025		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
<i>Thông báo số 2050/TB-CDKTCN ngày 26/9/2024 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Hưởng ứng cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật</i>	Hoạt động tạo ra cho thanh niên hiểu về quy định Hiến pháp, pháp luật, luật phổ biến giáo dục pháp luật và luật phòng, chống bạo lực gia đình cũng như luật hòa giải và luật bảo hiểm xã hội.
<i>Kế hoạch số 22/KH-ĐTN ngày 28/9/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Kế hoạch tập huấn</i>	Nâng cao năng lực số cho đoàn viên, thanh niên, sinh viên năm 2025
<i>Thông báo số 681/TB-CDKTCN ngày 14/4/2025 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Hưởng ứng cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu quy định của Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024” trên địa bàn Khanh Hòa</i>	Hoạt động tạo ra cho thanh niên hiểu về quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi giấy phép lái xe.
<i>Kế hoạch số 613/KH-CDKTCN ngày 4/4/2025 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức Ngày sách và văn hóa đọc Việt nam năm 2025</i>	- Tổ chức tốt buổi trưng bày sách và đọc sách, thu hút được đông đảo CBVC, người lao động và HSSV tham gia. - Giúp HSSV hình thành thói quen đọc sách, tạo nền tảng cho việc tự học, học tập suốt đời. - Hình thành thói quen đọc sách bổ ích để mở rộng kiến thức, nuôi

Năm 2025		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
		dưỡng tâm hồn, hình thành kĩ năng sống
<i>Kế hoạch số 88/KH-CD- ĐTN ngày 08/01/2025 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” nhân dịp Xuân Ất Tỵ 2025</i>	Phân bổ số lượng đoàn viên thanh niên: 200 ĐVTN Đoàn Khoa Điện-Điện tử: 55 ĐVTN Đoàn Khoa DL-TM: 35 ĐVTN Đoàn Khoa Cơ khí: 55 ĐVTN Đoàn Khoa Khoa học cơ bản: 55 ĐVTN
<i>Kế hoạch số 11/KH-ĐTN ngày 23/12/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Chương trình tình nguyện mùa đông năm 2024 và Xuân tình nguyện 2025</i>	- Hoạt động nhằm phát huy vai trò xung kích, tình nguyện và tinh thần tương thân tương ái của cán bộ, hội viên, thanh niên chung sức giúp đỡ thanh thiếu nhi và nhân dân có hoàn cảnh khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội. - Trao 70 suất quà tết cho HSSV - Trao 30 suất quà cho trẻ em khó khăn tại xã Khánh Nam, huyện Khánh Vĩnh - Trao 2 suất quà cho 2 cụ già neo đơn tại Xã Phước Đồng
<i>Kế hoạch số 2777/KH-CDKTCN ngày 25/12/2024 của</i>	<i>Tổ chức các hoạt động vui xuân, đón tết cho học sinh, sinh viên ở ký túc xá nhân dịp Tết</i>	- Hoạt động nhằm tạo sân chơi, lành mạnh, bổ ích, khuyến khích hình thành và phát triển các tài năng của HSSV của nhà Trường, đồng

Năm 2025		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
<i>Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Nguyên Đán Ất Tỵ năm 2025</i>	thời động HSSV hăng hái lao động, học tập, thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.
<i>Kế hoạch số 06/KH-ĐTN ngày 10/3/2025 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Thăm và tặng quà đồng bào dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn hướng tới kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đoàn thanh niên công sản Hồ Chí Minh</i>	- Hoạt động nhằm phát huy vai trò xung kích, tình nguyện và tinh thần tương thân tương ái của cán bộ, hội viên, thanh niên chung sức giúp đỡ thanh thiếu nhi và nhân dân có hoàn cảnh khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội. - Trao tặng 10 suất quà cho gia đình đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Khánh Nam, huyện Khánh Vĩnh
<i>Kế hoạch số 07/KH-ĐTN ngày 10/03/2025 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Xây dựng công trình thanh niên cấp huyện năm 2025 Chào mừng 94 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2025)</i>	Công trình thanh niên “Trường Sa trong trái tim tôi”
<i>Kế hoạch số 35/KH-CĐKTCN ngày 03/01/2025 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Triển khai thực hiện tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong phòng chống</i>	- Tuyên truyền về công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong phòng chống bạo lực học đường.

Năm 2025		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
	<i>bạo lực học đường, phòng ngừa tội phạm và tện nạn xã hội trong HSSV</i>	- Tuyên truyền phòng ngừa tội phạm và tện nạn xã hội trong HSSV.
<i>Kế hoạch số 672/KH-CDKTCN ngày 11/4/2025 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông cho HSSV</i>	- Tuyên truyền về an ninh trật tự, phòng chống vi phạm pháp luật. - Tuyên truyền luật giao thông đường bộ.
<i>Kế hoạch số 432/KH-CDKTCN ngày 6/3/2025 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Truyền thông nâng cao hiểu biết của học sinh, sinh viên về sức khỏe sinh sản và an toàn tình dục</i>	Hoạt động nhằm trang bị kiến thức về HIV/AIDS, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, xâm hại trẻ em... trang bị ý thức bảo vệ bản thân, an toàn tình dục và sức khỏe sinh sản
<i>Kế hoạch số 02 /KH-ĐTN ngày 12/2/2025 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Nhà Trường với Đoàn viên, Sinh viên, Thanh Niên theo luật thanh niên năm học 2024-2025</i>	Đại biểu tham gia: Khoa Điện - Điện tử: 50 Sinh viên Khoa DL-MT: 30 Sinh viên Khoa Cơ khí: 50 Sinh viên Khoa Khoa học cơ bản: 50 Học sinh
<i>Kế hoạch số 23/KH-ĐTN ngày 9/10/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức chương trình chia sẻ định hướng nghề nghiệp</i>	Đại biểu tham gia: tất cả sinh viên Khóa 16
<i>Kế hoạch số 1889/KH-CDKTCN ngày 12/9/2024 của</i>	<i>Tổ chức cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp - Đổi mới sáng tạo -</i>	- Hoạt động nhằm thúc đẩy và phát huy tinh thần khởi nghiệp - đổi mới

Năm 2025		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
<i>Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Khoa học kỹ thuật” cấp khoa</i>	sáng tạo - khoa học kỹ thuật và tự tạo việc làm của HSSV. - Tạo môi trường hỗ trợ HSSV khởi nghiệp, tạo điều kiện để HSSV hình thành, hiện thực hóa các ý tưởng/dự án khởi nghiệp và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp
<i>Kế hoạch số 2061/KH-CĐKTCN ngày 30/9/2024 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức Chương trình FPT Telecom Career Booming “ Tân sinh viên – hành trình xây tương lai”</i>	Đại biểu tham gia: Khoa Điện - Điện tử: 80 Sinh viên Khoa DL-MT: 60 Sinh viên Khoa Cơ khí: 60 Sinh viên Khoa CNSH - CNMT: 20 Sinh viên
<i>Kế hoạch số 2097/KH-CĐKTCN ngày 4/10/2024 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Xây dựng video sự kiện nổi bật năm học 2023-2024 tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang</i>	Hoạt động nhằm tạo sân chơi, lành mạnh, bổ ích, khuyến khích hình thành và phát triển các tài năng của HSSV của nhà Trường, đồng thời động viên học sinh, sinh viên hăng hái lao động, học tập, thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.
<i>Kế hoạch số 07/KH-ĐTN ngày 24/3/2025 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tham gia hội trại truyền thống thanh niên tỉnh Khánh Hòa “Trại Hùng Vương” lần thứ XX năm 2025</i>	Hoạt động nhằm tạo sân chơi, lành mạnh, bổ ích, đồng thời nâng cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc
<i>Kế hoạch số 04 /KHLT- ĐTN-HSV ngày 23/4/2025 của Đoàn Trường Cao</i>	<i>Tổ chức Cuộc thi “Rung chuông vàng Tiếng Anh” năm học 2024 – 2025</i>	Quán quân: Giấy chứng nhận + tiền thưởng Top 5 : Giấy chứng nhận + tiền thưởng

Năm 2025		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
<i>đăng KTCN Nha Trang</i>		
<i>Kế hoạch số 08/KHLT-ĐTN, HSV ngày 16/06/2025 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức chương trình "Tiếp sức mùa thi" năm 2025</i>	Cử 25 Đoàn viên Thanh niên tình nguyện các lớp tham gia chương trình tiếp sức mùa thi năm 2025 trên địa bàn Tỉnh
<i>Kế hoạch số 09/KHLT-ĐTN, HSV ngày 19/6/2025 của Đoàn TN, Hội SV Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức Chiến dịch tình nguyện “Mùa hè xanh năm 2025”</i>	1. Xây dựng khu vui chơi thiếu nhi Trường tiểu học Thị trấn Tô Hạp 2. Sơn sửa thư viện Trường Tiểu học 3. Dọn dẹp cảnh quan khuôn viên Trường
<i>Kế hoạch số 502 /KH-CDKTCN ngày 19/3/2025 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tham gia Giải Việt dã năm 2025 xã Phước Đồng</i>	Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích, khuyến khích hình thành và phát triển HSSV trong trường
<i>Kế hoạch số 03/KHLT-ĐTN, HSV ngày 23/4/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức cuộc thi chạy 1500 mét “hưởng ứng chương trình những bước chân vì cộng đồng; “Mỗi thanh niên 10.000 bước chân mỗi ngày” năm 2025</i>	Số lượng tham gia: Khoa Điện - Điện tử: 30 Sinh viên Khoa DL-MT: 30 Sinh viên Khoa Cơ khí: 30 Sinh viên Khoa Khoa học cơ bản: 30 Học sinh

Năm 2025		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
<i>Kế hoạch liên tịch số 01/KHLT- ĐTN,HSV ngày 03/3/2025 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức giải bóng đá mini HS-SV năm học 2024 - 2025</i>	1 Giải nhất: Cúp + Huy chương + tiền thưởng 1 Giải nhì: Huy chương+ tiền thưởng 1 Giải ba: Huy chương + tiền thưởng 1 Giải khuyến khích: Tiền thưởng
<i>Kế hoạch số 1975 /KH- CDKTCN ngày 19/9/2024 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tham gia bóng chuyền hữu nghị và Gặp mặt giao lưu học viên, sinh viên Việt Nam- Lào- Campuchia</i>	Hoạt động nhằm tăng cường giao lưu, văn hóa, thể thao và thắt chặt hơn nữa tình đoàn kết, hữu nghị giữa HSSV Lào, Campuchia đang học tập tại Khánh Hòa.
<i>Kế hoạch số 10 /KHLT- ĐTN-HSV ngày 01/12/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức giải cầu lông HS-SV năm học 2024- 2025</i>	1 Giải nhất: Huy chương+ tiền thưởng 1 Giải nhì: Huy chương+ tiền thưởng 2 Giải ba: Huy chương + tiền thưởng
<i>Kế hoạch liên tịch số 09-KHLT/ĐTN,HSV ngày 14/10/2024 của Đoàn Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang</i>	<i>Tổ chức Hội thi” Văn nghệ” chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11</i>	- Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích, khuyến khích hình thành và phát triển các tài năng HSSV trong trường 1 Giải nhất: Giấy khen+ tiền thưởng 2 Giải nhì: Giấy khen + tiền thưởng 3 Giải ba: Giấy khen + tiền thưởng
<i>Báo cáo tổng kết năm học 2024-2025 của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên</i>		
CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2025:		

Năm 2025		
Kế hoạch/Quyết định	Nội dung hoạt động	Đánh giá các hoạt động và kết quả thực hiện
- BTV tỉnh Đoàn Khánh Hòa tặng cờ cho các tập thể đã đạt giải tại Liên hoan tuyên truyền các ca khúc cách mạng mừng Đảng- mừng Xuân Ất Tỵ năm 2025 (7.4.16 - <i>Quyết định số 100 -QĐKT/TĐTN-TTNT</i> ngày 9/1/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn) - BTV Tỉnh đoàn Khánh Hòa tặng bằng khen cho Đoàn trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện Tháng Thanh niên năm 2025(7.4.17 - <i>Quyết định số 106 -QĐKT/TĐTN-PT</i> ngày 15/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn). - BTV Tỉnh đoàn Khánh Hòa tặng bằng khen cho Đoàn trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước 5 năm giai đoạn 2020-2025(7.4.18 - <i>Quyết định số 103 -QĐKT/TĐTN-VP</i> ngày 21/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn).		

Ngoài các hoạt động tổ chức vui chơi, thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ. Phòng QTCL - HSSV còn phối hợp với đoàn trường trong việc thành lập và tổ chức hoạt động đội thanh niên xung kích, đội thanh niên tự quản, đội cờ đỏ nhằm kiểm tra, chấn chỉnh tác phong, nề nếp và tuyên truyền về ANTT cho HSSV khi vào trường học tập. Công tác phòng chống cháy nổ luôn được quan tâm. Giúp các em HSSV an tâm học tập, xây dựng môi trường an toàn trong khuôn viên trường học, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trong toàn trường (7.4.19 - *Quyết định số 2576/QĐ-CDKTCN* ngày 12/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Kiện toàn Đội tự quản về an ninh trật tự KTX trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Nha Trang năm học 2024-2025; 7.4.20 - *Kế hoạch hoạt động năm học 2022 - 2023, 2023-2024, 2024-2025 của Đội tự quản về an ninh trật tự Ký túc xá*; 7.4.21 - *Kế hoạch số 35/KH-CDKTCN* ngày 03/01/2025 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang triển khai thực hiện tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong phòng chống bạo lực học đường, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội trong HSSV; 7.4.22 - *Kế hoạch số 672/KH-CDKTCN* ngày 11/4/2025 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông cho HSSV).

Đồng thời Nhà trường tổ chức thu thập ý kiến của người học, người học đã tốt về các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... phục vụ hỗ trợ cho người học, kết quả khảo sát cho thấy người học và người học tốt nghiệp hài lòng với các hoạt động phục vụ và hỗ trợ của trường (7.4.23 - *Hồ sơ khảo sát người học, người học tốt nghiệp (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: *Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu người học và các bên liên quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang luôn xác định người học là trung tâm trong mọi hoạt động đào tạo và phát triển. Do đó, các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được nhà trường triển khai đồng bộ, đa dạng và ngày càng hoàn thiện, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho quá trình học tập, rèn luyện và phát triển toàn diện của HSSV.

Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ người học, bao gồm: tư vấn tâm lý học đường, tư vấn học tập và nghề nghiệp, hỗ trợ tìm kiếm việc làm, giới thiệu thực tập tại doanh nghiệp; cấp học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách và hỗ trợ vay vốn tín dụng; cung cấp dịch vụ y tế học đường, ký túc xá, căn tin, thư viện, phòng học chuyên ngành, phòng máy tính và kết nối internet miễn phí. Đồng thời, các hoạt động ngoại khóa, văn hóa - văn nghệ - thể thao, câu lạc bộ kỹ năng, giao lưu sinh viên được tổ chức thường xuyên nhằm nâng cao kỹ năng mềm và tinh thần tập thể cho người học.

Nhà trường có bộ phận chuyên trách thực hiện hoạt động hỗ trợ người học như: Phòng QTCL - HSSV, Phòng ĐT - CSVC, thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến chế độ và quyền lợi của người học (1.2.15 - *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025-2026 của trường*).

Hệ thống quản lý và giám sát người học được nhà trường vận hành thông qua phần mềm quản lý đào tạo và cổng thông tin điện tử, cho phép theo dõi tình trạng học tập, điểm danh, kết quả rèn luyện, khen thưởng và kỷ luật. Thông tin cá nhân và kết quả học tập được cập nhật định kỳ, đảm bảo tính chính xác và minh bạch. Ngoài ra, các hình thức tiếp nhận phản hồi từ người học như khảo sát trực tuyến, hộp thư góp ý, các buổi đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với HSSV cũng được tổ chức định kỳ để lắng nghe ý kiến và điều chỉnh

hoạt động phù hợp(2.6.02 - *Quyết định số 602/QĐ-CDKTCN ngày 02/5/2018 về việc ban hành qui chế Quản lý, khai thác và vận hành phần mềm quản lý đào tạo Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*; 7.5.01 - *Kế hoạch đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường với Đoàn viên, Sinh viên, Thanh niên năm học 2022-2023*; 7.5.02 - *Kế hoạch đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường với Đoàn viên, Sinh viên, Thanh niên năm học 2023-2024*; 7.5.03 - *Kế hoạch đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường với Đoàn viên, Sinh viên, Thanh niên năm học 2024-2025*).

Công tác rà soát và cải tiến được thực hiện thường xuyên, thông qua việc tổng hợp kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học và các bên liên quan như doanh nghiệp, cựu sinh viên, phụ huynh. Dựa trên kết quả này, nhà trường đã thực hiện nhiều cải tiến cụ thể như: Di chuyển thư viện từ tầng 4 xuống tầng 1, mở rộng không gian thư viện, nâng cấp hệ thống internet trong khuôn viên trường, điều chỉnh thời khóa biểu linh hoạt theo đặc thù từng ngành nghề, bổ sung thiết bị thực hành tại xưởng và tăng cường kết nối doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tế, đồng thời nhà trường cũng rà soát và đánh giá, xây dựng quy định, cải tiến quy trình thực hiện để các hoạt động của trường đạt hiệu quả hơn (7.5.04 - *Các thông báo về việc điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới các quy chế, quy định, quy trình/công cụ năm 2023, 2024, 2025*; 1.4.03 - *Các quy chế, quy định, quy trình được rà soát điều chỉnh và xây dựng trong năm 2022, 2023, 2024, 2025*; 1.2.15 - *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 của trường*; 7.5.05 - *Báo cáo kết quả rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu người học*).

Các hoạt động hỗ trợ và giám sát người học tại trường được tổ chức bài bản, phù hợp với thực tiễn đào tạo và đặc điểm ngành nghề kỹ thuật. Việc cải tiến liên tục dựa trên phản hồi thực tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và sự hài lòng của người học và các bên liên quan (7.5.06 - *Hồ sơ khảo sát người học, người học tốt nghiệp (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 2 điểm

3.2.8. TIÊU CHÍ 8: Giám sát, đánh giá chất lượng

Bao gồm 6 tiêu chuẩn

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:

Mở đầu:

Giám sát, đánh giá chất lượng là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn hiện nay và trong thời gian tới, là trách nhiệm của Nhà trường và của toàn xã hội.

Giám sát, đánh giá bảo đảm chất lượng là điều kiện cần thiết để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt chuẩn chất lượng, góp phần thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, đồng thời phù hợp với mục tiêu, sứ mạng và chiến lược phát triển trường.

Hàng năm Nhà trường đều thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng theo quy định. Giám sát, đánh giá chất lượng nhằm bảo đảm chất lượng cơ sở GDNN trên cơ sở tự rà soát, đánh giá thực trạng, xác định điểm mạnh, điểm tồn tại của cơ sở GDNN từ đó xây dựng kế hoạch khắc phục nhằm cải tiến chất lượng phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng cơ sở GDNN và hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường.

Những điểm mạnh:

Hoạt động bảo đảm chất lượng luôn được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy và BGH Nhà trường.

Hàng năm, có kế hoạch thu thập ý kiến CBVC - NLĐ về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBVC và người lao động.

Nhà trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và CTĐT theo quy định. Hàng năm, lập kế hoạch cụ thể và đề ra các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá.

Phối hợp với các đơn vị, các Doanh nghiệp khảo sát người học có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp, từ đó góp phần điều chỉnh nội dung CTĐT phù hợp với nhu cầu thực tiễn tại các Doanh nghiệp

Những tồn tại:

Hoạt động điều tra lần vết đối với người học sau tốt nghiệp còn hạn chế.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Tăng cường, duy trì liên kết giữa Doanh nghiệp, nhà giáo chủ nhiệm, đơn vị, cá nhân có liên quan và người học sau khi tốt nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 8

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<i>Tiêu chí 8</i>	<i>12 điểm</i>

Tiêu chuẩn 1	2 điểm
Tiêu chuẩn 2	2 điểm
Tiêu chuẩn 3	2 điểm
Tiêu chuẩn 4	2 điểm
Tiêu chuẩn 5	2 điểm
Tiêu chuẩn 6	2 điểm

Tiêu chuẩn 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang tổ chức tuyển sinh và đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng hằng năm theo quy chế tuyển sinh hiện hành. Số lượng học sinh, sinh viên (HSSV) tuyển mới hàng năm đều đạt chỉ tiêu được giao.

Sau khi tuyển sinh, nhà trường triển khai đào tạo theo chương trình đã được phê duyệt, đồng thời chú trọng thực hiện các biện pháp hỗ trợ, tư vấn, quản lý HSSV nhằm giảm thiểu tình trạng bỏ học và nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp. Công tác giám sát tỷ lệ bỏ học và tốt nghiệp được thực hiện định kỳ qua từng học kỳ, năm học và toàn khóa. Từ các dữ liệu thu thập, nhà trường đã tiến hành phân tích nguyên nhân, đánh giá xu hướng và đề xuất các giải pháp cải tiến.

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, tỷ lệ bỏ học các năm gần đây đã giảm đáng kể, tuy nhiên do một số nguyên nhân khách quan, chủ quan (như khó khăn về kinh tế, thay đổi định hướng nghề nghiệp, ý thức học tập chưa cao, rào cản địa lý và gia đình...), tỷ lệ bỏ học của HSSV vẫn còn cao, đặc biệt hệ trung cấp.

Bảng 1: Tỷ lệ tốt nghiệp toàn trường - trình độ trung cấp, cao đẳng

Năm học	Trình độ	Số HSSV nhập học	Số HSSV tốt nghiệp	Tỷ lệ tốt nghiệp
2022-2023	Cao đẳng K14	587	335	57.1%
	Trung cấp K15	847	380	44.9%
	Liên thông K15	134	113	84.3%
2023-2024	Cao đẳng K15	485	372	76.7%
	Trung cấp K16	777	365	47%

	Liên thông K16	249	197	79.1%
2024-2025	Cao đẳng K16	481	84 (đ1)	
	Trung cấp K17	623	-	
	Liên thông K17	235	183	77.9%

Bảng 2: Tỷ lệ bỏ học toàn trường - trình độ trung cấp, cao đẳng

Năm học	Trình độ	Số HSSV nhập học	Số HSSV nghỉ học	Tỷ lệ nghỉ học
2022-2023	Cao đẳng K14	587	188	32%
	Trung cấp K15	847	366	43.2%
	Liên thông K15	134		
2023-2024	Cao đẳng K15	485	195	40.2%
	Trung cấp K16	777	269	28.6%
	Liên thông K16	249	1	0.4%
2024-2025	Cao đẳng K16	481	194	40.3%
	Trung cấp K17	623	250	40.1%
	Liên thông K17	235	18	7.7%

Bảng 3: Tỷ lệ bỏ học toàn trường so với tỷ lệ tốt nghiệp

Năm học	Trình độ	Số HSSV nhập học	Số HSSV tốt nghiệp	Số HSSV nghỉ học	Tỷ lệ nghỉ học
2022-2023	Cao đẳng K14	587	335	188	56.1%
	Trung cấp K15	847	380	366	96.3%
	Liên thông K15	134	113		
2023-2024	Cao đẳng K15	485	372	195	52.4%
	Trung cấp K16	777	365	269	73.8%

	Liên thông K16	249	197	1	0.5%
2024-2025	Cao đẳng K16	481	84 (đ1)	194	
	Trung cấp K17	623	-	250	
	Liên thông K17	235	183	18	9.8%

Qua bảng thống kê trên cho thấy:

Tỷ lệ tốt nghiệp ở các hệ đào tạo có xu hướng tăng qua các năm, đặc biệt ở hệ cao đẳng và liên thông.

Hệ liên thông có tỷ lệ tốt nghiệp cao và tỷ lệ bỏ học rất thấp, cho thấy tính ổn định và quyết tâm học tập cao từ người học đã có nền tảng nghề nghiệp.

Tỷ lệ bỏ học hệ trung cấp vẫn còn cao, đặc biệt trong năm học 2022-2023 và 2023-2024, nhưng đến năm học 2024 -2025 đã có xu hướng giảm rõ rệt.

Các nguyên nhân bỏ học chủ yếu: Hoàn cảnh kinh tế, chuyển hướng nghề nghiệp, thiếu động lực học, thiếu sự hỗ trợ kịp thời...

Biện pháp cải tiến đã triển khai:

Củng cố hệ thống cảnh báo sớm nguy cơ bỏ học, phối hợp giữa nhà giáo chủ nhiệm và phòng công tác HSSV.

Tổ chức chương trình định hướng tư vấn nghề nghiệp, kỹ năng mềm cho HSSV từ đầu khóa học.

Tăng cường tư vấn tâm lý, hỗ trợ học bổng, miễn giảm học phí cho người học có hoàn cảnh khó khăn

Đa dạng hóa mô hình học tập, phương pháp dạy học tích cực, kết nối thực tế với doanh nghiệp để tăng động lực học tập

Phân tích định kỳ và tổ chức hội thảo về nguyên nhân, giải pháp giảm bỏ học theo từng khoa ngành.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đã thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học một cách đầy đủ, định kỳ và có phân tích, đánh giá, đối sánh để phục vụ cải tiến chất lượng đào tạo. Dù còn tồn tại một số khó khăn, đặc biệt ở hệ trung cấp, nhưng xu hướng chuyển biến tích cực là rõ rệt. Nhà trường tiếp tục

cam kết nâng cao hiệu quả quản lý, hỗ trợ người học, hướng tới mục tiêu nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và giảm thiểu tối đa tình trạng bỏ học trong các năm học tiếp theo (1.2.14 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 117/2018/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 17/12/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 29/7/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 24/9/2021; 2.1.04 - Thống kê ngành nghề đào tạo của Trường; 8.1.01 - Bảng danh mục ngành, nghề trường đang đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 8.1.02 - Các Quyết định Phê duyệt danh sách các lớp và số lượng HSSV học tiếp năm học 2022 - 2023; 2023-2024, 2024 - 2025; 8.1.03 - Các quyết định thành lập lớp năm học 2022 - 2023, 2023-2024, 2024-2025, 8.1.04 Quyết định tốt nghiệp năm học 2022 - 2023, 2023-2024, 2024-2025; 8.1.05 - Sổ ký nhận bằng tốt nghiệp của HSSV; 8.1.06 - Biên bản họp xét buộc thôi học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 8.1.07 - Quyết định HSSV buộc thôi học và cho thôi học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.2.15 - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025-2026 của trường; 8.1.08 - Báo cáo kết quả đào tạo hệ trung cấp niên khóa 2022-2024, 2023-2025, Báo cáo kết quả đào tạo hệ cao đẳng liên thông niên khóa 2023-2024, 2024-2025, Báo cáo kết quả đào tạo hệ cao đẳng niên khóa 2021-2024, 2022-2025; 8.1.09 - Báo cáo đối sánh tỷ lệ bỏ học, đề xuất xuất giải pháp cải tiến)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 8: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8.2: Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường thực hiện thu thập ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Nhà trường đã lập kế hoạch và tổ chức thực hiện khảo sát trực tuyến kết hợp trực tiếp để thu thập ý kiến của các Doanh nghiệp có HSSV tốt nghiệp năm học 2022- 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 đang làm việc về mức độ đáp ứng các công việc tại nơi làm việc, thông qua khảo sát là cơ sở để có những điều chỉnh, bổ sung chương trình, phương pháp

đào tạo nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng đào tạo ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tiễn (8.2.01 - Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến năm 2023, 2024, 2025).

Bảng 1: Mức độ hài lòng của các doanh nghiệp đối với người học tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2023

Nội dung khảo sát	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm 2023									
	Không đồng ý		Còn phân vân		Không ý kiến		Đồng ý		Rất đồng ý	
	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ
Kiến thức chuyên ngành đào tạo		0%		0%		0%		08/20 phiếu 40,0%		12/20 phiếu 60,0%%
Kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp		0%		0%		0%		10/20 phiếu 50,0%		10/20 phiếu 50,0%%
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		0%		0%		0%		09/20 phiếu 45,0%		11/20 phiếu 55,0%%

Bảng 2: Mức độ hài lòng của các doanh nghiệp đối với người học tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2024

Nội dung khảo sát	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm 2024									
	Không đồng ý		Còn phân vân		Không ý kiến		Đồng ý		Rất đồng ý	
	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ
Kiến thức chuyên ngành đào tạo		0%		0%		0%		12/25 phiếu 48,0%		13/25 phiếu 52,0%%
Kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp		0%		0%		0%		11/20 phiếu 44,0%		14/20 phiếu 56,0%%

Nội dung khảo sát	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm 2024									
	Không đồng ý		Còn phân vân		Không ý kiến		Đồng ý		Rất đồng ý	
	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		0%		0%		0%		13/25 phiếu 52,0%		12/25 phiếu 48,0%%

Bảng 3: Mức độ hài lòng của các doanh nghiệp đối với người học tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2025

Nội dung khảo sát	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm 2025									
	Không đồng ý		Còn phân vân		Không ý kiến		Đồng ý		Rất đồng ý	
	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ
Kiến thức chuyên ngành đào tạo		0%		0%		0%		12/25 phiếu 48,0%		13/25 phiếu 52,0%%
Kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp		0%		0%		0%		10/20 phiếu 40,0%		15/20 phiếu 60,0%%
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		0%		0%		0%		09/25 phiếu 36,0%		16/25 phiếu 64,0%%

Thông qua khảo sát thu thập ý kiến, các đơn vị sử dụng lao động hài lòng đối với người học tốt nghiệp đang làm việc tại Doanh nghiệp. Các Doanh nghiệp đánh giá tốt về mức độ đáp ứng của người học tốt nghiệp về kiến thức của nghề được đào tạo, vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào thực tiễn có hiệu quả và có đạo đức tác phong nghề nghiệp tốt, đáp ứng tốt vị trí việc làm tại Doanh nghiệp. HSSV đã thể hiện mức độ đáp ứng tốt trong công việc tại doanh nghiệp. Vận dụng được nguyên lý, quy trình nghiệp vụ của doanh nghiệp, vận dụng được khoa học công nghệ vào lĩnh vực chuyên môn; trình bày được các điều lệ và tiêu chuẩn chất lượng của nghề và xác định rõ ràng các quy định, quy trình nghề nghiệp. Về kỹ năng thực hành: Phần lớn HSSV được đánh giá có kỹ năng thực

hành nghề thuần thực, sử dụng tốt các phần mềm chuyên ngành trong công việc, vận dụng được kiến thức chuyên môn cũng như sử dụng tốt các máy móc thiết bị đúng quy trình vào thực tiễn sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. 100% HSSV có kỹ năng làm việc nhóm tốt. Về năng lực tự chủ trách nhiệm: Hầu hết HSSV thể hiện được tinh thần trách nhiệm với nghề nghiệp và nhiệm vụ công việc được giao tại doanh nghiệp. 100% HSSV được đánh giá có trách nhiệm và sẵn sàng học hỏi, có định hướng nghề nghiệp rõ ràng (8.2.02- *Hồ sơ khảo sát đơn vị sử dụng lao động (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025; 8.2.03 - Báo cáo đánh giá cải tiến nâng cao chất lượng được thiết lập từ phản hồi thông tin của các bên liên quan*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 8: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8.3: *Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đã xây dựng và ban hành các quy trình, biểu mẫu, công cụ khảo sát ý kiến của nhà giáo và cán bộ quản lý liên quan đến Chính sách dạy và học (bao gồm phương pháp giảng dạy, chế độ làm việc, công tác kiểm tra đánh giá, cơ sở vật chất hỗ trợ dạy học...).

Các công cụ khảo sát được thiết kế dưới dạng: Phiếu khảo sát trực tuyến (Google Form, Microsoft Form); Phiếu khảo sát giấy; Phỏng vấn định kỳ hoặc khảo sát chuyên đề (năm học, học kỳ).

Tần suất khảo sát được thực hiện định kỳ mỗi năm học, hoặc sau mỗi giai đoạn thực hiện chính sách, đặc biệt đối với các chính sách mới ban hành hoặc điều chỉnh.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo (8.3.01 - *Các quy trình/ công cụ đã ban hành liên quan đến dạy và học; tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm*).

Hàng năm, ngay từ đầu năm học, Nhà trường thông báo cho các đơn vị rà soát và đề xuất nhân sự. Trường các đơn vị trực thuộc Trường trực tiếp đề xuất bằng văn bản về việc tuyển dụng nhân sự cho đơn vị mình, đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, vị

trí việc làm và quy định pháp luật của Nhà nước, cũng như quy định của Nhà trường. Ban Giám hiệu xem xét và phê duyệt các đề xuất này dựa trên phân tích nhu cầu thực tế công việc, cơ cấu tổ chức và quy mô hoạt động của từng đơn vị(8.3.02 - *Thông báo về việc đề xuất số lượng người làm việc năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 của các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*).

Hàng năm, vào cuối mỗi năm học, Nhà trường có thông báo và hướng dẫn cụ thể về quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và các báo cáo liên quan (8.3.03 - *Các Hướng dẫn về Quy trình đánh giá, xếp loại nhà giáo dạy các môn chung, môn văn hóa trung học phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*; 8.3.04 - *Các Hướng dẫn về việc đánh giá nhà giáo GDNN năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*).

Nhà trường thực hiện đầy đủ các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBVC – NLĐ (8.3.05 - *Kế hoạch của tỉnh ủy Khánh Hòa về Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Khánh Hòa năm 2023, 2024, 2025*; 3.2.05 - *Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*; 3.2.06 - *Kế hoạch về tự đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*; 3.2.08 - *Báo cáo về Kết quả đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, viên chức trong năm 2023, 2024, 2025 theo thông báo triệu tập*).

Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, thông qua khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý đều đồng ý với các nội dung về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm. Điều này cho thấy Nhà trường quan tâm đến các chính sách, chế độ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, viên chức và người lao động được học tập, nâng cao trình độ, và hài lòng với nhiệm vụ được giao. Kết quả khảo sát được thể hiện trong các báo cáo thu thập ý kiến năm 2024 về các chính sách liên quan (8.3.06 - *Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý của trường năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025*; 8.3.07 - *Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý được thu thập ý kiến năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025*; 8.3.08 - *Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025*; 8.3.09 - *Báo cáo đánh giá và cải tiến*

các chính sách liên quan nhằm đảm bảo chất lượng và nâng cao chất lượng đào tạo được thiết lập từ kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025).

Kết quả khảo sát là cơ sở để Nhà trường có những điều chỉnh, bổ sung chương trình, phương pháp đào tạo nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tiễn. Thông qua khảo sát CBVC-NLĐ đều đồng ý với các nội dung chính sách, cho thấy Nhà trường quan tâm đến các chính sách, chế độ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, nâng cao trình độ và sự hài lòng với nhiệm vụ được giao.

Bảng tổng hợp kết quả khảo sát đối với CBVC - NLĐ năm học 2022-2023

HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC NHÂN SỰ (Số người tham gia 120)						
	Câu hỏi	Rất đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Không ý kiến (%)	Còn phân vân (%)	Không đồng ý (%)
1	Quý Thầy/Cô hiểu rõ sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường.	48/120 (40%)	72/120 (60%)			
2	Sứ mạng và mục tiêu của nhà trường phù hợp với thực tế phát triển giáo dục.	51/120 (42.7%)	69/120 (57.3%)			
3	Các mục tiêu đào tạo của nhà trường cụ thể và khả thi.	45/120 (37.3%)	75/120 (62.7%)			
4	Mục tiêu phát triển của nhà trường gắn với nhu cầu thị trường lao động.	43/120 (35.5%)	76/120 (63.6%)		1/120 (0.9%)	
5	Quý Thầy/Cô đã tham gia vào quá trình xây dựng hoặc cập nhật sứ mạng, mục tiêu của nhà trường.	39/120 (32.7%)	72/120 (60%)	7/120 (5.5%)	2/120 (1.8%)	
6	Nhà trường công khai thông tin về sứ mạng, mục tiêu đến CBVC - NLĐ.	44/120 (36.4%)	75/120 (62.7%)	1/120 (0.9%)		
7	Công tác tổ chức, quản lý trong đơn vị hiệu quả.	37/120 (30.9%)	80/120 (66.4%)	2/120 (1.8%)	1/120 (0.9%)	

8	Việc phân quyền trong quản lý nhà trường rõ ràng và hợp lý.	38/120 (31.8%)	77/120 (64.5%)	4/120 (3.6%)		
9	Công tác giám sát và kiểm tra nội bộ được thực hiện nghiêm túc.	43/120 (35.5%)	76/120 (63.6%)	1/120 (0.9%)		
10	Quy trình ra quyết định trong đơn vị minh bạch và hiệu quả.	39/120 (32.7%)	77/120 (64.5%)	3/120 (2.7%)		
11	Các kế hoạch chiến lược của nhà trường có tính thực tiễn cao.	34/120 (28.2%)	81/120 (67.3%)	5/120 (4.5%)		
12	Việc quản lý tài chính, cơ sở vật chất được thực hiện minh bạch.	41/120 (34.5%)	75/120 (62.7%)	3/120 (2.7%)		
13	Nhà trường có cơ chế thu hút sự tham gia của CBVC - NLĐ vào các hoạt động quản lý.	34/120 (28.2%)	82/120 (68.2%)	3/120 (2.7%)	1/120 (0.9%)	
14	Các đơn vị trong trường phối hợp tốt trong công tác giảng dạy và nghiên cứu.	39/120 (32.7%)	81/120 (67.3%)			
15	Hệ thống quản lý hành chính trong trường có thân thiện và hỗ trợ tốt cho CBVC - NLĐ.	38/120 (31.8%)	79/120 (65.5%)	2/120 (1.8%)	1/120 (0.9%)	
16	Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong quản lý.	40/120 (33.6%)	76/120 (63.6%)	3/120 (2.7%)		
17	Quy trình đánh giá hiệu quả công việc của CBVC - NLĐ chính xác và công bằng.	36/120 (30%)	81/120 (67.3%)	2/120 (1.8%)	1/120 (0.9%)	
18	Nhà trường có cơ chế phản hồi và giải quyết ý kiến của CBVC - NLĐ.	35/120 (29.1%)	82/120 (68.2%)	3/120 (2.7%)		
19	Chính sách phát triển nhà trường có được xây dựng dựa trên dữ liệu và nghiên cứu thực tế.	33/120 (27.3%)	84/120 (70%)	3/120 (2.7%)		
20	Quý Thầy/Cô hài lòng với mô hình tổ chức và quản lý hiện nay.	34/120 (28.2%)	80/120 (66.4%)	4/120 (3.6%)	2/120 (1.8%)	

21	Quý Thầy/Cô hài lòng với môi trường làm việc hiện tại.	38/120 (31.8%)	79/120 (65.5%)	2/120 (1.8%)	1/120 (0.9%)	
22	Nhà trường có chính sách tuyển dụng nhà giáo minh bạch và công bằng.	43/120 (35.5%)	74/120 (61.8%)	2/120 (1.8%)	1/120 (0.9%)	
23	Đội ngũ CBVC - NLĐ đủ về số lượng và chất lượng.	36/120 (30%)	77/120 (64.5%)	5/120 (4.5%)	1/120 (0.9%)	
24	Quý Thầy/Cô được tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn.	34/120 (28.2%)	86/120 (71.8%)			
25	Nhà trường có chính sách hỗ trợ nghiên cứu khoa học hiệu quả.	33/120 (27.3%)	82/120 (68.2%)	4/120 (3.6%)	1/120 (0.9%)	
26	Việc phân công nhiệm vụ của CBVC - NLĐ tại đơn vị hợp lý.	35/120 (29.1%)	79/120 (65.5%)	3/120 (2.7%)	2/120 (1.8%)	1/120 (0.9%)
27	Hệ thống đánh giá CBVC - NLĐ đảm bảo khách quan và chính xác.	35/120 (29.1%)	81/120 (67.3%)	2/120 (1.8%)	1/120 (0.9%)	1/120 (0.9%)
28	Nhà trường có chính sách động viên, khen thưởng kịp thời.	37/120 (30.9%)	83/120 (69.1%)			
29	Chế độ đãi ngộ (lương, thưởng, phúc lợi) của nhà trường có hợp lý.	39/120 (32.7%)	77/120 (64.5%)	1/120 (0.9%)	1/120 (0.9%)	1/120 (0.9%)
30	Công tác hỗ trợ đời sống (chăm sóc sức khỏe, phúc lợi xã hội) cho CBVC - NLĐ thực hiện tốt.	39/120 (32.7%)	77/120 (64.5%)	2/120 (1.8%)	1/120 (0.9%)	0/120 (0%)
31	Nhà trường có chính sách khuyến khích sáng tạo và đổi mới trong giảng dạy.	40/120 (33.6%)	77/120 (64.5%)	1/120 (0.9%)	1/120 (0.9%)	
32	Quý Thầy/Cô hài lòng với cách quản lý của lãnh đạo đơn vị/trường.	37/120 (30.9%)	76/120 (63.6%)	4/120 (3.6%)	2/120 (1.8%)	

33	Đội ngũ CBVC - NLĐ của trường đoàn kết, hợp tác tốt.	38/120 (31.8%)	76/120 (63.6%)	4/120 (3.6%)	1/120 (0.9%)	
34	Nhà trường tạo điều kiện để CBVC - NLĐ đóng góp ý kiến vào các chính sách phát triển.	41/120 (34.5%)	75/120 (62.7%)	2/120 (1.8%)	1/120 (0.9%)	
35	Công tác chăm lo đời sống tinh thần (sinh hoạt chuyên môn, giao lưu, hội thảo) được quan tâm.	41/120 (34.5%)	76/120 (63.6%)	2/120 (1.8%)		
36	Nhà trường có chính sách rõ ràng về phát triển nghề nghiệp và lộ trình thăng tiến.	37/120 (30.9%)	76/120 (63.6%)	4/120 (3.6%)	2/120 (1.8%)	
37	Quý Thầy/Cô có cảm thấy được lắng nghe và tôn trọng trong môi trường làm việc.	36/120 (30%)	76/120 (63.6%)	5/120 (4.5%)	2/120 (1.8%)	
38	Nhà trường có cơ chế tiếp nhận và xử lý phản hồi từ CBVC - NLĐ hiệu quả.	37/120 (30.9%)	79/120 (65.5%)	2/120 (1.8%)	2/120 (1.8%)	
39	Nhà trường có chính sách hỗ trợ CBVC - NLĐ khi gặp khó khăn.	39/120 (32.7%)	77/120 (64.5%)	2/120 (1.8%)	1/120 (0.9%)	
40	Quý Thầy/Cô gắn bó lâu dài với nhà trường.	55/120 (45.5%)	61/120 (50.9%)	3/120 (2.7%)	1/120 (0.9%)	

Bảng tổng hợp kết quả khảo sát đối với CBVC - NLĐ năm học 2023-2024

HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC NHÂN SỰ (Số người tham gia 98)						
	Câu hỏi	Rất đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Không ý kiến (%)	Còn phân vân (%)	Không đồng ý (%)
1	Quý Thầy/Cô hiểu rõ sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường.	39/98 (40%)	59/98 (60%)			
2	Sứ mạng và mục tiêu của nhà trường phù hợp với thực tế phát triển giáo dục.	42/98 (42.7%)	56/98 (57.3%)			

3	Các mục tiêu đào tạo của nhà trường cụ thể và khả thi.	37/98 (37.3%)	61/98 (62.7%)			
4	Mục tiêu phát triển của nhà trường gắn với nhu cầu thị trường lao động.	35/98 (35.5%)	62/98 (63.6%)		1/98 (0.9%)	
5	Quý Thầy/Cô đã tham gia vào quá trình xây dựng hoặc cập nhật sứ mạng, mục tiêu của nhà trường.	32/98 (32.7%)	59/98 (60%)	5/98 (5.5%)	2/98 (1.8%)	
6	Nhà trường công khai thông tin về sứ mạng, mục tiêu đến CBVC - NLD.	36/98 (36.4%)	61/98 (62.7%)	1/98 (0.9%)		
7	Công tác tổ chức, quản lý trong đơn vị hiệu quả.	30/98 (30.9%)	65/98 (66.4%)	2/98 (1.8%)	1/98 (0.9%)	
8	Việc phân quyền trong quản lý nhà trường rõ ràng và hợp lý.	31/98 (31.8%)	63/98 (64.5%)	4/98 (3.6%)		
9	Công tác giám sát và kiểm tra nội bộ được thực hiện nghiêm túc.	35/98 (35.5%)	62/98 (63.6%)	1/98 (0.9%)		
10	Quy trình ra quyết định trong đơn vị minh bạch và hiệu quả.	32/98 (32.7%)	63/98 (64.5%)	3/98 (2.7%)		
11	Các kế hoạch chiến lược của nhà trường có tính thực tiễn cao.	28/98 (28.2%)	66/98 (67.3%)	4/98 (4.5%)		
12	Việc quản lý tài chính, cơ sở vật chất được thực hiện minh bạch.	34/98 (34.5%)	61/98 (62.7%)	3/98 (2.7%)		
13	Nhà trường có cơ chế thu hút sự tham gia của CBVC - NLD vào các hoạt động quản lý.	28/98 (28.2%)	67/98 (68.2%)	3/98 (2.7%)	1/98 (0.9%)	
14	Các đơn vị trong trường phối hợp tốt trong công tác giảng dạy và nghiên cứu.	32/98 (32.7%)	66/98 (67.3%)			

15	Hệ thống quản lý hành chính trong trường có thân thiện và hỗ trợ tốt cho CBVC - NLĐ.	31/98 (31.8%)	64/98 (65.5%)	2/98 (1.8%)	1/98 (0.9%)	
16	Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong quản lý.	33/98 (33.6%)	62/98 (63.6%)	3/98 (2.7%)		
17	Quy trình đánh giá hiệu quả công việc của CBVC - NLĐ chính xác và công bằng.	29/98 (30%)	66/98 (67.3%)	2/98 (1.8%)	1/98 (0.9%)	
18	Nhà trường có cơ chế phản hồi và giải quyết ý kiến của CBVC - NLĐ.	29/98 (29.1%)	67/98 (68.2%)	3/98 (2.7%)		
19	Chính sách phát triển nhà trường có được xây dựng dựa trên dữ liệu và nghiên cứu thực tế.	27/98 (27.3%)	69/98 (70%)	3/98 (2.7%)		
20	Quý Thầy/Cô hài lòng với mô hình tổ chức và quản lý hiện nay.	28/98 (28.2%)	65/98 (66.4%)	4/98 (3.6%)	2/98 (1.8%)	
21	Quý Thầy/Cô hài lòng với môi trường làm việc hiện tại.	31/98 (31.8%)	64/98 (65.5%)	2/98 (1.8%)	1/98 (0.9%)	
22	Nhà trường có chính sách tuyển dụng nhà giáo minh bạch và công bằng.	35/98 (35.5%)	61/98 (61.8%)	2/98 (1.8%)	1/98 (0.9%)	
23	Đội ngũ CBVC - NLĐ đủ về số lượng và chất lượng.	29/98 (30%)	63/98 (64.5%)	4/98 (4.5%)	1/98 (0.9%)	
24	Quý Thầy/Cô được tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn.	28/98 (28.2%)	70/98 (71.8%)			
25	Nhà trường có chính sách hỗ trợ nghiên cứu khoa học hiệu quả.	27/98 (27.3%)	67/98 (68.2%)	4/98 (3.6%)	1/98 (0.9%)	
26	Việc phân công nhiệm vụ của CBVC - NLĐ tại đơn vị hợp lý.	29/98 (29.1%)	64/98 (65.5%)	3/98 (2.7%)	2/98 (1.8%)	

27	Hệ thống đánh giá CBVC - NLD đảm bảo khách quan và chính xác.	29/98 (29.1%)	66/98 (67.3%)	2/98 (1.8%)	1/98 (0.9%)	
28	Nhà trường có chính sách động viên, khen thưởng kịp thời.	30/98 (30.9%)	68/98 (69.1%)			
29	Chế độ đãi ngộ (lương, thưởng, phúc lợi) của nhà trường có hợp lý.	32/98 (32.7%)	63/98 (64.5%)	1/98 (0.9%)	1/98 (0.9%)	
30	Công tác hỗ trợ đời sống (chăm sóc sức khỏe, phúc lợi xã hội) cho CBVC - NLD thực hiện tốt.	32/98 (32.7%)	63/98 (64.5%)	2/98 (1.8%)	1/98 (0.9%)	
31	Nhà trường có chính sách khuyến khích sáng tạo và đổi mới trong giảng dạy.	33/98 (33.6%)	63/98 (64.5%)	1/98 (0.9%)	1/98 (0.9%)	
32	Quý Thầy/Cô hài lòng với cách quản lý của lãnh đạo đơn vị/trường.	30/98 (30.9%)	62/98 (63.6%)	4/98 (3.6%)	2/98 (1.8%)	
33	Đội ngũ CBVC - NLD của trường đoàn kết, hợp tác tốt.	31/98 (31.8%)	62/98 (63.6%)	4/98 (3.6%)	1/98 (0.9%)	
34	Nhà trường tạo điều kiện để CBVC - NLD đóng góp ý kiến vào các chính sách phát triển.	34/98 (34.5%)	61/98 (62.7%)	2/98 (1.8%)	1/98 (0.9%)	
35	Công tác chăm lo đời sống tinh thần (sinh hoạt chuyên môn, giao lưu, hội thảo) được quan tâm.	34/98 (34.5%)	62/98 (63.6%)	2/98 (1.8%)		
36	Nhà trường có chính sách rõ ràng về phát triển nghề nghiệp và lộ trình thăng tiến.	30/98 (30.9%)	62/98 (63.6%)	4/98 (3.6%)	2/98 (1.8%)	
37	Quý Thầy/Cô có cảm thấy được lắng nghe và tôn trọng trong môi trường làm việc.	29/98 (30%)	62/98 (63.6%)	4/98 (4.5%)	2/98 (1.8%)	

38	Nhà trường có cơ chế tiếp nhận và xử lý phản hồi từ CBVC - NLĐ hiệu quả.	30/98 (30.9%)	64/98 (65.5%)	2/98 (1.8%)	2/98 (1.8%)	
39	Nhà trường có chính sách hỗ trợ CBVC - NLĐ khi gặp khó khăn.	32/98 (32.7%)	63/98 (64.5%)	2/98 (1.8%)	1/98 (0.9%)	
40	Quý Thầy/Cô gắn bó lâu dài với nhà trường.	45/98 (45.5%)	50/98 (50.9%)	3/98 (2.7%)	1/98 (0.9%)	

Bảng tổng hợp kết quả khảo sát đối với CBVC - NLĐ năm học 2024 - 2025

HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC NHÂN SỰ (Số người tham gia 110)						
	Câu hỏi	Rất đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Không ý kiến (%)	Còn phân vân (%)	Không đồng ý (%)
1	Quý Thầy/Cô hiểu rõ sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường.	44/110 (40%)	66/110 (60%)			
2	Sứ mạng và mục tiêu của nhà trường phù hợp với thực tế phát triển giáo dục.	47/110 (42.7%)	63/110 (57.3%)			
3	Các mục tiêu đào tạo của nhà trường cụ thể và khả thi.	41/110 (37.3%)	69/110 (62.7%)			
4	Mục tiêu phát triển của nhà trường gắn với nhu cầu thị trường lao động.	39/110 (35.5%)	70/110 (63.6%)		1/110 (0.9%)	
5	Quý Thầy/Cô đã tham gia vào quá trình xây dựng hoặc cập nhật sứ mạng, mục tiêu của nhà trường.	36/110 (32.7%)	66/110 (60%)	6/110 (5.5%)	2/110 (1.8%)	
6	Nhà trường công khai thông tin về sứ mạng, mục tiêu đến CBVC - NLĐ.	40/110 (36.4%)	69/110 (62.7%)	1/110 (0.9%)		
7	Công tác tổ chức, quản lý trong đơn vị hiệu quả.	34/110 (30.9%)	73/110 (66.4%)	2/110 (1.8%)	1/110 (0.9%)	

8	Việc phân quyền trong quản lý nhà trường rõ ràng và hợp lý.	35/110 (31.8%)	71/110 (64.5%)	4/110 (3.6%)		
9	Công tác giám sát và kiểm tra nội bộ được thực hiện nghiêm túc.	39/110 (35.5%)	70/110 (63.6%)	1/110 (0.9%)		
10	Quy trình ra quyết định trong đơn vị minh bạch và hiệu quả.	36/110 (32.7%)	71/110 (64.5%)	3/110 (2.7%)		
11	Các kế hoạch chiến lược của nhà trường có tính thực tiễn cao.	31/110 (28.2%)	74/110 (67.3%)	5/110 (4.5%)		
12	Việc quản lý tài chính, cơ sở vật chất được thực hiện minh bạch.	38/110 (34.5%)	69/110 (62.7%)	3/110 (2.7%)		
13	Nhà trường có cơ chế thu hút sự tham gia của CBVC - NLĐ vào các hoạt động quản lý.	31/110 (28.2%)	75/110 (68.2%)	3/110 (2.7%)	1/110 (0.9%)	
14	Các đơn vị trong trường phối hợp tốt trong công tác giảng dạy và nghiên cứu.	36/110 (32.7%)	74/110 (67.3%)			
15	Hệ thống quản lý hành chính trong trường có thân thiện và hỗ trợ tốt cho CBVC - NLĐ.	35/110 (31.8%)	72/110 (65.5%)	2/110 (1.8%)	1/110 (0.9%)	
16	Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong quản lý.	37/110 (33.6%)	70/110 (63.6%)	3/110 (2.7%)		
17	Quy trình đánh giá hiệu quả công việc của CBVC - NLĐ chính xác và công bằng.	33/110 (30%)	74/110 (67.3%)	2/110 (1.8%)	1/110 (0.9%)	
18	Nhà trường có cơ chế phản hồi và giải quyết ý kiến của CBVC - NLĐ.	32/110 (29.1%)	75/110 (68.2%)	3/110 (2.7%)	0/110 (0%)	
19	Chính sách phát triển nhà trường có được xây dựng dựa trên dữ liệu và nghiên cứu thực tế.	30/110 (27.3%)	77/110 (70%)	3/110 (2.7%)	0/110 (0%)	

20	Quý Thầy/Cô hài lòng với mô hình tổ chức và quản lý hiện nay.	31/110 (28.2%)	73/110 (66.4%)	4/110 (3.6%)	2/110 (1.8%)	
21	Quý Thầy/Cô hài lòng với môi trường làm việc hiện tại.	35/110 (31.8%)	72/110 (65.5%)	2/110 (1.8%)	1/110 (0.9%)	
22	Nhà trường có chính sách tuyển dụng nhà giáo minh bạch và công bằng.	39/110 (35.5%)	68/110 (61.8%)	2/110 (1.8%)	1/110 (0.9%)	
23	Đội ngũ CBVC - NLD đủ về số lượng và chất lượng.	33/110 (30%)	71/110 (64.5%)	5/110 (4.5%)	1/110 (0.9%)	
24	Quý Thầy/Cô được tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn.	31/110 (28.2%)	79/110 (71.8%)			
25	Nhà trường có chính sách hỗ trợ nghiên cứu khoa học hiệu quả.	30/110 (27.3%)	75/110 (68.2%)	4/110 (3.6%)	1/110 (0.9%)	
26	Việc phân công nhiệm vụ của CBVC - NLD tại đơn vị hợp lý.	32/110 (29.1%)	72/110 (65.5%)	3/110 (2.7%)	2/110 (1.8%)	
27	Hệ thống đánh giá CBVC - NLD đảm bảo khách quan và chính xác.	32/110 (29.1%)	74/110 (67.3%)	2/110 (1.8%)	1/110 (0.9%)	
28	Nhà trường có chính sách động viên, khen thưởng kịp thời.	34/110 (30.9%)	76/110 (69.1%)			
29	Chế độ đãi ngộ (lương, thưởng, phúc lợi) của nhà trường có hợp lý.	36/110 (32.7%)	71/110 (64.5%)	1/110 (0.9%)	1/110 (0.9%)	
30	Công tác hỗ trợ đời sống (chăm sóc sức khỏe, phúc lợi xã hội) cho CBVC - NLD thực hiện tốt.	36/110 (32.7%)	71/110 (64.5%)	2/110 (1.8%)	1/110 (0.9%)	
31	Nhà trường có chính sách khuyến khích sáng tạo và đổi mới trong giảng dạy.	37/110 (33.6%)	71/110 (64.5%)	1/110 (0.9%)	1/110 (0.9%)	

32	Quý Thầy/Cô hài lòng với cách quản lý của lãnh đạo đơn vị/trường.	34/110 (30.9%)	70/110 (63.6%)	4/110 (3.6%)	2/110 (1.8%)	
33	Đội ngũ CBVC - NLĐ của trường đoàn kết, hợp tác tốt.	35/110 (31.8%)	70/110 (63.6%)	4/110 (3.6%)	1/110 (0.9%)	
34	Nhà trường tạo điều kiện để CBVC - NLĐ đóng góp ý kiến vào các chính sách phát triển.	38/110 (34.5%)	69/110 (62.7%)	2/110 (1.8%)	1/110 (0.9%)	
35	Công tác chăm lo đời sống tinh thần (sinh hoạt chuyên môn, giao lưu, hội thảo) được quan tâm.	38/110 (34.5%)	70/110 (63.6%)	2/110 (1.8%)	0/110 (0%)	
36	Nhà trường có chính sách rõ ràng về phát triển nghề nghiệp và lộ trình thăng tiến.	34/110 (30.9%)	70/110 (63.6%)	4/110 (3.6%)	2/110 (1.8%)	
37	Quý Thầy/Cô có cảm thấy được lắng nghe và tôn trọng trong môi trường làm việc.	33/110 (30%)	70/110 (63.6%)	5/110 (4.5%)	2/110 (1.8%)	
38	Nhà trường có cơ chế tiếp nhận và xử lý phản hồi từ CBVC - NLĐ hiệu quả.	34/110 (30.9%)	72/110 (65.5%)	2/110 (1.8%)	2/110 (1.8%)	
39	Nhà trường có chính sách hỗ trợ CBVC - NLĐ khi gặp khó khăn.	36/110 (32.7%)	71/110 (64.5%)	2/110 (1.8%)	1/110 (0.9%)	
40	Quý Thầy/Cô gắn bó lâu dài với nhà trường.	50/110 (45.5%)	56/110 (50.9%)	3/110 (2.7%)	1/110 (0.9%)	

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 8: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường (8.4.01 - *Các quy trình đã ban hành liên quan đến chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học*).

Hàng năm Nhà trường tổ chức thu thập ý người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường. Công cụ khảo sát được thiết kế phù hợp, dễ tiếp cận, đảm bảo tính ẩn danh, tạo điều kiện để người học chia sẻ ý kiến một cách trung thực (8.4.02 - *Hồ sơ khảo sát người học (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025*)

Năm học 2022-2023, tổng số HSSV của trường tại đến thời điểm tiến hành khảo sát 2117 HSSV; tham gia khảo sát: 655 HSSV (8.4.03 - *Quyết định 1433/QĐ-CDKTCN ngày 21/9/2022 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc phê duyệt danh sách các lớp và số lượng HSSV học tiếp năm học 2022 - 2023 (đợt 1); Quyết định 1576/QĐ-CDKTCN ngày 06/10/2022 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc bổ sung danh sách các lớp và số lượng HSSV học tiếp năm học 2022 - 2023; 8.4.04 - Danh sách người học thu thập ý kiến năm học 2022-2023*).

BẢNG KẾT QUẢ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ NGƯỜI HỌC 2022-2023

Stt	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ				
1	Người học được trường cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Còn phân vân	Không đầy đủ
		378/655 (57.7%)	251/655 (38.3%)	20/655 (3.1%)	6/655 (0.9%)
2	Người học được trường cung cấp đầy đủ thông tin về nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Còn phân vân	Không đầy đủ
		378/655 (57.7%)	250/655 (38.2%)	17/655 (2.6%)	10/655 (1.5%)

3	Người học được trường cung cấp đầy đủ thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Còn phân vân	Không đầy đủ
		359/655 (54.8%)	262/655 (40%)	27/655 (4.1%)	7/655 (1.1)
4	Trường có ban hành chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập, rèn luyện.	Có		Không	
		628/655 (95.9%)		27/655 (4.1%)	
5	Trường kịp thời thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích đối với người học đạt kết quả cao trong quá trình học tập, rèn luyện.	Rất kịp thời	Kịp thời	Còn phân vân	Không kịp thời
		308/655 (47%)	292/655 (44.6%)	42/655 (6.4%)	13/655 (2%)
6	HSSV được các đơn vị trong trường và doanh nghiệp hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện.	Rất kịp thời	Kịp thời	Còn phân vân	Không kịp thời
		314/655 (47.9%)	292/655 (44.6%)	43/655 (6.6%)	6/655 (0.9%)
7	Mọi chế độ chính sách khen thưởng, học bổng đối với HSSV được trường công khai, minh bạch, rõ ràng cho HSSV theo dõi.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		348/655 (53.1%)	277/655 (42.3%)	21/655 (3.2%)	9/655 (1.4%)
8	Khi tham gia học tập tại trường, HSSV luôn được đối xử bình đẳng, không phân	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		367/655 (56%)	254/655 (38.8%)	24/655 (3.7%)	10/655 (1.5%)

	biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.				
9	HSSV đánh giá thế nào về sự đối xử bình đẳng không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân của các đơn vị trong trường đối với HSSV.	Rất tốt	Tốt	Còn phân vân	Không tốt
		382/655 (58.3%)	240/655 (36.6%)	27/655 (4.1%)	6/655 (0.9%)
10	Ký túc xá của trường đảm bảo đủ chỗ ở, điện, nước, cho sinh hoạt và học tập của người học.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		245/551 (44.5%)	243/551 (44.1%)	53/551 (9.6%)	10/551 (1.8%)
11	Ký túc xá của trường đảm bảo vệ sinh và các thiết bị tối thiểu khác cho sinh hoạt và học tập của người học.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		237/551 (43%)	241/551 (43.7%)	61/551 (11.1%)	12/551 (2.2%)
12	Bảng tin ở ký túc xá công khai các thông tin về ăn/ở học tập/vui chơi giải trí cho người học.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		231/548 (42.2%)	246/548 (44.9%)	61/548 (11.1%)	10/548 (1.8%)
13	Trường có bộ phận chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho HSSV (khám, cấp thuốc, sơ cứu, thực hiện các chế độ bảo hiểm...).	Có		Không	
		637/655 (97.3%)		18/655 (2.7%)	
14	Dịch vụ ăn uống tại căn tin đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	Rất tốt	Tốt	Còn phân vân	Không tốt
		300/655 (45.8%)	257/655 (39.3%)	69/655 (10.5%)	29/655 (4.4%)
15		Rất tốt	Tốt	Còn	Không tốt

	Dịch vụ ăn uống tại ký túc xá đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.			phân vân	
		226/557 (40.6%)	231/557 (41.5%)	76/557 (13.6%)	24/557 (4.3%)
16	Trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để người học luyện tập, tham gia các hoạt động phong trào văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		345/655 (52.7%)	272/655 (41.5%)	28/655 (4.3%)	10/655 (1.5%)
17	Khi tham gia học tập, rèn luyện trong khuôn viên trường, nhà trường luôn quan tâm và thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn cho người học.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		325/655 (49.6%)	289/655 (44.1 %)	32/655 (4.9%)	9/655 (1.4%)
18	HSSV đánh giá thế nào về Môi trường xã hội xung quanh khuôn viên trường (tệ nạn xã hội, an ninh, an toàn, vui chơi giải trí...).	Rất tốt	Tốt	Còn phân vân	Không tốt
		303/655 (46.2%)	263/655 (40.2 %)	55/655 (8.4%)	34/655 (5.2%)
19	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		310/655 (47.3%)	294/655 (44.9%)	42/655 (6.4%)	9/655 (1.4%)
20	Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành,	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý

	phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành (độ sáng, độ thông gió, tiếng ồn, độ an toàn điện, an toàn cháy, nổ...)	315/655 (48.1%)	290/655 (44.3%)	39/655 (5.9%)	11/655 (1.7%)
21	Trường có diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		320/655 (48.9%)	296/655 (45.2%)	28/655 (4.5%)	9/655 (1.4%)
22	Trường có ban hành văn bản quy định sử dụng trang thiết bị an toàn lao động và bảo hộ lao động.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		313/655 (48.5%)	298/655 (45.5%)	30/655 (4.6%)	9/655 (1.4%)
23	Hàng năm, trường đều tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc và nhận được tư vấn việc làm từ các nhà tuyển dụng.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		313/655 (48.5%)	287/655 (43.8%)	45/655 (6.9%)	5/655 (0.8%)
24	HSSV đánh giá thế nào về tính hiệu quả của hội chợ việc làm mà nhà trường đã tổ chức hoặc phối hợp tổ chức.	Rất tốt	Tốt	Còn phân vân	Không tốt
		305/655 (46.6%)	290/655 (44.3%)	52/655 (7.9%)	8/655 (1.2%)
25	Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định như: Chính sách miễn, giảm học phí, gia đình khó khăn, hộ miền núi, dân tộc thiểu số ...	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		344/655 (52.5%)	282/655 (43.1%)	25/655 (3.8%)	4/655 (0.6%)

26	Trường có ban hành quy định nhà giáo chủ nhiệm, tư vấn học tập cho người học.	Có		Không	
		634/655 (96.8%)		21/655 (3.2%)	
27	Trường kịp thời tổ chức tư vấn học tập, tư vấn hướng nghiệp, việc làm, khả năng khởi nghiệp người học trong quá trình học tập.	Rất kịp thời	Kịp thời	Còn phân vân	Không kịp thời
		325/655 (49.6%)	293/655 (44.7%)	30/655 (4.6%)	7/655 (1.1%)
28	Hàng năm, trường có cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm.	Có		Không	
		641/655 (97.9%)		14/655 (2.1%)	
29	Hàng năm, trường thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	Rất tốt	Tốt	Còn phân vân	Không tốt
		330/655 (50.4%)	278/655 (42.4%)	42/655 (6.4%)	5/655 (0.8%)
30	HSSV đánh giá thế nào về việc nhà trường thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp	Rất tốt	Tốt	Còn phân vân	Không tốt
		354/655 (54%)	265/655 (40.5%)	30/655 (4.6%)	6/655 (0.9%)
31	Hàng năm để chào mừng các ngày lễ lớn, trường tổ chức nhiều hoạt động vui chơi, thể dục, thể thao cho HSSV tham gia.	Rất tốt	Tốt	Còn phân vân	Không tốt
		334/655 (51 %)	272/655 (41.5%)	43/655 (6.6%)	6/655 (09%)
32	Hàng năm, trường có tổ chức cho HSSV tham gia các hoạt động xã hội như: Dọn dẹp vệ sinh bờ biển, hiến máu nhân đạo, mùa hè	Có		Không	
		631/655 (96.3 %)		24/655 (3.7%)	

	xanh, ủng hộ thiên tai, bảo, lụt, gia đình khó khăn...				
33	Trường có đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và đạt mức tương đương công nghệ tiên tiến áp dụng tại doanh nghiệp trong chương trình đào tạo.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		327/647 (50.5 %)	275/647 (42.5%)	36/647 (5.6%)	9/647 (1.4%)
34	Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành. Đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		344/647 (53.2%)	268/647 (41.4%)	26/647 (4%)	9/647 (1.4%)
35	Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo phục vụ dạy và học cho từng mô đun/môn học.	Có		Không	
		609/646 (94.3 %)		37/646 (5.7%)	

**BẢNG KẾT QUẢ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC
2022-2023**

Tổng số HSSV của trường tại đến thời điểm tiến hành khảo sát 2117 HSSV; tham gia khảo sát: 1002 HSSV

1	Mục tiêu đào tạo của nghề học rõ ràng.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
---	--	------------	--------	--------------	--------------

		426/1002 (42,5 %)	573/1002 (57,2%)	3/1002 (0,3%)	
2	Nội dung CTĐT bảo đảm đạt được mục tiêu của nghề học.	306/1002 (30,5%)	691/1002 (68,9%)	5/1002 (0,6%)	
3	Hình thức, phương thức đào tạo tại trường hiệu quả và phù hợp.	294/1002 (29,3 %)	694/1002 (69,2 %)	14/1002 (1,5 %)	
4	Tỉ lệ học giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý.	408/1022 (40,7%)	572/1002 (57,1%)	22/1002 (2,2%)	
5	Thời lượng của CTĐT đủ để phát triển kiến thức, kỹ năng theo mục tiêu đào tạo.	515/1002 (51,3%)	479/1002 (47,9%)	8/1022 (0,8%)	
6	Các môn học/mô đun trong CTĐT có sự gắn kết với nhau.	520/1002 (51,9%)	473/1002 (47,2%)	9/10022 (0,9%)	
7	Thời gian học tập theo thời khóa biểu hiện tại là phù hợp.	301/1002 (30 %)	690/1002 (68,9%)	11/1002 (1,1 %)	
8	Nhà giáo có sử dụng các phương pháp dạy học nhằm khuyến khích khả năng tự tư duy, năng động, sáng tạo của người học.	419/1002 (41,8 %)	561/1002 (56%)	22/1002 (2,2 %)	
	Người học được tham gia học tập, thực tập sản xuất tại các doanh nghiệp trong quá trình học.	405/1002 (40,5 %)	586/1002 (58,4 %)	11/1002 (1,1 %)	
9	Hình thức thi, kiểm tra kết thúc môn đánh giá phù hợp với tất cả các môn học/ mô đun.	383/1002 (38,2%)	598/1002 (59,7 %)	21/1002 (2,1 %)	
10	Kết quả thi, kiểm tra kết thúc môn xác định chính xác kết quả học tập của người học.	293/1002 (29,3 %)	695/1002 (69,3 %)	14/1002 (1,4 %)	
11	Cơ sở vật chất, thư viện đáp ứng đầy đủ cho người học.	309/1002 (30,8 %)	681/1002 (68 %)	12/1002 (1,2 %)	

12	Chương trình, giáo trình đầy đủ và phù hợp với mục tiêu đào tạo của nghề.	416/1002 (41,5 %)	571/1002 (57 %)	15/1002 (1,5 %)	
13	Nhà trường thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ chính sách cho HSSV.	323/1002 (32,2 %)	668/1002 (66,7 %)	11/1002 (1,1 %)	
14	Đội ngũ nhà giáo có trình độ chuyên môn cao, áp dụng đa dạng phương thức dạy học.	312/1002 (31,2 %)	683/1002 (68,1%)	7/1002 (0,7 %)	
15	Nhà trường thực hiện đầy đủ các dịch vụ, các hoạt động hỗ trợ cho HSSV.	407/1002 (40,7 %)	586/1002 (58,4 %)	9/1002 (0,9 %)	
16	Nhà giáo có sử dụng các phương pháp dạy học nhằm khuyến khích khả năng tự tư duy, năng động, sáng tạo của người học.	419/1002 (41,8 %)	561/1002 (56 %)	22/1002 (2,2 %)	

Năm học 2023-2024, tổng số HSSV của trường tính đến thời điểm tiến hành khảo sát 2042 HSSV; tham gia khảo sát: 854 HSSV(8.4.05 - *Quyết định 1627/QĐ-CDKTCN ngày 19/9/2023 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Phê duyệt danh sách các lớp và số lượng HSSV học tiếp năm học 2023 - 2024; Quyết định 1823/QĐ-CDKTCN ngày 16/10/2023 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Về việc bổ sung danh sách các lớp và số lượng HSSV học tiếp năm học 2023 - 2024; 8.4.06 - Danh sách người học được thu thập ý kiến năm học 2023-2024).*

BẢNG KẾT QUẢ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ NGƯỜI HỌC 2023-2024

Stt	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ				
1	Người học được trường cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Còn phân vân	Không đầy đủ
		482/854 (56.4%)	349/854 (40.9%)	17/854 (2%)	6/854 (0.7%)

2	Người học được trường cung cấp đầy đủ thông tin về nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Còn phân vân	Không đầy đủ
		475/854 (55.6%)	352/854 (41.2%)	18/854 (2.1%)	9/854 (1.1%)
3	Người học được trường cung cấp đầy đủ thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Còn phân vân	Không đầy đủ
		449/854 (52.6%)	373/854 (43.7%)	25/854 (2.9%)	7/854 (0.8)
4	Trường có ban hành chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập, rèn luyện.	Có		Không	
		829/854 (97.1%)		25/854 (2.9%)	
5	Trường kịp thời thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích đối với người học đạt kết quả cao trong quá trình học tập, rèn luyện.	Rất kịp thời	Kịp thời	Còn phân vân	Không kịp thời
		423/854 (49.5%)	387/854 (45.3%)	32/854 (3.7%)	12/854 (1.4%)
6	HSSV được các đơn vị trong trường và doanh nghiệp hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện.	Rất kịp thời	Kịp thời	Còn phân vân	Không kịp thời
		428/854 (50.1%)	386/854 (45.2%)	29/854 (3.4%)	11/854 (1.3%)
7	Mọi chế độ chính sách khen thưởng, học bổng đối với HSSV được trường công khai, minh bạch, rõ ràng cho HSSV theo dõi.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		453/854 (53%)	369/854 (43.2%)	22/854 (2.8%)	8/854 (0.9%)
8	Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định như: Chính sách miễn, giảm học phí,	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		482/854	343/854	20/854	9/854

	gia đình khó khăn, hộ miền núi, dân tộc thiểu số ...	(56.4%)	(40.2%)	(2.3%)	(1.1%)
9	Khi tham gia học tập tại trường, HSSV luôn được đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		463/854 (54.2%)	364/854 (42.6%)	18/854 (2.1%)	9/854 (1.1%)
10	HSSV đánh giá thế nào về sự đối xử bình đẳng không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân của các đơn vị trong trường đối với HSSV.	Rất tốt	Tốt	Còn phân vân	Không đồng ý
		459/854 (53.7%)	366/854 (42.9%)	21/854 (2.5%)	8/854 (0.9%)
11	Ký túc xá của trường đảm bảo vệ sinh và các thiết bị tối thiểu khác cho sinh hoạt và học tập của người học.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		388/831 (46.7%)	382/831 (46%)	53/831 (6.4%)	8/831 (1%)
12	Ký túc xá của trường đảm bảo vệ sinh và các thiết bị tối thiểu khác cho sinh hoạt và học tập của người học.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		369/831 (44.4%)	396/831 (47.7%)	61/831 (7.3%)	5/831 (0.6%)
13	Bảng tin ở ký túc xá công khai các thông tin về ăn/ở học tập/vui chơi giải trí cho người học.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		374/825 (45.3%)	381/825 (46.2%)	59/825 (7.2%)	11/825 (1.3%)
14	Trường có bộ phận chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho HSSV (khám, cấp thuốc, sơ cứu, thực hiện các chế độ bảo hiểm...).	Có		Không	
		830/854 (97.2%)		24/854 (2.8%)	
15	Dịch vụ ăn uống tại căn tin đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	Rất tốt	Tốt	Còn phân vân	Không tốt
		390/854 (45.7%)	381/854 (44.6%)	62/854 (7.3%)	21/854 (2.5%)
16		Rất tốt	Tốt	Còn	Không tốt

	Dịch vụ ăn uống tại ký túc xá đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	371/830 (44.7%)	369/830 (44.5%)	phân vân 72/830 (8.7%)	18/830 (2.2%)
17	Trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để người học luyện tập, tham gia các hoạt động phong trào văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		415/854 (48.6%)	397/854 (46.5%)	34/854 (4%)	8/854 (0.9%)
18	Hàng năm để chào mừng các ngày lễ lớn, trường tổ chức nhiều hoạt động vui chơi, thể dục, thể thao cho HSSV tham gia.	Rất tốt	Tốt	Còn phân vân	Không tốt
		429/854 (50.2%)	373/854 (43.7%)	41/854 (4.8%)	11/854 (1.3%)
19	Hàng năm, trường có tổ chức cho HSSV tham gia các hoạt động xã hội như: Dọn dẹp vệ sinh bờ biển, hiến máu nhân đạo, mùa hè xanh, ủng hộ thiên tai, bão, lụt, gia đình khó khăn...	Có		Không	
		822/854 (96.3%)		32/854 (3.7%)	
20	Khi tham gia học tập, rèn luyện trong khuôn viên trường, nhà trường luôn quan tâm và thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn cho người học.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		439/854 (51.4%)	383/854 (44.8 %)	26/854 (3%)	6/854 (0.7%)
21	HSSV đánh giá thế nào về Môi trường xã hội xung quanh khuôn viên trường (tệ nạn xã hội, an ninh, an toàn, vui chơi giải trí...).	Rất tốt	Tốt	Còn phân vân	Không tốt
		414/854 (48.5%)	371/854 (43.4 %)	52/854 (6.1%)	17/854 (2%)
22	Trường có diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		429/854 (50.2%)	391/854 (45.8%)	26/854 (3.3%)	6/854 (0.7%)

23	Trường có ban hành văn bản quy định sử dụng trang thiết bị an toàn lao động và bảo hộ lao động.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		433/854 (50.7%)	384/854 (45%)	26/854 (3%)	11/854 (1.3%)
24	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		425/854 (49.8%)	395/854 (46.3%)	30/854 (3.5%)	4/854 (0.5%)
25	Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành (độ sáng, độ thông gió, tiếng ồn, độ an toàn điện, an toàn cháy, nổ...)	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		424/854 (49.6%)	383/854 (44.9%)	39/854 (4.6%)	8/854 (0.9%)
26	Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành. Đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		421/839 (50.2%)	374/839 (44.6%)	39/839 (4.6%)	5/839 (0.6%)
27	Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo phục vụ dạy và học cho từng mô đun/môn học.	Có		Không	
		791/842 (93.9%)		51/842 (6.1%)	
28	Hàng năm, trường đều tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý

	làm để người học tiếp xúc và nhận được tư vấn việc làm từ các nhà tuyển dụng.	431/854 (50.5%)	371/854 (43.4%)	42/854 (4.9%)	10/854 (1.2%)
29	HSSV đánh giá thế nào về tính hiệu quả của hội chợ việc làm mà nhà trường đã tổ chức hoặc phối hợp tổ chức.	Rất tốt	Tốt	Còn phân vân	Không tốt
		430/854 (50.4%)	372/854 (43.6%)	45/854 (5.3%)	7/854 (0.8%)
30	Hàng năm, trường có cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm.	Có		Không	
		825/854 (96.6%)		29/854 (3.4%)	
31	Trường có ban hành quy định nhà giáo chủ nhiệm, tư vấn học tập cho người học.	Có		Không	
		827/854 (96.8%)		27/854 (3.2%)	
32	Trường kịp thời tổ chức tư vấn học tập, tư vấn hướng nghiệp, việc làm, khả năng khởi nghiệp người học trong quá trình học tập.	Rất kịp thời	Kịp thời	Còn phân vân	Không kịp thời
		449/854 (52.6%)	368/854 (43.1%)	32/854 (3.7%)	5/854 (0.6%)
33	Hàng năm, trường thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	Rất tốt	Tốt	Còn phân vân	Không tốt
		445/854 (52.1%)	367/854 (43%)	37/854 (4.4%)	5/854 (0.6%)
34	HSSV đánh giá thế nào về việc nhà trường thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	Rất tốt	Tốt	Còn phân vân	Không tốt
		448/854 (52.5%)	362/854 (42.4%)	36/854 (4.2%)	8/854 (0.9%)

BẢNG KẾT QUẢ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC
2023-2024

Stt	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ				
1	Mục tiêu đào tạo của nghề học rõ ràng.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		455/854 (53.3%)	371/854 (43.4%)	19/854 (2.2%)	9/854 (1.1%)
2	Nội dung chương trình đào tạo bảo đảm đạt được mục tiêu của nghề học.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		447/854 (52.3%)	370/854 (43.3%)	24/854 (3%)	12/854 (1.4%)
3	Nội dung chương trình đào tạo bảo đảm đạt được mục tiêu của nghề học.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		431/854 (50.5%)	384/854 (45%)	27/854 (3.2%)	12/854 (1.4%)
4	Tỉ lệ học giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		429/854 (50.2%)	383/854 (44.8%)	30/854 (3.5%)	11/854 (1.3%)
5	Thời lượng của chương trình đào tạo đủ để phát triển kiến thức, kỹ năng theo mục tiêu đào tạo.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		426/854 (49.9%)	395/854 (46.3%)	24/854 (2.8%)	9/854 (1.1%)
6	Các môn học/mô đun trong chương trình đào tạo có sự gắn kết với nhau.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		423/854 (49.5%)	394/854 (46.1%)	29/854 (3.4%)	8/854 (0.9%)
7	Thời gian học tập theo thời khóa biểu hiện tại là phù hợp.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		411/854 (48.1%)	395/854 (46.3%)	36/854 (4.2%)	11/854 (1.3%)

8	Nhà trường có đủ nhà xưởng, phương tiện, trang thiết bị thực hành đáp ứng việc rèn luyện kỹ năng trong học tập.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		417/854 (48.8%)	406/854 (47.5%)	24/854 (2.8%)	7/854 (0.8%)
9	Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo hỗ trợ học tập.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		423/854 (49.5%)	399/854 (46.7%)	26/854 (3%)	6/854 (0.7%)
10	Các nhà giáo có vận dụng kiến thức thực tiễn vào các bài giảng.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		430/854 (50.4%)	386/854 (45.2%)	32/854 (3.7%)	6/854 (0.7%)
11	Nhà giáo hướng dẫn học sinh, sinh viên thực hành nghề một cách thường xuyên thông qua mỗi môn học tích hợp.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		421/854 (49.3%)	403/854 (47.2%)	25/854 (2.9%)	5/854 (0.6%)
12	Nhà giáo có sử dụng các phương pháp dạy học nhằm khuyến khích khả năng tự tư duy, năng động, sáng tạo của người học.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		417/854 (48.8%)	395/854 (46.3%)	34/854 (4%)	8/854 (0.9%)
13	Người học được tham gia thực tập sản xuất tại các doanh nghiệp trong quá trình học	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		427/854 (50%)	388/854 (45.4%)	32/854 (3.7%)	7/854 (0.8%)
14	Hình thức thi kết thúc môn đánh giá phù hợp với tất cả các môn học/ mô đun.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		425/854 (49.8%)	389/854 (45.6%)	32/854 (3.7%)	8/854 (0.9%)
15		Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý

	Kết quả thi kết thúc môn xác định chính xác kết quả học tập của người học.	426/854 (49.9%)	385/854 (45.1%)	31/854 (3.6%)	12/854 (1.4%)
16	Loại hình đào tạo hiện tại là phù hợp với điều kiện và khả năng của người học.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		419/854 (49.1%)	390/854 (45.7%)	36/854 (4.2%)	9/854 (1%)
17	Kết quả thi kết thúc môn được công bố kịp thời cho người học.	Rất đồng ý	Đồng ý	Còn phân vân	Không đồng ý
		415/854 (48.6%)	399/854 (46.7%)	30/854 (3.5%)	10/854 (1.2%)

Năm học 2024-2025, tổng số HSSV của trường tại đến thời điểm tiến hành khảo sát 2357 HSSV; tham gia khảo sát: 809 HSSV(8.4.07- Các Quyết định về việc phê duyệt danh sách các lớp và số lượng HSSV học tiếp năm học 2024 - 2025; 8.4.08 - Danh sách người học được thu thập ý kiến năm học 2024-2025).

BẢNG KẾT QUẢ KHẢO SÁT KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ NGƯỜI HỌC, CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO 2024-2025

Stt	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ					
1	Người học được trường cung cấp đầy đủ thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		377/809 (46,6%)	338/809 (41,8%)	80/809 (9,9%)	9/809 (1,1%)	5/809 (0,6%)
2	Hình thức đào tạo (trực tiếp, trực tuyến, kết hợp...) phù hợp với nội dung môn học/ mô đun và điều kiện học tập của người học	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		72/809 (46%)	370/809 (45,7%)	55/809 (6,9)	9/809 (1,1%)	3/809 (0,3%)

3	Phương pháp giảng dạy của nhà giáo đa dạng, giúp người học dễ hiểu và tiếp thu hiệu quả.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		370/809 (45,7%)	363/809 (44,9%)	57/809 (7%)	15/809 (1,9%)	4/809 (0,5%)
4	Chương trình đào tạo và hình thức đào tạo phù hợp với định hướng nghề nghiệp của người học.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		376/809 (46,5%)	361/809 (44,6%)	58/809 (7,2%)	10/809 (1,2%)	4/809 (0,5%)
5	Nhà trường cung cấp các nền tảng học trực tuyến (phần mềm, LMS, E-learning,...) giúp người học dễ dàng tham gia học tập	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		364/809 (45%)	354/809 (43,8%)	76/809 (9,4%)	14/809 (1,7%)	1/809 (0,1%)
6	Các bài kiểm tra, thi, đánh giá được tổ chức công bằng, minh bạch và phản ánh đúng năng lực học tập.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		372/809 (46%)	366/809 (45,3%)	60/809 (7,4%)	6/809 (0,7%)	5/809 (2,6%)
7	Người học nhận được phản hồi từ nhà giáo giúp cải thiện kỹ năng và kiến thức.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		371/809 (45,9%)	368/809 (45,5%)	57/809 (7%)	10/809 (1,2%)	3/809 (0,4%)
8	Nhà trường thực hiện đầy đủ các chính sách khuyến khích người học tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện đề tài, khoa học kỹ thuật và đổi mới sáng tạo?	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		377/809 (46,6%)	333/809 (41,2%)	79/809 (9,8%)	15/809 (1,9%)	5/809 (0,6%)
9	Tham gia hoạt động nghiên	Có		Không		

	cứu khoa học, thực hiện đề tài, khoa học kỹ thuật và đổi mới sáng tạo góp phần nâng cao trình độ, kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề cho người học?	755/809 (93,3%)		54/809 (6,7%)		
10	Kết quả nghiên cứu khoa học, thực hiện đề tài, khoa học kỹ thuật và đổi mới sáng tạo thực sự đem lại hiệu quả cho người học?	Có		Không		
		773/809 (95,6%)		36/809 (4,4%)		
11	Trường ban hành chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập, rèn luyện.	Có		Không		
		781/809 (96,5%)		28/809 (3,5%)		
12	Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định như: Chính sách miễn, giảm học phí, gia đình khó khăn, hộ miền núi, dân tộc thiểu số ...	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		392/809 (48,5%)	327/809 (40,4%)	72/809 (8,9%)	9/809 (1,1%)	9/809 (1,1%)
13	Trường kịp thời thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích đối với người học đạt kết quả cao trong quá trình học tập, rèn luyện.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		381/809 (47,1%)	322/809 (39,8%)	87/809 (10,8%)	14/809 (1,7%)	5/809 (0,6%)

14	Người học được các đơn vị trong trường và doanh nghiệp hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		378/809 (46,7%)	325/809 (40,3%)	91/809 (11,2%)	10/809 (1,2%)	5/809 (0,6%)
15	Các chế độ chính sách khen thưởng, học bổng đối với người học được trường công khai, minh bạch, rõ ràng cho người học theo dõi.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		380/809 (47%)	333/809 (41,2%)	82/809 (10,1%)	10/809 (1,2%)	4/809 (0,5%)
16	Khi tham gia học tập tại trường, người học luôn được đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		383/809 (47,3%)	320/809 (39,6%)	85/809 (10,5%)	12/809 (1,5%)	9/809 (1,1%)
17	Ký túc xá của trường đảm bảo vệ sinh và các thiết bị tối thiểu khác cho sinh hoạt và học tập của người học.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		353/809 (43,6%)	322/809 (39,8%)	115/809 (14,2%)	13/809 (1,6%)	6/809 (0,7%)
18	Trường đã thực hiện công tác y tế trường học và hỗ trợ cho người học được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe (khám, cấp thuốc, sơ cứu, thực hiện các chế độ bảo hiểm...).	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		364/809 (45%)	326/809 (40,3%)	106/809 (13,1%)	9/809 (1,1%)	4/809 (0,5%)
19	Dịch vụ ăn uống tại căn tin đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		353/809 (43,6%)	302/809 (27,4%)	116/809 (14,3%)	22/809 (2,7%)	16/809 (2%)

20	Trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để người học luyện tập, tham gia các hoạt động phong trào văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội.	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		363/809 (44,9%)	338/809 (41,8%)	91/809 (11,2%)	13/809 (1,6%)	4/809 (0,5%)
21	Nhà trường luôn quan tâm và thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm an toàn cho người học tham gia học tập và rèn luyện	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		363/809 (44,9%)	337/809 (41,7%)	93/809 (11,4%)	12/809 (1,5%)	4/809 (0,5%)
22	HSSV đánh giá thế nào về Môi trường xã hội xung quanh khuôn viên trường (tệ nạn xã hội, an ninh, an toàn, vui chơi giải trí...).	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		380/809 (47%)	306/809 (37,8%)	88/809 (10,9%)	18/809 (2,2%)	17/809 (2,1%)
23	Trường đã xây dựng và thực hiện nghiêm túc Bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường	Rất đầy đủ	Đầy đủ	Không ý kiến	Còn phân vân	Không đầy đủ
		375/809 (46,4%)	330/809 (40,8%)	89/809 (11%)	10/809 (1,2%)	5/809 (0,6%)

Kết quả khảo sát được phân tích và sử dụng làm căn cứ quan trọng để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo (8.4.09 - Báo cáo đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo được thiết lập từ kết quả khảo sát năm 2023,2024,2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 8: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8.5: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hoạt động tự đánh giá chất lượng GDNN có vai trò rất quan trọng trong công tác đào tạo. Nhằm mục đích nâng cao nhận thức của CBVC-NLĐ và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng của Nhà trường theo tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đồng thời khắc phục những tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, xây dựng và phát triển Trường vững mạnh toàn diện.

Tuân thủ thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và chuẩn kiểm định chất lượng theo quy định, do đó hàng năm Nhà trường đều tổ chức thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và chất lượng chương trình đào tạo đúng quy định hiện hành.

Thực hiện theo Thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐ quy định, năm 2025 Nhà trường đã lập kế hoạch tự đánh giá, thành lập Hội đồng tự đánh giá và tổ chức thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo đang được đào tạo tại Trường (1.3.13 - Công văn số 96/CKĐCL-KĐ ngày 12/5/2020 về việc tự đánh giá chất lượng GDNN; 1.3.14 - Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2023, 2024, 2025; 1.3.15 - Kế hoạch phê duyệt Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2023, 2024, 2025; 1.3.16 - Các Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2023, 2024, 2025; 1.3.17 - Kế hoạch về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2023, 2024, 2025; 1.3.18 - Kế hoạch công tác của phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024; 2024-2025; 1.3.19 - Các Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026 của các đơn vị).

Căn cứ kế hoạch, tổ chức thực hiện tự đánh giá năm 2022, 2023, 2024, kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, chất lượng các chương trình đào tạo của Trường đều đạt tiêu chí tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và kết quả tự đánh giá được Nhà trường được công khai trên trang Website của trường và báo cáo cho cơ quan cấp trên theo đúng quy định (8.5.01 - Báo cáo về kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2023; 8.5.02 - Báo cáo về kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024; 8.5.03 - Báo cáo về kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2025; 8.5.04 - Website: <http://cdktcnnt.edu.vn>).

Nhà trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. Hàng năm, lập kế hoạch cụ thể và đề ra các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá.

Kết hợp kết quả đánh giá ngoài về chương trình đào nghề Công nghệ thông tin(UDPM) và nghề Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí và kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN của Trường năm 2024. Nhà trường đã tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch khắc phục những tồn tại trong hoạt động bảo đảm chất lượng, phân công các đơn vị theo chức năng tổ chức thực hiện (8.5.05 - Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2022; 8.5.06 - Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023; 8.5.07 - Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2024; 1.3.07 - Thông báo những tồn tại công tác Bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024; 1.3.08 - Kế hoạch khắc phục những tồn tại công tác Bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024; 1.3.10 - Kế hoạch về việc xây dựng và phát triển hệ thống Bảo đảm chất lượng GDNN của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025; 1.3.09 - Báo cáo kết quả khắc phục tồn tại trong công tác Bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024 của các đơn vị; 8.5.08 - Báo cáo về kết quả tự đánh giá chất lượng các CTĐT năm 2023; 8.5.09 - Báo cáo về kết quả tự đánh giá chất lượng các CTĐT năm 2024; 8.5.10 - Báo cáo về kết quả tự đánh giá chất lượng các CTĐT năm 2025; 8.5.11 - Báo tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2023; 8.5.12 - Báo tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2024; 8.5.13 - Báo tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 8: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8.6: Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, để đánh giá được chất lượng đào tạo, sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp làm đúng ngành nghề được đào tạo, Trường lập kế hoạch tổ chức điều tra lần vết đối với HSSV tốt nghiệp cho các nghề đào tạo của Trường (8.1.04 - Quyết định tốt nghiệp năm học 2022 - 2023, 2023-2024, 2024-2025; 8.6.01- Danh sách HSSV tốt nghiệp năm 2023, 2024, 2025).

Để quá trình điều tra lần vết hiệu quả, Nhà trường tổ chức thực hiện theo trình tự cụ thể: Xây dựng kế hoạch điều tra lần vết, lập phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát. Qua tổng hợp thu thập khảo sát, cho thấy trên 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp (8.6.02- *Hồ sơ khảo sát người học tốt nghiệp có việc làm (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025*).

Bảng tỉ lệ có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp năm 2023

TT	Nghề	SLSV tốt nghiệp	SLSV thực hiện KS	SLSV có việc làm phù hợp	Tỷ lệ (%)	Có việc làm trước khi tốt nghiệp	Có việc làm dưới 1 tháng	Có việc làm từ 1 - 3 tháng	Trên 3 tháng đến dưới 06 tháng
1	Công nghệ ô tô	69	69	63	91	5	17	25	16
2	Cắt gọt kim loại	12	12	11	92	1	4	4	2
3	Điện công nghiệp	53	53	50	94	8	14	27	1
4	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	46	46	44	96	2	10	22	10
5	Công nghệ thông tin	39	39	37	95	2	10	12	13
6	Kỹ thuật chế biến món ăn	19	19	17	89	3	8	5	1
7	Quản trị khách sạn	31	31	30	97	8	11	8	3
8	Điện tử công nghiệp	11	11	10	91	0	4	4	2
9	Chế biến thực phẩm	13	13	13	100	3	5	4	1

10	Kỹ thuật xây dựng	18	18	17	94	2	7	6	2
11	Kế toán doanh nghiệp	10	10	10	100	0	4	3	3
12	Điện dân dụng	7	7	6	86	1	3	2	0
	Tổng cộng	358	358	340		35	97	122	54

Bảng tỉ lệ có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp năm 2024

TT	Ngành	SLSV tốt nghiệp	SLSV thực hiện KS	SLSV có việc làm phù hợp	Tỷ lệ (%)	Có việc làm trước khi tốt nghiệp	Có việc làm dưới 1 tháng	Có việc làm từ 1 - 3 tháng	Trên 3 tháng đến dưới 06 tháng
1	Công nghệ ô tô	86	86	81	94,2	10	8	50	13
2	Cắt gọt kim loại	12	12	11	91,7		2	5	4
3	Điện công nghiệp	19	19	18	94,7	2	4	7	5
4	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	35	35	33	94,3	3	1	8	21
5	Công nghệ thông tin	51	51	47	92,2	2	4	12	29
6	Kỹ thuật chế biến món ăn	21	21	20	95,2	5	7	7	1
7	Quản trị khách sạn	17	17	16	94,1	2	4	7	3
8	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	11	11	10	90,9	0	1	5	4

9	Chế biến thực phẩm	10	10	9	90	3	4	1	1
10	Kỹ thuật xây dựng	14	14	13	92,9	1	1	7	4
11	Kế toán doanh nghiệp	7	7	7	100	0	0	3	4
12	Điện dân dụng	5	5	5	100	0	0	4	1
	Tổng cộng	288	288	270		28	36	116	90

Bảng tỉ lệ có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp năm 2025

TT	Nghề	SLSV tốt nghiệp	SLSV thực hiện KS	SLSV có việc làm phù hợp	Tỷ lệ (%)	Có việc làm trước khi tốt nghiệp	Có việc làm dưới 1 tháng	Có việc làm từ 1 - 3 tháng	Trên 3 tháng đến dưới 06 tháng
1	Công nghệ ô tô	134	134						
2	Cắt gọt kim loại	12	12						
3	Điện công nghiệp	60	60						
4	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	41	41						
5	Công nghệ thông tin	85	85			2	5	16	10
6	Kỹ thuật chế biến món ăn	21	21			4	4	1	
7	Quản trị khách sạn	36	36			3	4	6	10
8	Công nghệ kỹ thuật Điện–điện tử	12	12						

9	Chế biến thực phẩm	9	9			3	1	1	4
10	Kỹ thuật xây dựng	12	12			0	5	5	1
11	Kế toán doanh nghiệp	14	14			1	2	3	4
12	Hướng dẫn du lịch	11	11						
	Tổng cộng	447	447	55		0	0	0	0

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 8: 2 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CS GDNN

1. Tiêu chí 1

Tiếp tục, duy trì công tác phổ biến mục tiêu, nhiệm vụ của Trường chú trọng đến chất lượng đào tạo, hiệu quả của người học sẽ phản ánh, quảng bá hình ảnh của Trường một cách hiệu quả nhất.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác khảo sát nhu cầu học tập của HSSV và nhu cầu của các Doanh nghiệp hàng năm; qua đó phân tích thực tế nhu cầu nghề nghiệp của người học so với nhu cầu xã hội đang cần làm cơ sở cho việc bổ sung, điều chỉnh mục tiêu và quy mô nghề đào tạo.

Tiếp tục tổ chức định hướng tư vấn nghề nghiệp thường xuyên, định kỳ cho đối tượng học sinh trong các Trường THPT, THCS trên địa bàn tỉnh.

Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý phù hợp và đáp ứng như cầu thực tiễn.

2. Tiêu chí 2

Tiếp tục đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học: Trường nghiên cứu biên soạn, hợp tác với các đơn vị có liên quan mở rộng hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn một số nghề trong Trường.

Tiếp tục tăng cường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các nghề tại đơn vị sử dụng lao động.

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, tiến độ, chất lượng đào tạo.

3. Tiêu chí 3

Tiếp tục thực hiện kế hoạch cử CBQL, nhà giáo học tập nâng cao về chuyên môn, lý luận chính trị, kỹ năng nghề, ngoại ngữ, tin học để đáp ứng chuẩn đào tạo các nghề trọng điểm và đạt chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao, phục vụ công tác đào tạo của Nhà trường ngày càng tốt hơn.

Tăng cường các hoạt động quảng bá hình ảnh của Trường, đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ nhằm tạo nguồn thu để hỗ trợ CBVC-NLĐ đi đào tạo, bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị.

Tổ chức cho nhà giáo đi tham quan thực tế tại các trường có đào tạo chuyên ngành giảng dạy, tạo điều kiện cho nhà giáo học tập kinh nghiệm để áp dụng vào giảng dạy tại đơn vị ngày càng hiệu quả hơn và đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của xã hội.

4. Tiêu chí 4

Tiếp tục tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh chương trình; biên soạn và thẩm định giáo trình đào tạo cho phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh của xã hội.

Tiếp tục liên kết với các Trường đại học xây dựng CTĐT liên thông trình độ trung cấp, cao đẳng.

Tiếp tục tổ chức bồi dưỡng kỹ năng biên soạn giáo trình điện tử cho đội ngũ nhà giáo, đảm bảo tất cả giáo trình, tài liệu giảng dạy cho các MH/MĐ được cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần đạt trong chương trình GDNN, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

5. Tiêu chí 5

Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn về đầu tư bổ sung trang thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại, phù hợp với yêu cầu thực tiễn sản xuất và định hướng phát triển các nghề trọng điểm.

Đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa, tiếp cận thiết bị, công nghệ hiện đại, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo và gắn kết với nhu cầu sử dụng lao động của thị trường.

6. Tiêu chí 6

Tăng cường hợp tác, phối hợp với Doanh nghiệp trong hoạt động NCKH hướng đến các sản phẩm có tính ứng dụng trong sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế để nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, CBQL và phát triển nguồn lực về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Nhà trường.

Khuyến khích tăng cường và mở rộng phạm vi hoạt động NCKH.

7. Tiêu chí 7

Tiếp tục đa dạng các hình thức thông tin của Trường, của Khoa đến HSSV.

Tiếp tục tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa; các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ cho HSSV.

Tăng cường các giải pháp hơn nữa trong công tác quản lý HSSV để hạn chế tình trạng HSSV nghỉ học giữa chừng.

Đẩy mạnh và phát huy hiệu quả mối quan hệ hợp tác, phối hợp giữa Nhà trường, Doanh nghiệp, gia đình và người học trong định hướng tư vấn nghề nghiệp và việc làm.

8. Tiêu chí 8

Tăng cường, duy trì liên lạc giữa Doanh nghiệp, nhà giáo chủ nhiệm, đơn vị, cá nhân có liên quan và người học sau khi tốt nghiệp.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN được thực hiện theo hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL do Bộ LĐTB-XH ban hành có ý nghĩa thiết thực đối với các cơ sở GDNN trong cả nước, đáp ứng mục tiêu GDNN gắn với nhu cầu của Doanh nghiệp và nhu cầu của xã hội theo đúng chủ trương, đường lối phát triển GDNN.

Năm 2025, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang thực hiện công tác tự đánh giá theo Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ LĐTB-XH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCLGDNN và Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTB-XH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN nhằm tiếp tục tự đánh giá, phân tích những điểm mạnh, những tồn tại và kế hoạch nâng cao chất lượng tương ứng với từng tiêu chí, tiêu chuẩn đã đề ra.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang luôn xác định công tác tự đánh giá là quá trình, là nhiệm vụ thường xuyên chứ không phải là đích đến. Mỗi học kỳ, mỗi năm học đều phải căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định để rà soát các hoạt động GDNN, đánh giá những mặt mạnh và những tồn tại, qua đó phát huy những ưu thế của Trường và từng bước cải thiện những mặt còn hạn chế; luôn xem công tác tự đánh giá là một nhân tố không thể thiếu được trong sự nghiệp phát triển của Nhà trường, là động lực để Trường hoàn thành mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn phát triển.

2. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất: Không có đề xuất.

2. Kiến nghị: Không có kiến nghị./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (b/c);
- BGH;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu VT, QTCL-HSSV.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lực

PHỤ LỤC 1

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT
CÔNG NGHỆ NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-CĐKTCN

Khánh Hòa, ngày tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-CĐKTCN ngày 6/5/2024 của Hiệu trưởng về việc Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTĐBXH ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTB&XH Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản trị chất lượng – Học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2025, gồm các ông (bà) có tên sau:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng có nhiệm vụ:

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.

Điều 3. Trưởng phòng Quản trị chất lượng - Học sinh, sinh viên, Trưởng các đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Như điều 3;
- Cổng thông tin điện tử trường;
- Lưu: VT, QTCL-HSSV(2b).

HIỆU TRƯỞNG

Ths. Nguyễn Văn Lực

DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDKTCN ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TRONG HĐ
1	Ths. Nguyễn Văn Lực	Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Ths. Phan Mai Phương Duyên	Chủ tịch HĐT - Phó Hiệu trưởng	P. Chủ tịch Hội đồng
3	Ths. Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Bí thư Đảng ủy - Phó Hiệu trưởng	Ủy viên Hội đồng
4	Ths. Văn Đình Thanh	Phó Hiệu trưởng - CT Công đoàn	Ủy viên Hội đồng
5	Ths. Lê Thị Minh Hiếu	Trưởng phòng TC - TC	Ủy viên Hội đồng
6	TS. Hồ Thị Châu	Trưởng phòng QTCL - HSSV	Thư ký Hội đồng
7	Ths. Võ Thành Hoàng Hiếu	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên Hội đồng
8	Ths. Đào Văn Hoa	Trưởng phòng QTTB và Dự án	Ủy viên Hội đồng
9	KS. Lê Văn Tiền	Phụ trách kế toán	Ủy viên Hội đồng
10	Ths. Phạm Minh Hoàng	Trưởng khoa Điện - Điện tử	Ủy viên Hội đồng
11	TS. Cao Văn Tài	Trưởng khoa Cơ khí	Ủy viên Hội đồng
12	Ths. Trần Thị Thanh Phượng	Trưởng khoa Du lịch - Môi trường	Ủy viên Hội đồng
13	Ths. Nguyễn Thị Thương	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Ủy viên Hội đồng
14	Ths. Hồ Phước Hoàng	Giám đốc TTĐT lái xe ô tô - Cơ giới	Ủy viên Hội đồng
15	Ths. Lương Thị Thúy Hằng	Trưởng khoa sư phạm và ĐGKNNQG	Ủy viên Hội đồng
16	Nguyễn Quốc Bảo	Giám đốc dịch vụ, CTCP Toyota Nha Trang	Ủy viên Hội đồng
17	Huỳnh Thị Xuân Hòa	Trưởng phòng Hành chính nhân sự Khánh sạn LeMore Nha Trang	Ủy viên Hội đồng

PHỤ LỤC 2

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT
CÔNG NGHỆ NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-CDKTCN

Khánh Hòa, ngày tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2025

1. Mục đích - yêu cầu

- Nâng cao nhận thức của cán bộ viên chức và người lao động, học sinh, sinh viên của trường về tầm quan trọng đối với công tác tự đánh giá chất lượng, các điều kiện bảo đảm chất lượng của trường theo tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN;
- Tự đánh giá để xác định mức độ nhà trường đạt tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN theo quy định;
- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường;
- Các đơn vị, cá nhân trực thuộc trường đều tham gia thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng.

2. Cơ sở, công cụ tự đánh giá

- Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN;
- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN;
- Các phương pháp thu thập, phân tích và xử lý thông tin minh chứng.

3. Quy trình tự đánh giá chất lượng

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng;
- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng, thực hiện tự đánh giá chất lượng;
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng;
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

4. Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá chất lượng

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN;
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.

5. Phân công đơn vị lập báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị lập báo cáo tiêu chuẩn	Đơn vị tổng hợp lập báo cáo tiêu chí
I	Tiêu chí 1: Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý		
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 5	Phòng TC - TC	Phòng TC-TC
2	Tiêu chuẩn: 3, 4	Phòng QTCL - HSSV	
II	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo		
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6,8	Phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo
2	Tiêu chuẩn: 7	Phòng QTCL - HSSV	
III	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động		
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 5, 6,7	Phòng TC-TC	Phòng TC - TC
2	Tiêu chuẩn: 4	Phòng Đào tạo	
IV	Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo, giáo trình		
1	Tiêu chuẩn : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	Phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo
V	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo		
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 5, 6	Phòng QTTB&DA	Phòng QTTB&DA
2	Tiêu chuẩn: 4, 7, 8	Phòng QTCL - HSSV	
VI	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế		
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4	Phòng QTCL - HSSV	Phòng QTCL - HSSV
VII	Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học		
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5	Phòng QTCL - HSSV	Phòng QTCL - HSSV
VIII	Tiêu chí 8: Giám sát, đánh giá chất lượng		
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 4, 5, 6	Phòng QTCL - HSSV	Phòng QTCL - HSSV
2	Tiêu chuẩn: 3	Phòng TC-TC	

6. Tổ chức thực hiện tự đánh giá chất lượng

6.1. Phòng Quản trị chất lượng – Học sinh, sinh viên

- Tham mưu Hiệu trưởng thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng;
- Lập kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng;
- Tổng hợp báo cáo tiêu chuẩn, báo cáo tiêu chí của các đơn vị; viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng;
- Tổ chức lấy ý kiến các đơn vị của trường, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng;
- Tổ chức họp Hội đồng tự đánh giá chất lượng để thông qua báo cáo;
- Hoàn thiện báo cáo gửi các cơ quan có thẩm quyền.

6.2. Các đơn vị

- Lập kế hoạch phân công thành viên trong đơn vị thực hiện tự đánh giá chất lượng theo tiến độ chung của trường trình Chủ tịch hội đồng phê duyệt;
- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN và các văn bản hướng dẫn có liên quan;
- Các đơn vị thuộc trường có trách nhiệm phối hợp thu thập, cung cấp minh chứng có liên quan cho đơn vị được phân công viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn;
- Các đơn vị được phân công viết báo cáo tiêu chuẩn gửi báo cáo về cho các đơn vị được phân công viết báo cáo tiêu chí để tổng hợp theo đúng thời gian quy định;
- Tổ chức lưu trữ thông tin, minh chứng (bản chính) tại đơn vị;
- Các đơn vị hoàn thiện và gửi báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn kèm minh chứng (file scan trừ minh chứng là hồ sơ giảng dạy, hồ sơ chủ nhiệm, hồ sơ thiết bị, bản in giáo trình) về phòng QTCL- HSSV đúng tiến độ.

7. Tiến độ hoàn thành

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng		
07/3/2025	- Đề xuất danh sách thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng; - Trình Hiệu trưởng phê duyệt quyết định thành lập Hội đồng.	Phòng QTCL- HSSV
Thực hiện tự đánh giá chất lượng		
10/3/2025	Lập kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2025.	Phòng QTCL- HSSV
11/3÷13/3/2025	Các đơn vị lập kế hoạch, phân công các thành viên thực hiện tự đánh giá.	Trưởng các đơn vị được phân công

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
		viết báo cáo tiêu chí tiêu chuẩn
14/3/2025	Các đơn vị gửi kế hoạch về phòng QTCL-HSSV để trình Chủ tịch hội đồng phê duyệt.	Phòng QTCL-HSSV
17/3÷30/6/2025	Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch; Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được. Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn	Các đơn vị được phân công viết báo cáo tiêu chí tiêu chuẩn
01/7/2025	Các đơn vị gửi báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn kèm minh chứng (file scan) về phòng QTCL-HSSV.	Các đơn vị được phân công viết báo cáo tiêu chí tiêu chuẩn
02/7÷05/7/2025	- Tổng hợp báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn từ các đơn vị; - Dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng theo mẫu quy định. - Lấy ý kiến dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng; - Hội đồng dự thảo báo cáo tự đánh giá lần 1.	Phòng QTCL-HSSV HĐ tự đánh giá
Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng		
07/7÷09/7/2025	- Hoàn thiện dự thảo báo cáo sau khi họp Hội đồng lần 1; - Hội đồng tự đánh giá lần 2; - Hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng sau khi họp Hội đồng lần 2 - Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng; - Trình Hiệu trưởng phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.	HĐ tự đánh giá Phòng QTCL-HSSV
Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền		
10 ÷ 14/7/2025	- Hội đồng tự đánh giá chất lượng lần 3 mở rộng; - Hiệu trưởng công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.	- HĐ tự đánh giá; - Trưởng các đơn vị;

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
		- Đại diện các tổ chức Đảng, đoàn thể.
15/7/2025	Gửi báo cáo cho Đoàn đánh giá ngoài (thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở GDNN năm 2025)	Phòng QTCL-HSSV
15/12/2025	Gửi báo cáo về cơ quan có thẩm quyền theo quy định	- Phòng QTCL-HSSV - Phòng TC-TC

8. Kinh phí thực hiện tự đánh giá chất lượng

Kinh phí thực hiện tự đánh giá chất lượng theo quy định được Hiệu trưởng phê duyệt.

Trên đây là kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2025. Đề nghị các đơn vị trực thuộc trường tổ chức thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ đề ra./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Các đơn vị thuộc trường;
- Cổng thông tin điện tử trường;
- Lưu: VT, QTCL-HSSV(02 bản).

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC 3
BẢNG MÃ MINH CHỨNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GDNN NĂM 2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Đề án thành lập Trường Cao đẳng nghề Nha Trang theo công văn 221/UBND ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Khánh Hòa
2			1.1.02		Quyết định số 192/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/1/2007 của Bộ LĐTB-XH về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Nha Trang
3			1.1.03		Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 08/10/2010 của UBND tỉnh Khánh hòa về việc phê duyệt Điều lệ của Trường Cao đẳng nghề Nha Trang
4			1.1.04		Tờ trình số 443/TTr-CDN ngày 20/05/2016 về việc phê duyệt điều lệ Trường Cao đẳng nghề Nha Trang
5			1.1.05		Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 28 tháng 06 năm 2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều lệ của Trường Cao đẳng nghề Nha Trang
6			1.1.06		Quyết định số 1469/QĐ-LĐTBXH ngày 15/9/2017 của Bộ LĐTB-XH về việc đổi tên trường Cao đẳng nghề Nha Trang thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
7			1.1.07		Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 3/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
8			1.1.08		Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang nhiệm kỳ 2023-2028
9			1.1.09		Quyết định số 770/QĐ-CDKTCN ngày 08/6/2018 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
10			1.1.10		Quyết định số 24/QĐ-CDKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
11			1.1.11		Quyết định số 1867/QĐ-CDKTCN ngày 24/12/2021 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
12			1.1.12		Quyết định số 866/QĐ-CDKTCN ngày 06/5/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
13			1.1.13		Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý(kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
14			1.1.14		Nghị quyết số 07-NQ/TU của Tỉnh ủy Khánh Hòa, ngày 11/01/2021, về Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					2021-2025, nhằm mục tiêu xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh trong các lĩnh vực chủ lực; Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành kế hoạch triển khai chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025
15			1.1.15		Quyết định số 2001/QĐ-CDKTCN ngày 09/12/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030
16			1.1.16		Các Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025
17	1	2		1.1.02	Quyết định số 192/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/1/2007 của Bộ LĐTB-XH về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Nha Trang
18				1.1.06	Quyết định số 1469/QĐ-LĐTBXH ngày 15/9/2017 của Bộ LĐTB-XH về việc đổi tên trường Cao đẳng nghề Nha Trang thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
19				1.1.07	Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 3/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường CĐ Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
20				1.1.08	Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang nhiệm kỳ 2023-2028

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
21				1.1.09	Quyết định số 770/QĐ-CDKTCN ngày 08/6/2018 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
22				1.1.10	Quyết định số 24/QĐ-CDKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
23				1.1.11	Quyết định số 1867/QĐ-CDKTCN ngày 24/12/2021 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
24				1.11.12	Quyết định số 866/QĐ-CDKTCN ngày 06/5/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
25			1.2.01		Quyết định số 358/QĐ-CDKTCN ngày 26/02/2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc hợp nhất các đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
26			1.2.02		Quyết định số 359/QĐ-CDKTCN ngày 26/02/2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc thành lập phòng TC-TC, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
27			1.2.03		Quyết định số 360/QĐ-CDKTCN ngày 26/02/2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc thành lập phòng QTCL-HSSV, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
28			1.2.04		Quyết định số 740/QĐ-CDKTCN ngày 23/04/2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc hợp nhất các đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
29			1.2.05		Quyết định số 741/QĐ-CDKTCN ngày 23/04/2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc thành lập phòng Đào tạo-Cơ sở vật chất Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
30			1.2.06		Các Quyết định về việc thành lập các khoa chuyên môn
31			1.2.07		Quyết định số 1780/QĐ-CDKTCN ngày 03/11/2022 Về việc sáp nhập các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
32			1.2.08		Quyết định số 320/QĐ-CDKTCN ngày 15/3/2023 Về việc sáp nhập các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
33			1.2.09		Quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, 2024, 2025
34			1.2.10		Quy chế hoạt động các đơn vị
35			1.2.11		Các Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
36			1.2.12		Quyết định số 2586/QĐ-CDKTCN ngày 30/12/2023 về việc ban hành Quy chế dân chủ trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
37			1.2.13		Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của Đảng bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
38			1.2.14		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN
39			1.12.15		Các Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023- 2024, 2024 - 2025, 2025-2026 của các đơn vị
40	1	3	1.301		Quyết định số 942/QĐ-CDN ngày 30/12/2011 của Hiệu trưởng về việc thành lập phòng Đảm bảo chất lượng - Khảo thí
41			1.3.02		Quyết định số 172/QĐ-CDN ngày 10 tháng 3 năm 2012 của Hiệu trưởng phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng ĐBCL-KT
42			1.3.03		Quyết định số 1016/QĐ-CDKTCN ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng về việc thành lập phòng ĐBCL-KT
43			1.3.04		Quyết định số 110/QĐ-CDKTCN ngày 20/01/2022 của Hiệu trưởng phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng ĐBCL-KT

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
44				1.2.03	Quyết định số 360/QĐ-CDKTCN ngày 26/02/2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc thành lập phòng QTCL-HSSV, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
45			1.3.05		Các Quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành quy trình/công cụ bảo đảm chất lượng; Quyết định số 1870/QĐ-CDKTCN ngày 24/12/2021 về việc ban hành sổ tay chất lượng bảo đảm chất lượng trường CDKTCN Nha Trang; Quyết định số 211/QĐ-CDKTCN ngày 10/12/2020 về việc ban hành chính sách chất lượng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang, Quyết định số 1791/QĐ-CDKTCN ngày 11/10/2023 về việc điều chỉnh bổ sung chính sách chất lượng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
46			1.3.06		Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024
47			1.3.07		Thông báo những tồn tại công tác bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024
48			1.3.08		Kế hoạch về khắc phục những tồn tại công tác bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024
49			1.3.09		Báo cáo kết quả khắc phục những tồn tại trong công tác bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024
50			1.3.10		Kế hoạch về việc xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng GDNN năm 2023, 2024, 2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
51			1.3.11		Quyết định về việc ban hành mục tiêu chất lượng cấp trường năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
52			1.3.12		Mục tiêu chất lượng cấp đơn vị và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng cấp đơn vị năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024 -2025
53			1.3.13		Công văn số 96/CKĐCL-KĐ ngày 12/5/2020 về việc tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN
54			1.3.14		Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2023, 2024, 2025
55			1.3.15		Kế hoạch về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2023, 2024, 2025
56			1.3.16		Các Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2023, 2024, 2025
57			1.3.17		Kế hoạch về việc phê duyệt thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2023, 2024, 2025
58			1.3.18		Kế hoạch công tác của phòng năm học 2022-2023, 2023 - 2024, 2024-2025
59			1.3.19		Các Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023- 2024, 2024-2025, 2025-2026 của các đơn vị
60				1.2.15	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 của trường

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
61			1.3.20		Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý(kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
62	1	4		1.306	Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024
63				1.3.07	Thông báo những tồn tại công tác bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024
64				1.3.08	Kế hoạch về khắc phục những tồn tại công tác bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024
65				1.3.09	Báo cáo kết quả khắc phục những tồn tại trong công tác bảo đảm chất lượng năm 2022,2023,2024
66				1.3.10	Kế hoạch về việc xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng GDNN năm 2023, 2024, 2025
67			1.4.01		Kế hoạch về việc đánh giá cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024
68			1.4.02		Báo cáo đánh giá cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng của các đơn vị năm 2022, 2023, 2024
69			1.4.03		Các quy chế, quy định, quy trình được rà soát điều chỉnh và xây dựng trong năm 2023, 2024, 2025
70	1	5		1.1.07	Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 3/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
71				1.1.08	Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang nhiệm kỳ 2023-2028

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
72			1.5.01		Quyết định về việc thành lập và kiện toàn Hội đồng thi đua, khen thưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang năm 2023, 2024, 2025
73			1.5.02		Quyết định về việc thành lập kiện toàn Hội đồng đánh giá xếp loại nhà giáo GDNN năm 2023, 2024, 2025
74			1.5.03		Quyết định về việc thành lập và kiện toàn Hội đồng đánh giá, xếp loại nhà giáo dạy các môn chung, môn văn hóa THPT theo chuẩn nghề nghiệp năm 2023, 2024, 2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
75			1.5.04		Quyết định thành lập Đảng bộ Trường
76			1.5.05		Nghị quyết Đảng bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
77			1.5.06		Quyết định thành lập các Chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
78			1.5.07		Thông báo đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và tập thể cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2023, 2024, 2025
79			1.5.08		Báo cáo kết quả tự đánh giá xếp loại của Đảng bộ Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang năm 2023, 2024, 2025
80				1.2.15	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 của trường
81				1.1.14	Nghị quyết số 07-NQ/TU của Tỉnh ủy Khánh Hòa, ngày 11/01/2021, về Chương trình phát

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, nhằm mục tiêu xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh trong các lĩnh vực chủ lực; Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành kế hoạch triển khai chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025
82			1.5.09		Quyết định về việc khen thưởng thi đua ngắn hạn đợt 1, đợt 2 năm học 2022-2023, 2023-2024 2024 - 2025
83			1.5.10		Quyết định về việc khen thưởng các tập thể và cá nhân trong Hội giảng Nhà giáo GDNN năm 2023, 2025
84			1.5.11		Quyết định số 03/QĐ-CĐKTCN ngày 19/6/2023 của Ban chấp hành Công đoàn Trường ban hành quy chế hoạt động của BCHCĐ Trường CĐKTCNNT lần thứ V, nhiệm kỳ 2023 - 2028)
85			1.5.12		Kế hoạch về việc Tổng kết thi đua khen thưởng Công đoàn năm học 2022- 2023, 2023-2024 2024 - 2025
86			1.5.13		Quyết định của Ban chấp hành Công đoàn Trường về việc khen thưởng tập thể, cá nhân xuất sắc tiêu biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024 - 2025
87			1.5.14		Thông báo số 18/TB-CĐVC ngày 19/7/2024 của Ban Thường vụ Công đoàn Viên chức tỉnh Khánh Hòa về việc thông báo kết quả xếp loại Công đoàn cơ sở năm học 2023-2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
88			1.5.15		Quyết định của Ban Thường vụ Công đoàn Viên chức tỉnh Khánh Hòa về việc khen thưởng cán bộ, đoàn viên và Công đoàn cơ sở năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024 - 2025
89			1.5.16		Kế hoạch của Ban Nữ công về việc Hoạt động của Ban Nữ công năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024 - 2025
90			1.5.17		Báo cáo của Ban Nữ công về hoạt động công tác của Ban Nữ công năm 2023, 2024, 2025 và phương hướng hoạt động năm 2024, 2025, 2026
91			1.5.18		Các chương trình của Đoàn Trường về Công tác Đoàn và phong trào thanh niên Trường học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
92			1.5.19		Kế hoạch về việc Tổ chức Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè năm 2023, 2024, 2025
93			1.5.20		Báo cáo của Đoàn Trường về Tổng kết công tác Đoàn và phong trào Thanh niên Trường học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
94			1.5.21		Các Kế hoạch hoạt động và học tập cho cán bộ đoàn và đoàn viên thanh niên năm 2023, 2024, 2025
95			1.5.22		Báo cáo của Đoàn Trường về Tổng kết công tác Đoàn và phong trào Thanh niên Trường học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
96			1.5.23		Quyết định khen thưởng số 95-QĐKT/TĐTN-TTNTTH ngày 30/12/2024 của BCH Đoàn tỉnh Khánh Hòa
97			1.5.24		Thông báo đánh giá xếp loại Đoàn thanh niên Trường năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; Các hình thức khen thưởng Đoàn thanh

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					niên Trường năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
98	2	1	2.1.01		QĐ số 340/QĐ-CĐKTCN ngày 04/3/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐKTCN Nha Trang - Ban hành Quy chế tuyển sinh và xét tuyển hệ trung cấp, hệ cao đẳng
99			2.1.02		Phương án về việc triển khai phương án tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng và lớp 10 hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông năm 2023, 2024, 2025
100			2.1.03		Kế hoạch về việc tổ chức tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2023, 2024, 2025
101				1.2.14	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN
102			2.1.04		Bảng thống kê các ngành nghề đào tạo hành năm của trường
103			2.1.05		Hồ sơ khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý (Kế hoạch khảo sát; phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023,2024, 2025
104	2	2		2.1.03	Kế hoạch về việc tổ chức tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2023, 2024, 2025
105			2.2.01		Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
106			2.2.02		Quyết định thành lập ban thư ký hội đồng tuyển sinh năm 2023, 2024,2025
107			2.2.03		Quyết định thành lập ban tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025
108			2.2.04		Hồ sơ đăng ký dự tuyển
109			2.2.05		Thông báo về tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2023, 2024, 2025
110			2.2.06		Biên bản họp xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025
111			2.2.07		Các Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển năm 2023, 2024, 2025
112			2.2.08		Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025
113			2.2.09		Quyết định về việc thành lập Ban kiểm tra tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025
114			2.2.10		Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025 của Ban kiểm tra
115			2.2.11		Các Quyết định thành lập lớp và danh sách HSSV các lớp năm 2023, 2024, 2025
116			2.2.12		Hồ sơ khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý (Kế hoạch khảo sát; phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023,2024, 2025
117	2	3	2.3.01		Quyết định số 1479/QĐ-CDKTCN ngày 27/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CDKTCNNT về việc Ban hành Quy chế đào tạo, thi kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp
118			2.3.02		Quyết định số 1927/QĐ-CDKTCN ngày 16/9/2024 về việc ban hành Quy định in, quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Trung cấp, Chứng chỉ Sơ cấp, Chứng chỉ đào tạo
119			2.3.03		Kế hoạch đào tạo năm 2023, 2024, 2025
120				2.2.07	Các Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển năm 2023, 2024, 2025
121				2.1.04	Bảng thống kê các ngành nghề đào tạo của trường
122			2.3.04		Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của Trường
123			2.3.05		Hồ sơ khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý (Kế hoạch khảo sát; phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023,2024, 2025
124	2	4		1.2.14	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN
125				2.2.11	Các Quyết định thành lập lớp và danh sách HSSV các lớp năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025
126			2.4.01		Danh sách các khóa, lớp năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
127				2.3.04	Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của Trường
128			2.4.02		Chuẩn đầu ra của các CTĐT
129				2.3.03	Kế hoạch đào tạo năm 2023, 2024, 2025
130			2.4.03		Tiến độ đào tạo năm 2023, 2024, 2025
131			2.4.04		Kế hoạch nhà giáo năm 2023, 2024, 2025
132			2.4.05		Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
133	2	5		2.3.04	Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của Trường
134			2.5.01		Kế hoạch về việc phối hợp tổ chức tư vấn nghề nghiệp việc làm tại Trường năm 2023, 2024, 2025
135			2.5.02		Bản thỏa thuận về việc hợp tác đào tạo giữa Nhà trường và các Doanh nghiệp năm 2023, 2024, 2025
136			2.5.03		Kế hoạch cho người học đi thực hành, thực tập năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
137			2.5.04		Danh sách người học đã thực hành, thực tập 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
138			2.5.05		Báo cáo kết quả thực tập năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
139			2.5.06		Danh sách nhà giáo giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
140			2.5.07		Đề cương thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
141	2	6	2.6.01		Danh sách các MH/MĐ có phần mềm giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025
142			2.6.02		Quyết định số 602/QĐ-CĐKTCN ngày 02/5/2018 về việc ban hành qui chế Quản lý, khai thác và vận hành phần mềm quản lý đào tạo Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
143			2.6.03		Danh sách các MH/MĐ có bài giảng điện tử
144			2.6.04		Thống kê các phương tiện hỗ trợ dạy học
145			2.6.05		Danh sách các bài giảng trực tuyến, đào tạo qua mạng năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025
146			2.6.06		Bảng kê giờ giảng trực tuyến, đào tạo qua mạng năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025
147			2.6.07		Danh sách các phần mềm mô phỏng
148			2.6.08		Hồ sơ khảo sát người học, nhà giáo (Kế hoạch khảo sát; phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023,2024, 2025
149	2	7	2.7.01		Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025
150			2.7.02		Kế hoạch dự giờ của các Khoa năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025
151			2.7.03		Kế hoạch kiểm tra quy chế chuyên môn học kỳ I, học kỳ II năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
152			2.7.04		Báo cáo kết quả dự giờ năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
153			2.7.05		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025
154			2.7.06		Thông báo kết quả kiểm tra quy chế chuyên môn học kỳ I, học kỳ II năm học 2022-2023, 2023-2024 2024-2025
155			2.7.07		Báo cáo kết quả điều chỉnh hoạt động dạy và học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025
156			2.7.08		Báo cáo công tác hàng tháng của Trường năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025
157			2.7.09		Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý (Kế hoạch khảo sát; phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023,2024, 2025
158	2	8	2.8.01		Kế hoạch/Thông báo rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ
159				2.3.01	Quyết định số 1479/QĐ-CDKTCN ngày 27/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CDKTCNNT về việc Ban hành Quy chế đào tạo, thi kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ
160				1.2.14	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
161				2.1.04	Bảng thống kê các ngành nghề đào tạo hành năm của trường
162				2.3.04	Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của Trường
163				2.4.02	Chuẩn đầu ra của các CTĐT
164			2.8.02		Website Trường http://cdkctcnnt.edu.vn có công bố thông tin chuẩn đầu ra của các nghề đào tạo
165			2.8.03		Báo cáo tổng hợp các hình thức, phương pháp, công cụ được sử dụng để đánh giá kết quả học tập và rèn luyện phù hợp đạt hiệu quả
166			2.8.04		Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá, cải tiến các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và học tập đảm bảo chính xác, công bằng khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra.
167			2.8.05		Hồ sơ khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý (Kế hoạch khảo sát; phiếu khảo sát, tổng hợp khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023,2024, 2025
168	3	1	3.1.01		Quyết định số 1161/QĐ-CDKTCN ngày 07/8/2018 ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với CBVCTrường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
169			3.1.02		Tờ trình số 2247/TTr-CDKTCN ngày 30/11/2023 Về việc đề nghị phê duyệt Đề án tổ chức, sắp xếp lại đơn vị Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
170			3.1.03		Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 v/v phê duyệt cơ cấu tổ chức của

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;
171			3.1.04		Hướng dẫn xếp loại viên chức năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
172			3.1.05		Các Quyết định về việc Hướng dẫn đánh giá giáo viên dạy văn hóa, các môn chung năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
173			3.1.06		Hướng dẫn đánh giá nhà giáo GDNN năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
174			3.1.07		Quyết định về việc phê duyệt kết quả xếp loại chất lượng các đơn vị và viên chức năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
175			3.1.08		Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá xếp loại chất lượng NLĐ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
176				1.1.15	Quyết định số 2001/QĐ-CDKTCN ngày 09/12/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030
177			3.1.09		Quyết định số 1066/QĐ-CDKTCN ngày 13/7/2020 ban hành quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
178			3.1.10		Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/5/2024 quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
179				1.4.03	Các quy chế, quy định, quy trình được rà soát điều chỉnh và xây dựng trong năm 2022, 2023, 2024, 2025
180			3.1.11		Báo cáo tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý năm 2023, 2024, 2025
181	3	2	3.2.01		Quyết định của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, 2024, 2025
182			3.2.02		Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, NLD được hưởng chế độ chính sách theo quy định năm 2023, 2024, 2025
183			3.2.03		Các Quyết định khen thưởng thành tích thi đua năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
184			3.2.04		Thông báo về việc đăng ký đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
185			3.2.05		Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
186			3.2.06		Kế hoạch về tự đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022- 2023, 2023-2024, 2024-2025
187			3.2.07		Các công văn, Quyết định cử nhà giáo tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng năm 2023, 2024, 2025
188			3.2.08		Danh sách đội ngũ nhà giáo tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa, nâng cao chất lượng năm 2023, 2024, 2025
189			3.2.09		Báo cáo kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, NLD học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					dạy học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
190			3.2.10		Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, NLĐ năm 2023, 2024, 2025
191			3.2.11		Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động(kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
192	3	3	3.3.01		Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/05/2024 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
193			3.3.02		Danh sách trích ngang nhà giáo thỉnh giảng đủ điều kiện giảng dạy tại trường năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
194				3.2.10	Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, NLĐ năm 2023, 2024, 2025
195			3.3.03		Hồ sơ CBNG cơ hữu, nhà giáo thỉnh giảng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
196			3.3.04		Báo cáo Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
197			3.3.05		Hồ sơ đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
198			3.3.06		Quyết định số 871/QĐ-CĐKTCN ngày 07/5/2024 về Ban hành Quy chế hoạt động kiểm tra nội bộ của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
199				2.3.03	Kế hoạch đào tạo năm 2023, 2024, 2025
200				2.4.01	Danh sách các khóa, lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
201				2.4.04	Kế hoạch nhà giáo năm 2023, 2024, 2025
202				2.7.03	Kế hoạch kiểm tra quy chế chuyên môn học kỳ I, học kỳ II năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
203				2.7.06	Thông báo kết quả kiểm tra quy chế chuyên môn học kỳ I, học kỳ II năm học 2022-2023, 2023-2024 2024-2025
204				2.7.04	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
205			3.3.07		Bảng tổng hợp giờ giảng và thống kê vượt giờ của nhà giáo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
206			3.3.08		Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
207			3.3.09		Bảng thống kê tỷ lệ quy đổi HSSV/nhà giáo

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
208			3.3.10		Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý(kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
209	3	4		2.3.04	Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của Trường
210				2.3.03	Kế hoạch đào tạo năm 2023, 2024, 2025
211				2.4.02	Chuẩn đầu ra của các CTĐT
212				2.4.04	Kế hoạch nhà giáo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
213				3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/05/2024 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN
214				3.3.02	Danh sách trích ngang nhà giáo thỉnh giảng đủ điều kiện giảng dạy tại trường năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
215				2.4.05	Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo năm 2023, 2024, 2025
216				2.7.04	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2022-2023, 2023-2024,2024-2025
217				2.7.05	Báo cáo kết quả kiểm tra dự giờ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
218	3	5		3.2.01	Quyết định của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, 2024, 2025
219				3.2.04	Thông báo về việc đăng ký đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
220				3.2.05	Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
221				3.2.06	Kế hoạch về tự đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
222			3.5.01		Văn bản cử nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đổi mới phương pháp giảng dạy năm 2023, 2024, 2025
223			3.5.02		Các tài liệu/hình ảnh nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm 2023, 2024, 2025
224				1.1.15	Quyết định số 2001/QĐ-CDKTCN ngày 09/12/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030
225				3.2.09	Báo cáo kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, NLD học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
226			3.5.03		Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý(kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
227	3	6		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/05/2024 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN
228			3.6.01		Kế hoạch nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng, thực tập năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
229			3.6.02		Văn bản cử nhà giáo khóa học tập, bồi dưỡng, thực tập
230			3.6.03		Báo cáo kết quả học tập, bồi dưỡng, thực tập của nhà giáo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
231			3.6.04		Hồ sơ báo cáo kết quả học tập, bồi dưỡng, thực tập của nhà giáo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
232			3.6.05		Danh sách nhà giáo cơ hữu học tập, bồi dưỡng, thực tập học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
233			3.6.06		Văn bản/tài liệu/hình ảnh nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng, thực tập năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
234			3.6.07		Hồ sơ khảo sát nhà giáo (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
235	3	7	3.7.01		Danh sách trích ngang Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường
236			3.7.02		Hồ sơ của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng
237			3.7.03		Phiếu Đánh giá công chức, viên chức năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng
238			3.7.04		Danh sách trích ngang của cán bộ quản lý
239			3.7.05		Hồ sơ cán bộ quản lý

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
240			3.7.06		Hồ sơ bổ nhiệm Kế toán trưởng
241			3.7.07		Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng
242			3.7.08		Hồ sơ quản lý CBVC - NLD toàn trường
243			3.7.09		Quyết định về việc phê duyệt kết quả xếp loại chất lượng các đơn vị và viên chức năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
244			3.7.10		Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá xếp loại chất lượng NLD năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
245				3.2.04	Thông báo về việc đăng ký đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
246				3.2.05	Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
247				3.2.06	Kế hoạch về tự đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
248				3.2.09	Báo cáo về Kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
249			3.7.11		Văn bản cử cán bộ quản lý, viên chức, người lao động tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ năm 2023, 2024, 2025
250			3.7.12		Danh sách bộ quản lý, viên chức, người lao động được cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ năm 2023, 2024, 2025
251				1.3.19	Các Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 của các đơn vị
252				1.2.15	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 của trường
253	4	1	4.1.01		Quyết định số 2569/QĐ-CDKTCN ngày 29/12/2023 ban hành quy trình đảm bảo chất lượng Phòng Đào tạo sửa đổi bổ sung năm 2023; QT.01- Quy trình Xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh CTĐT
254				1.2.14	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của TCGDNN
255				2.1.04	Bảng thống kê ngành nghề đào tạo của Trường
256				2.3.04	Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của các nghề của Trường
257			4.1.02		Quyết định thành lập tổ biên soạn CTĐT năm 2019, 2021, 2023
258			4.1.03		Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT năm 2019, 2021, 2023
259			4.1.04		Biên bản biên soạn của Bộ môn và Thẩm định của Hội đồng thẩm định CTĐT
260			4.1.05		Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, đơn vị sử dụng lao động(kế hoạch khảo sát, phiếu khảo

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
261	4	2		1.2.14	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của TCGDNN
262				2.3.04	Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của các nghề của Trường
263				4.1.02	Quyết định thành lập tổ biên soạn CTĐT năm 2019, 2021, 2023
264				4.1.03	Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT năm 2019, 2021, 2023
265				4.1.04	Biên bản biên soạn của Bộ môn và Thẩm định của Hội đồng thẩm định CTĐT
266				2.1.04	Bảng thống kê ngành nghề đào tạo của Trường
267				2.4.02	Chuẩn đầu ra của CTĐT
268	4	3		2.4.02	Chuẩn đầu ra của CTĐT
269				2.8.02	Website Trường http://cdkctcnnt.edu.vn có công bố thông tin chuẩn đầu ra của các nghề đào tạo
270	4	4	4.4.01		Quyết định ban hành CTĐT lần đầu năm 2017
271				2.3.04	Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của các nghề của Trường
272			4.4.02		Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng CTĐT
273			4.4.03		Quyết định ban hành CTĐT 2023
274			4.4.04		Danh sách CTĐT có sự thay đổi

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
275			4.4.05		Hồ sơ khảo sát người học tốt nghiệp đã đi làm, đơn vị sử dụng lao động (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
276	4	5	4.5.01		Quyết định số 2569/QĐ-CDKTCN ngày 29/12/2023 ban hành quy trình đảm bảo chất lượng Phòng Đào tạo sửa đổi bổ sung năm 2023; QT.02 - Quy trình Biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo
277			4.5.02		Quyết định thành lập tổ biên soạn giáo trình
278			4.5.03		Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình
279			4.5.04		Biên bản biên soạn của Bộ môn và Thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình
280			4.5.05		Danh sách thống kê danh mục giáo trình cho từng MH/MĐ của từng nghề
281			4.5.06		Hồ sơ khảo sát chuyên gia, cán bộ quản lý(kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
282	4	6		1.2.14	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNDKHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNDKHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của TCGDNN
283				4.4.03	QĐ ban hành CTĐT 2023
284				4.5.05	Danh sách thống kê danh mục giáo trình cho từng MH/MĐ của từng nghề
285			4.6.01		Bản in các giáo trình của các MH/MĐ
286				4.5.04	Biên bản biên soạn của Bộ môn và Thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
287			4.6.02		Hồ sơ khảo sát nhà giáo(kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
288	4	7		4.4.01	Quyết định ban hành CTĐT lần đầu năm 2017
289				2.3.04	Danh sách các quyết định ban hành CTĐT của các nghề của Trường
290			4.7.01		Danh sách giáo trình đào tạo trước và sau khi thay đổi
291	5	1	5.1.01		Quyết định số 2366/QĐ-CDKTCN ngày 14/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công
292			5.1.02		Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị-Mã hóa QT.28 được ban hành theo quyết định số 583/QĐ-CDKTCN ngày 27 tháng 4 năm 2018
293			5.1.03		Quy trình sửa chữa máy móc thiết bị-Mã hóa QT.31 được ban hành theo quyết định số 1132/QĐ-CDKTCN ngày 30 tháng 7 năm 2018
294			5.1.04		Quyết định số 1930/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
295			5.1.05		Danh mục thiết bị đào tạo của Trường
296			5.1.06		Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị - lý lịch máy, hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị
297	5	2	5.2.01		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
298			5.2.02		Biên bản bàn giao công trình, Biên bản hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 29/5/2018
299			5.2.03		Bản vẽ tổng thể mặt bằng trường tại cơ sở chính
300			5.2.04		Bản vẽ mặt bằng của Trung tâm đào tạo lái xe ô tô - Cơ giới
301			5.2.05		Bản vẽ mặt bằng công trình khoa Công nghệ sinh học và Công nghệ môi trường(nay là khoa DL-MT)
302			5.2.06		Bảng thống kê diện tích các khối công trình xây dựng trường tại cơ sở chính
303			5.2.07		Bản vẽ hoàn công các công trình xây dựng trường tại cơ sở chính
304			5.2.08		Hồ sơ thiết kế xây dựng các khối công trình của trung tâm Đào tạo lái xe ô tô-Cơ giới
305			5.2.09		Bản vẽ hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công các hạng mục của công trình khoa Công nghệ sinh học và Công nghệ môi trường (nay là khoa DL-MT)
306			5.2.10		Bảng thống kê diện tích cây xanh tại 03 cơ sở
307			5.2.11		Hồ sơ khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
308	5	3		5.2.03	Bản vẽ tổng thể mặt bằng trường tại cơ sở chính
309				5.2.04	Bản vẽ mặt bằng của Trung tâm đào tạo lái xe ô tô- Cơ giới

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
310				5.2.05	Bản vẽ mặt bằng công trình khoa Công nghệ sinh học và Công nghệ môi trường (nay là khoa DL-MT)
311				5.2.07	Bản vẽ hoàn công các công trình xây dựng trường tại cơ sở chính
312				5.2.08	Hồ sơ thiết kế xây dựng các khối công trình của trung tâm Đào tạo lái xe Ô tô-Cơ giới
313				5.2.09	Bản vẽ hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công các hạng mục của công trình khoa Công nghệ sinh học và Công nghệ môi trường(nay là khoa DL-MT)
314				5.1.05	Danh mục thiết bị dụng cụ đào tạo
315			5.3.01		Hồ sơ khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
316	5	4	5.4.01		Báo cáo số lượng, sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa
317				5.2.03	Bản vẽ tổng thể mặt bằng trường tại cơ sở chính
318			5.4.02		Bản vẽ hoàn công các công trình phụ trợ
319			5.4.03		Hợp đồng cung cấp điện
320			5.4.04		Hợp đồng cung cấp nước
321			5.4.05		Hồ sơ công tác phòng cháy, chữa cháy
322			5.4.06		Công văn về việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy công trình Trường
323			5.4.07		Thông báo số về việc tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC-CHCN

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
324			5.4.08		Kế hoạch của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về công tác y tế năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
325			5.4.09		Báo cáo công tác y tế của Trường CĐKTCN năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
326				5.2.03	Bản vẽ tổng thể mặt bằng trường tại cơ sở chính
327			5.4.10		Quyết định số 87/QĐ-CĐKTCN ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Ban hành quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng; Quyết định số 340/QĐ-CĐKTCN ngày 04 tháng 03 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Ban hành quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng; Quyết định số 1697/QĐ-CĐKTCN ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Ban hành Quy định chính sách miễn, giảm học phí; chính sách nội trú đối với HSSV Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; Quyết định số 636/QĐ-CĐKTCN ngày 07/05/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy định chính sách miễn, giảm tiền ở KTX đối với HSSV; Quyết định số 260/QĐ-CĐKTCN ngày 7/3/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng HSSV trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
328			5.4.11		Các Quyết định của Ban thường vụ Đoàn thanh niên về việc thành lập đội tự quản, An ninh trật tự tại trường năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Thành lập Đội tự quản về an ninh trật tự Ký túc xá trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Nha Trang năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
329			5.4.12		Kế hoạch số 1367/KH-CDKTCN ngày 01/7/2024 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang triển khai thực hiện tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong phòng chống bạo lực học đường, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên; Kế hoạch số 783/KH-CDKT ngày 22/4/2024 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông cho học sinh, sinh viên
330				1.2.15	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 – 2024, 2024 – 2025, 2025-2026 của trường
331			5.14.13		Hồ sơ khảo sát người học (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
332	5	5	5.5.01		Dự án đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN thuộc chương trình mục tiêu GDNN - Việc làm và an toàn lao động

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
333			5.5.02		Dự án trang thiết bị từ nguồn vốn ODA của chính phủ Cộng hòa liên bang Đức
334			5.5.03		Dự án Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang thuộc chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội
335				5.1.05	Danh mục thiết bị đào tạo
336			5.5.04		Biên bản kiểm kê tài sản của các đơn vị năm 2023, 2024, 2025
337			5.5.05		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của Trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ LĐTB-XH ban hành
338			5.5.06		Bảng thống kê số lượng thiết bị dạy nghề theo quy định trong chương trình dạy nghề
339			5.5.07		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của Trường với danh mục thiết bị đào tạo theo quy định trong chương trình dạy nghề
340				2.4.01	Sĩ số và danh sách các lớp của năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
341			5.5.08		Thời khóa biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2024-2025
342			5.5.09		Bảng thống kê phòng học, phòng chuyên môn, nhà xưởng
343			5.5.10		Sơ đồ bố trí trang thiết bị dụng cụ trong từng xưởng thực hành
344			5.5.11		Nhật ký theo dõi hoạt động của xưởng thực hành năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
345			5.5.12		Bộ ảnh trong các xưởng thực hành
346			5.5.13		Mặt bằng lắp đặt thiết bị các xưởng thực hành

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
347				5.1.01	Quyết định số 2366/QĐ-CDKTCN ngày 14/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công
348				5.1.02	Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị-Mã hóa QT.28 được ban hành theo quyết định số 583/QĐ-CDKTCN ngày 27 tháng 4 năm 2018
349				5.1.03	Quy trình sửa chữa máy móc thiết bị-Mã hóa QT.31 được ban hành theo quyết định số 1132/QĐ-CDKTCN ngày 30 tháng 7 năm 2018;
350				5.1.04	Quyết định số 1930/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
351				5.1.06	Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị (lý lịch máy, hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị
352			5.5.14		Báo cáo đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi Trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ
353			5.5.15		Hồ sơ khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, người học (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
354	5	6	5.6.01		Quyết định số 1932/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành Quy định quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
355			5.6.02		Quyết định số 1809/QĐ-CDKTCN ngày 13/11/2019 Ban hành Quy định về xuất nhập kho vật tư, dụng cụ trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
356			5.6.03		Bảng dự trù danh mục vật đề nghị cấp phát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
357			5.6.04		Phiếu nhập, xuất kho năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
358			5.6.05		Thẻ kho năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
359			5.6.06		Danh sách cán bộ chịu trách nhiệm quản lý, cấp phát, thu nhận vật tư, thiết bị toàn Trường
360			5.6.07		Báo cáo vật tư tồn kho năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
361			5.6.08		Bảng dự trù vật tư của các đơn vị năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
362			5.6.09		Quy trình mua sắm tài sản
363			5.6.10		Hợp đồng kinh tế mua bán vật tư, thiết bị, Biên bản bàn giao nghiệm thu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
364			5.6.11		Quyết định số 1931/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
365			5.6.12		Bản vẽ sơ đồ kho tại các xưởng thực hành
366			5.6.13		Báo cáo tình trạng hoạt động các kho của các đơn vị (mái che, rào ngăn cách, khóa, chiếu sáng, thông gió, chống mốc, ẩm) năm 2023, 2024, 2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
367			5.6.14		Sơ đồ kho của Trường
368			5.6.15		Báo cáo việc quản lý cấp phát vật tư của đơn vị năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
369			5.6.16		Quyết định thành lập hội đồng kiểm kê, Biên bản kiểm kê vật tư của các Bộ môn và danh mục tài sản thanh lý năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
370			5.6.17		Hồ sơ khảo sát nhà giáo, người học (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
371	5	7	5.7.01		Sơ đồ thiết kế thư viện
372			5.7.02		Quyết định số 2008/QĐ-CDKTCN ngày 23/9/2024 của Hiệu trưởng về ban hành quy định hoạt động của thư viện
373			5.7.03		Bảng thống kê diện tích phòng thư viện
374			5.7.04		Danh mục thiết bị, máy tính tại thư viện
375			5.7.05		Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử
376			5.7.06		Báo cáo hoạt động của thư viện năm 2023, 2024, 2025
377			5.7.07		Hồ sơ nhân viên thư viện
378	5	8		5.7.04	Danh mục thiết bị, máy tính tại thư viện
379			5.8.01		Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu
380			5.8.02		Danh mục giáo trình được số hóa
381			5.8.03		Danh mục tài liệu tham khảo được số hóa
382			5.8.04		Bản ghi nhớ về việc hợp tác công tác thư viện giữa Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang và Trường Đại học Nha Trang

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
383			5.8.05		Hồ sơ khảo sát nhà giáo, người học (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
384	6	1	6.1.01		Quyết định số 1870/QĐ-CDKTCN ngày 24/10/2023 của Hiệu trưởng Trường CDKTCN Nha Trang về việc Quy định hướng dẫn thực hiện sáng kiến; đánh giá và công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
385			6.1.02		Quyết định số 1197/QĐ-CDKTCN ngày 04/8/2022 của Hiệu trưởng Trường CDKTCN Nha Trang Quy định về định mức chi và chế độ hỗ trợ kinh phí cho sáng cấp Trường
386				1.2.09	Quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, 2024, 2025
387			6.1.03		Các quyết định phê duyệt và công bố ứng dụng sáng kiến năm 2023
388			6.1.04		Các quyết định phê duyệt và công bố ứng dụng sáng kiến năm 2024
389			6.1.05		Các quyết định phê duyệt và công bố ứng dụng sáng kiến năm 2025
390			6.1.06		Các công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng năm 2023
391			6.1.07		Các công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng năm 2024
392			6.1.08		Các công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng năm 2025
393			6.1.09		Danh sách chi tiền cho CBVC năm 2023
394			6.1.10		Danh sách chi tiền cho CBVC năm 2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
395			6.1.11		Danh sách chi tiền cho CBVC năm 2025
396			6.1.12		Các Công văn cử/mời tham dự tập huấn, học tập chuyển giao công nghệ, học tập nâng cao trình độ năm 2023
397			6.1.13		Các Công văn cử/mời tham dự tập huấn, học tập chuyển giao công nghệ, học tập nâng cao trình độ năm 2024
398			6.1.14		Các Công văn cử/mời tham dự tập huấn, học tập chuyển giao công nghệ, học tập nâng cao trình độ năm 2025
399			6.1.15		Hồ sơ khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
400	6	2	6.2.01		Danh sách đăng ký thực hiện sáng kiến, đề tài năm học 2022-2023
401			6.2.02		Danh sách đăng ký thực hiện sáng kiến, đề tài năm học 2023-2024
402			6.2.03		Danh sách đăng ký thực hiện sáng kiến, đề tài năm học 2024-2025
403			6.2.04		Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt sáng kiến năm học 2022-2023
404			6.2.05		Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt sáng kiến năm học 2023-2024
405			6.2.06		Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt sáng kiến năm học 2024-2025
406			6.2.07		Quyết định phê duyệt cho phép thực hiện sáng kiến năm học 2022-2023

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
407			6.2.08		Quyết định phê duyệt cho phép thực hiện sáng kiến năm học 2023-2024
408			6.2.09		Quyết định phê duyệt cho phép thực hiện sáng kiến năm học 2024-2025
409				6.1.03	Các quyết định phê duyệt và công bố ứng dụng sáng kiến năm học học 2022-2023
410				6.1.04	Các quyết định phê duyệt và công bố ứng dụng sáng kiến năm 2023-2024
411				6.1.05	Các quyết định phê duyệt và công bố ứng dụng sáng kiến năm 2024-2025
412			6.2.10		Báo cáo ứng dụng kết quả đề tài, sáng kiến năm học 2022-2023
413			6.2.11		Báo cáo ứng dụng kết quả đề tài, sáng kiến năm học 2023-2024
414			6.2.12		Báo cáo ứng dụng kết quả đề tài, sáng kiến năm học 2024-2025
415	6	3	6.3.01		Bản thống kê các bài báo đăng tạp chí năm 2023
416			6.3.02		Bản thống kê các bài báo đăng tạp chí năm 2024
417			6.3.03		Bản thống kê các bài báo đăng tạp chí năm 2025
418			6.3.04		Các bài báo đăng tạp chí năm 2023
419			6.3.05		Các bài báo đăng tạp chí năm 2024
420			6.3.06		Các bài báo đăng tạp chí năm 2025
421	6	4	6.4.01		Các Hội thảo, hội nghị tập huấn do tổ chức GIZ tổ chức năm 2023, 2024,2025
422			6.4.02		Các công văn, quyết định cử CBNG tham gia hội nghị, hội thảo do tổ chức GIZ tổ chức năm 2023, 2024, 2025
423			6.4.03		Kế hoạch số 941/KH-CDKTCN ngày 15/5/2025 về việc tổ chức sự kiện “ Chuyển xe hướng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					ngiệp” kỷ niệm 50 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Đức tại tỉnh Khánh Hòa
424			6.4.04		Công văn, quyết định cử CBNG tham gia tập huấn bồi dưỡng năm 2023, 2024, 2025
425			6.4.05		Báo cáo kết quả hoạt động hợp tác năm 2023, 2024, 2025
426	7	1		2.1.03	Kế hoạch tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2023, 2024 2025
427			7.1.01		Thông báo về việc tuyển sinh bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm GDNN cho nhà giáo dạy Trình độ Cao đẳng, trung cấp, trình độ Sơ cấp, liên thông trình độ Sơ cấp lên Cao đẳng, Trung cấp năm 2024
428			7.1.02		Thông tin tuyển sinh bằng tờ rơi năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; Các kế hoạch tham quan các Trường THCS, THPT năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
429				2.3.04	Danh sách Các Quyết định ban hành CTĐT của Trường
430				2.3.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
431			7.1.03		Trang website của Trường, Cổng thông tin HSSV
432			7.1.04		Kế hoạch về việc tổ chức học tập chính trị đầu khóa hệ Trung cấp, Cao đẳng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
433			7.1.05		Quyết định số 1479/QĐ-CDKTCN ngày 27/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang về việc Ban hành Quy chế đào tạo, thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp trình

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô- đun hoặc tín chỉ; Quyết định số 299/QĐ-CĐKTCN ngày 19/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang về việc Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quy chế đào tạo, thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô- đun hoặc tín chỉ; Quyết định số 1284/QĐ-CĐKTCN ngày 07/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang về việc Ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun, thi tốt nghiệp, chấm khóa luận tốt nghiệp; Quyết định số 628/QĐ-CĐKTCN ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang về việc Ban hành Quy chế đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn; Quyết định số 2253/QĐ-CĐKTCN ngày 28/10/2024 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn
434			7.1.06		Quyết định số 12/QĐ-CĐKTCN ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế Quy chế Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo GDNN; Quyết định số 13/QĐ-CĐKTCN ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế Quy chế Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo dạy trình độ cao

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					đăng, trình độ trung cấp; Quyết định số 14/QĐ-CDKTCN ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế Quy chế Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo dạy trình độ sơ cấp
435			7.1.07		Quyết định số 2166/QĐ-CDKTCN ngày 15/10/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định Công tác nhà giáo chủ nhiệm của Trường CDKTCN Nha Trang
436			7.1.08		Quyết định số 1697/QĐ-CDKTCN ngày 28/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Ban hành Quy định chính sách miễn, giảm học phí; chính sách nội trú đối với HSSV Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
437			7.1.09		Quyết định số 636/QĐ-CDKTCN ngày 07/05/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định chính sách miễn, giảm tiền ở KTX đối với HSSV
438			7.1.10		Quyết định số 260/QĐ-CDKTCN ngày 7/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng HSSV Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
439			7.1.11		Hồ sơ khảo sát nhà giáo, người học (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
440	7	2	7.2.01		Các quyết định ban hành quy định chính sách miễn giảm học phí năm học 2022-2023

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
441			7.2.02		Các quyết định ban hành quy định chính sách miễn giảm học phí năm học 2023-2024
442			7.2.03		Các quyết định ban hành quy định chính sách miễn giảm học phí năm học 2024-2025
443			7.2.04		Các quyết định miễn giảm học phí năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
444			7.2.05		Quyết định quy định chính sách nội trú năm học 2022-2023
445			7.2.06		Quyết định quy định chính sách nội trú năm học 2023-2024
446			7.2.07		Quyết định quy định chính sách nội trú năm học 2024-2025
447			7.2.08		Các quyết định thực hiện chính sách nội trú năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
448				7.1.09	Quyết định số 636/QĐ-CĐKTCN ngày 07/05/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định chính sách miễn, giảm tiền ở KTX đối với HSSV
449			7.2.09		Các Quyết định về việc miễn, giảm tiền ở ký túc xá năm học 2022- 2023, 2023- 2024, 2024- 2025
450			7.2.10		Quy định, quy trình xét cấp học bổng, khen thưởng năm học 2022- 2023
451			7.2.11		Quy định, quy trình xét cấp học bổng, khen thưởng năm học 2023- 2024
452			7.2.12		Quy định, quy trình xét cấp học bổng, khen thưởng năm học 2024- 2025
453			7.2.13		Các quyết định cấp học bổng cho học sinh, sinh viên là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa năm học 2022-202
454			7.2.14		Các quyết định cấp học bổng cho học sinh, sinh viên là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa năm học 2023-2024
455			7.2.15		Các quyết định cấp học bổng cho học sinh, sinh viên là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa năm học 2024-2025
456			7.2.16		Quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập năm học 2022-2023
457			7.2.17		Các quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập năm học 2023-2024
458			7.2.18		Các quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập năm học 2024-2025
459				2.1.03	Kế hoạch tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2023; 2024;2025
460				1.2.15	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 của trường
461			7.2.19		Hồ sơ khảo sát người học (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
462	7	3		7.1.10	Quyết định số 260/QĐ-CĐKTCN ngày 7/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng HSSV Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
463			7.3.01		Quyết định số 1712/QĐ-CDKTCN ngày 02/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang ban hành quy trình bảo đảm chất lượng phòng CTHSSV sửa đổi bổ sung năm 2023
464				7.2.13	Quyết định về việc cấp học bổng cho HSSV là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa năm học 2022 - 2023
465				7.2.14	Quyết định về việc cấp học bổng cho HSSV là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa năm học 2023 - 2024
466				7.4.15	Quyết định về việc cấp học bổng cho HSSV là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa năm học 2024-2025
467				7.2.16	Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập năm học 2022 - 2023
468				7.2.17	Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập năm học 2023 - 2024
469				7.2.18	Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập năm học 2024-2025
470			7.3.02		Các quyết định của Hiệu trưởng về việc công nhận danh hiệu và khen thưởng tập thể, cá nhân HSSV năm học 2022-2023
471			7.3.03		Các quyết định của Hiệu trưởng về việc công nhận danh hiệu và khen thưởng tập thể, cá nhân HSSV năm học 2023-2024
472			7.3.04		Các quyết định của Hiệu trưởng về việc công nhận danh hiệu và khen thưởng tập thể, cá nhân HSSV năm học 2024-2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
473			7.3.05		Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân HSSV đạt giải trong các cuộc thi năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025
474				7.1.07	Quyết định số 2166/QĐ-CĐKTCN ngày 15/10/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định Công tác nhà giáo chủ nhiệm của Trường CĐKTCN Nha Trang
475			7.3.06		Quyết định về việc phân công nhà giáo chủ nhiệm năm học 2022 - 2023
476			7.3.07		Quyết định về việc phân công nhà giáo chủ nhiệm năm học 2023 - 2024
477			7.3.08		Quyết định về việc phân công nhà giáo chủ nhiệm năm học 2024 - 2025
478			7.3.09		Thông báo về Kết quả kiểm tra công tác chủ nhiệm năm học 2022-2023
479			7.3.10		Thông báo về Kết quả kiểm tra công tác chủ nhiệm năm học 2023-2024
480			7.3.11		Thông báo về Kết quả kiểm tra công tác chủ nhiệm năm học 2024-2025
481				1.2.15	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 của trường
482			7.3.12		Hồ sơ khảo sát người học, người học tốt nghiệp (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
483	7	4	7.4.01		Bảng thống kê thông tin về nhà thi đấu đa năng (khu thể dục thể thao), câu lạc bộ văn nghệ, câu

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					lạc bộ KHKT, ĐMST, KN phục vụ cho hoạt động của trường
484			7.4.02		Các Công văn, kế hoạch, thông báo của các cơ quan, tổ chức triển khai các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao năm 2023
485			7.4.03		Quyết định số 2645 -QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của chủ tịch UBND Tỉnh Khánh Hòa
486			7.4.04		Quyết định số 49 -QĐKT/TĐTN-PT ngày 06/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn
487			7.4.05		Thông báo số 68 TB/TĐTN-BTTNTH ngày 29/11/2023 của ban chấp hành tỉnh đoàn Khánh Hòa
488			7.4.06		Quyết định số 48 QĐ/TĐTN-TTNTTH ngày 31/10/2023 của ban chấp hành tỉnh đoàn Khánh Hòa
489			7.4.07		QĐ số 57 QĐKT/TĐTN-VP, ngày 25/12/2023 của ban chấp hành tỉnh đoàn KH
490			7.4.08		Các Công văn, kế hoạch, thông báo của các cơ quan, tổ chức triển khai các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao năm 2024
491			7.4.09		Quyết định số 67 -QĐKT/TĐTN-PT ngày 15/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn
492			7.4.10		Quyết định số 2842/QĐ-UBND ngày 1/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa
493			7.4.11		Quyết định số 95 -QĐKT/TĐTN-TTNTTH ngày 30/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn
494			7.4.12		Quyết định số 87 -QĐKT/TĐTN-PT ngày 15/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn
495			7.4.13		Quyết định số 83 -QĐKT/TĐTN-PT ngày

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					5/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn
496			7.4.14		Quyết định số 64 -QĐ/HSV ngày 3/1/2025 của Ban thư ký Hội Sinh viên tỉnh
497			7.4.15		Các Công văn, kế hoạch, thông báo của các cơ quan, tổ chức triển khai các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao năm 2025
498			7.4.16		Quyết định số 100 -QĐKT/TĐTN-TTNTTH ngày 9/1/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn
499			7.4.17		Quyết định số 106 -QĐKT/TĐTN-PT ngày 15/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn
500			7.4.18		Quyết định số 103 -QĐKT/TĐTN-VP ngày 21/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn
501			7.4.19		Quyết định số 2576/QĐ-CĐKTCN ngày 12/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Kiện toàn Đội tự quản về an ninh trật tự KTX trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Nha Trang năm học 2024-2025
502			7.4.20		Kế hoạch hoạt động năm học 2022 - 2023, 2023-2024, 2024-2025 của Đội tự quản về an ninh trật tự Ký túc xá
503			7.4.21		Kế hoạch số 35/KH-CĐKTCN ngày 03/01/2025 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang triển khai thực hiện tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong phòng chống bạo lực học đường, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội trong HSSV
504			7.4.22		Kế hoạch số 672/KH-CĐKTCN ngày 11/4/2025 của Trường Cao đẳng KTCN Nha Trang tổ chức

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông cho HSSV
505			7.4.23		Hồ sơ khảo sát người học, người học tốt nghiệp (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
506	7	5		1.2.15	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025-2026 của trường
507				2.6.02	Quyết định số 602/QĐ-CDKTCN ngày 02/5/2018 về việc ban hành qui chế Quản lý, khai thác và vận hành phần mềm quản lý đào tạo Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
508			7.5.01		Kế hoạch đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường với Đoàn viên, Sinh viên, Thanh niên năm học 2022-2023
509			7.5.02		Kế hoạch đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường với Đoàn viên, Sinh viên, Thanh niên năm học 2023-2024
510			7.5.03		Kế hoạch đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường với Đoàn viên, Sinh viên, Thanh niên năm học 2024-2025
511			7.5.04		Các thông báo về việc điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới các quy chế, quy định, quy trình/công cụ năm 2023, 2024, 2025
512				1.4.03	Các quy chế, quy định, quy trình được rà soát điều chỉnh và xây dựng trong năm 2022, 2023, 2024, 2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
513				1.2.15	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 của trường
514			7.5.05		Báo cáo kết quả rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu người học
515			7.5.06		Hồ sơ khảo sát người học, người học tốt nghiệp (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
516	8	1		1.2.14	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 117/2018/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 17/12/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021
517				2.1.04	Thống kê ngành nghề đào tạo của Trường
518			8.2.01		Bảng danh mục ngành, nghề trường đang đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
519			8.1.02		Các Quyết định phê duyệt danh sách các lớp và số lượng HSSV học tiếp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
520			8.1.03		Các quyết định thành lập lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
521			8.1.04		Quyết định tốt nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
522			8.1.05		Sổ ký nhận bằng tốt nghiệp của HSSV
523			8.1.06		Biên bản họp xét buộc thôi học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
524			8.1.07		Quyết định HSSV buộc thôi học và cho thôi học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
525				1.2.15	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 của trường
526			8.1.08		Báo cáo kết quả đào tạo hệ trung cấp niên khóa 2022-2024, 2023-2025, Báo cáo kết quả đào tạo hệ cao đẳng liên thông niên khóa 2023-2024, 2024-2025, Báo cáo kết quả đào tạo hệ cao đẳng niên khóa 2021-2024, 2022-2025
527			8.1.09		Báo cáo đối sánh tỷ lệ bỏ học, đề xuất xuất giải pháp cải tiến
528	8	2	8.2.01		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến năm 2023, 2024, 2025
529			8.2.02		Hồ sơ khảo sát đơn vị sử dụng lao động (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
530			8.2.03		Bao cáo đánh giá cải tiến nâng cao chất lượng được thiết lập từ phản hồi thông tin của các bên liên quan
531	8	3	8.3.01		Các quy trình/ công cụ đã ban hành liên quan đến dạy và học; tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm
532			8.3.02		Thông báo về việc đề xuất số lượng người làm việc năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 của các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
533			8.3.03		Các Hướng dẫn về việc hướng dẫn Quy trình đánh giá, xếp loại nhà giáo dạy các môn chung, môn văn hóa trung học phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông năm học 2022-2023, 2023 -2024, 2024-2025
534			8.3.04		Các Hướng dẫn về việc đánh giá nhà giáo GDNN năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
535			8.3.05		Kế hoạch của tỉnh ủy Khánh Hòa về Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Khánh Hòa năm 2023, 2024, 2025
536				3.2.05	Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
537				3.2.06	Kế hoạch về tự đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022- 2023, 2023-2024, 2024-2025
538				3.2.08	Báo cáo về Kết quả đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, viên chức trong năm 2023, 2024, 2025 theo thông báo triệu tập
539			8.3.06		Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý của trường 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025
540			8.3.07		Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý được thu thập ý kiến 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025
541			8.3.08		Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025
542			8.3.09		Báo cáo đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm đảm bảo chất lượng và nâng cao chất lượng đào tạo được thiết lập từ kết quả khảo sát năm 2023,2024,2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
543	8	4	8.4.01		Các quy trình đã ban hành liên quan đến chất lượng, hiệu quả các hình thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học
544			8.4.02		Hồ sơ khảo sát người học (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025)
545			8.4.03		Quyết định 1433/QĐ-CĐKTCN ngày 21/9/2022 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc phê duyệt danh sách các lớp và số lượng HSSV học tiếp năm học 2022 - 2023 (đợt 1); Quyết định 1576/QĐ-CĐKTCN ngày 06/10/2022 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Về việc bổ sung danh sách các lớp và số lượng HSSV học tiếp năm học 2022 - 2023
546			8.4.04		Danh sách người học thu thập ý kiến năm học 2022-2023
547			8.4.05		Quyết định 1627/QĐ-CĐKTCN ngày 19/9/2023 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Phê duyệt danh sách các lớp và số lượng HSSV học tiếp năm học 2023 - 2024; Quyết định 1823/QĐ-CĐKTCN ngày 16/10/2023 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Về việc bổ sung danh sách các lớp và số lượng HSSV học tiếp năm học 2023 - 2024
548			8.4.06		Danh sách người học được thu thập ý kiến năm học 2023-2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
549			8.4.07		Các Quyết định về việc phê duyệt danh sách các lớp và số lượng HSSV học tiếp năm học 2024 - 2025
550			8.4.08		Danh sách người học được thu thập ý kiến năm học 2024-2025
551			8.4.09		Báo cáo đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo được thiết lập từ kết quả khảo sát năm 2023, 2024, 2025
552	8	5		1.3.13	Công văn số 96/CKĐCL-KĐ ngày 12/5/2020 về việc tự đánh giá chất lượng GDNN
553				1.3.14	Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2023, 2024, 2025
554				1.3.15	Kế hoạch phê duyệt Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2023, 2024, 2025
555				1.3.16	Các Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2023, 2024, 2025
556				1.3.17	Kế hoạch về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2023, 2024, 2025
557				1.3.18	Kế hoạch công tác của phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí năm học 2022 - 2023, 2023 – 2024; 2024-2025
558				1.3.19	Các Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
					2023- 2024, 2024-2025, 2025-2026 của các đơn vị
559			8.5.01		Báo cáo về kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2023
560			8.5.02		Báo cáo về kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024
561			8.5.03		Báo cáo về kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2026
562			8.5.04		Công khai báo cáo tự đánh giá qua Website: http://cdkctcnnt.edu.vn
563			8.5.05		Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2022
564			8.5.06		Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023
565			8.5.07		Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2024
566				1.3.07	Thông báo những tồn tại công tác Bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024
567				1.3.08	Kế hoạch khắc phục những tồn tại công tác Bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024
568				1.3.10	Kế hoạch về việc xây dựng và vận hành hệ thống Bảo đảm chất lượng GDNN của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024 - 2025
569				1.3.09	Báo cáo kết quả khắc phục tồn tại trong công tác Bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023, 2024 của các đơn vị
570			8.5.08		Báo cáo về kết quả tự đánh giá chất lượng các CTĐT năm 2023
571			8.5.09		Báo cáo về kết quả tự đánh giá chất lượng các CTĐT năm 2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dụng chung	Tên minh chứng
572			8.5.10		Báo cáo về kết quả tự đánh giá chất lượng các CTĐT năm 2025
573			8.5.11		Báo tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2023
574			8.5.12		Báo tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2024
575			8.5.13		Báo tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2025
576	8	6		8.1.03	Quyết định tốt nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
577			8.6.01		Danh sách HSSV tốt nghiệp năm 2023, 2024, 2025
578			8.6.02		Hồ sơ khảo sát người học tốt nghiệp có việc làm (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, tổng hợp dữ liệu, Báo cáo kết quả khảo sát) năm 2023, 2024, 2025

